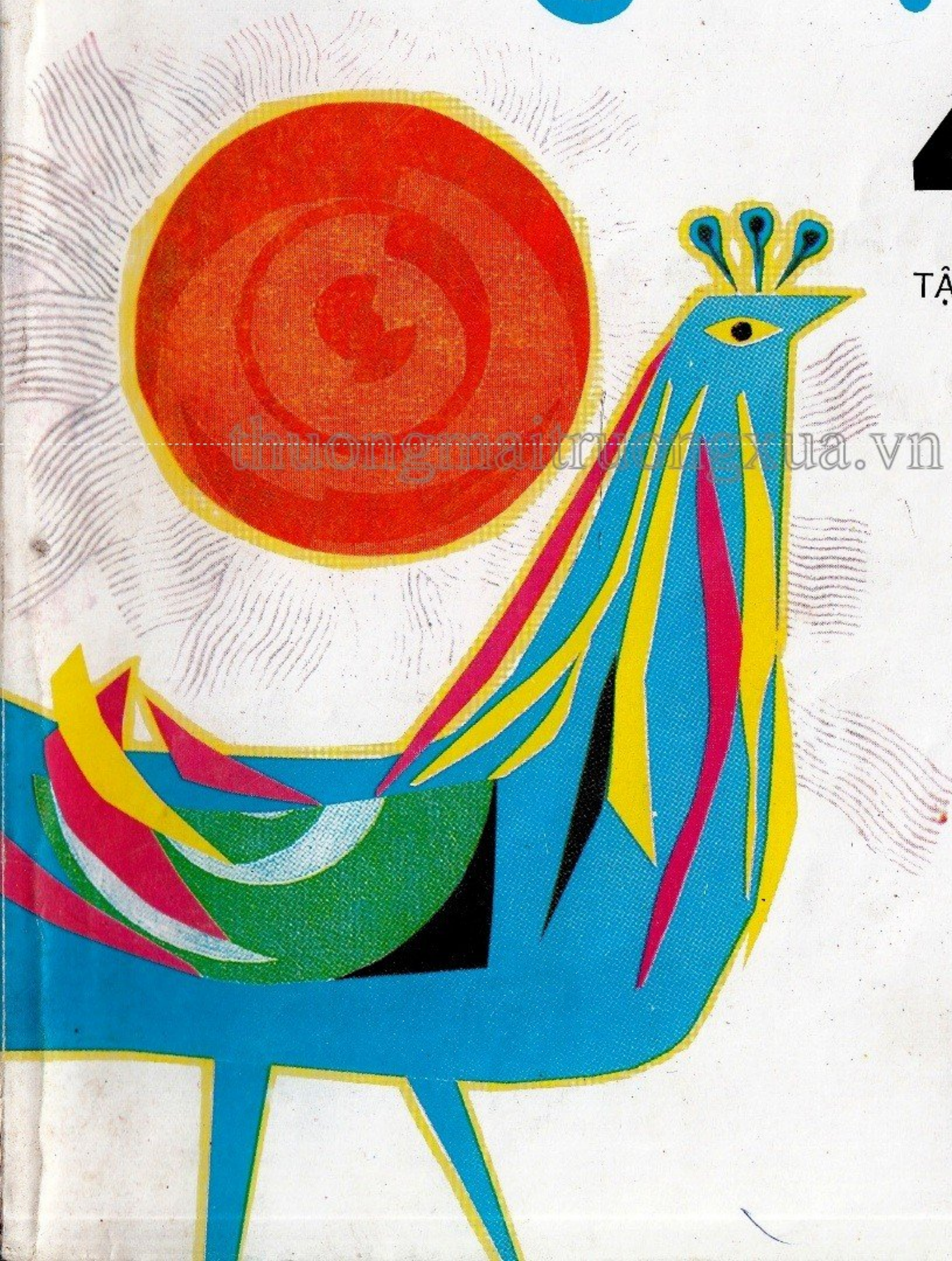


BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tiếng Việt

4

TẬP MỘT



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LÊ CẬN (Chủ biên)

NGUYỄN HUY ĐÀN - NGUYỄN BUI VỢI - NGUYỄN TÚ SINH

HOÀNG VĂN THUNG - ĐỖ QUANG LƯU - NGUYỄN CỎ

LƯU ĐỨC KHÔI - ĐỖ LÊ CHẨN

Tiếng Việt

4

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ mười tám - Chính lí năm 1994)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI

Tổng biên tập VŨ DƯƠNG THỤY

Biên soạn :

LÊ CẬN	(Chủ biên)	ĐỖ QUANG LƯU	(Tủ ngữ)
NGUYỄN HUY DÀN	(Tập đọc)	HOÀNG VĂN THUNG	(Ngữ pháp)
NGUYỄN BÙI VỘI	-	NGUYỄN CỎ	(Chính tả)
NGUYỄN TÚ SINH	-	LƯU ĐỨC KHÔI	(Tập làm văn)

Biên soạn chỉnh lý (1994) :

NGUYỄN HUY DÀN	(Tập đọc)
HOÀNG VĂN THUNG	(Tủ ngữ - Ngữ pháp)
ĐỖ LÊ CHẨN	(Chính tả - Tập làm văn)

Biên tập chỉnh lý :

HOÀNG PHÙNG

Biên tập tái bản :

NGUYỄN NGỌC BẢO

Biên tập kỹ thuật :

TRẦN THU NGÀ

Trình bày bìa :

THÀNH CHUÔNG

Minh họa :

TRẦN TIỂU LÂM

Sửa bản in :

VŨ THỊ XUYẾN

Chế bản :

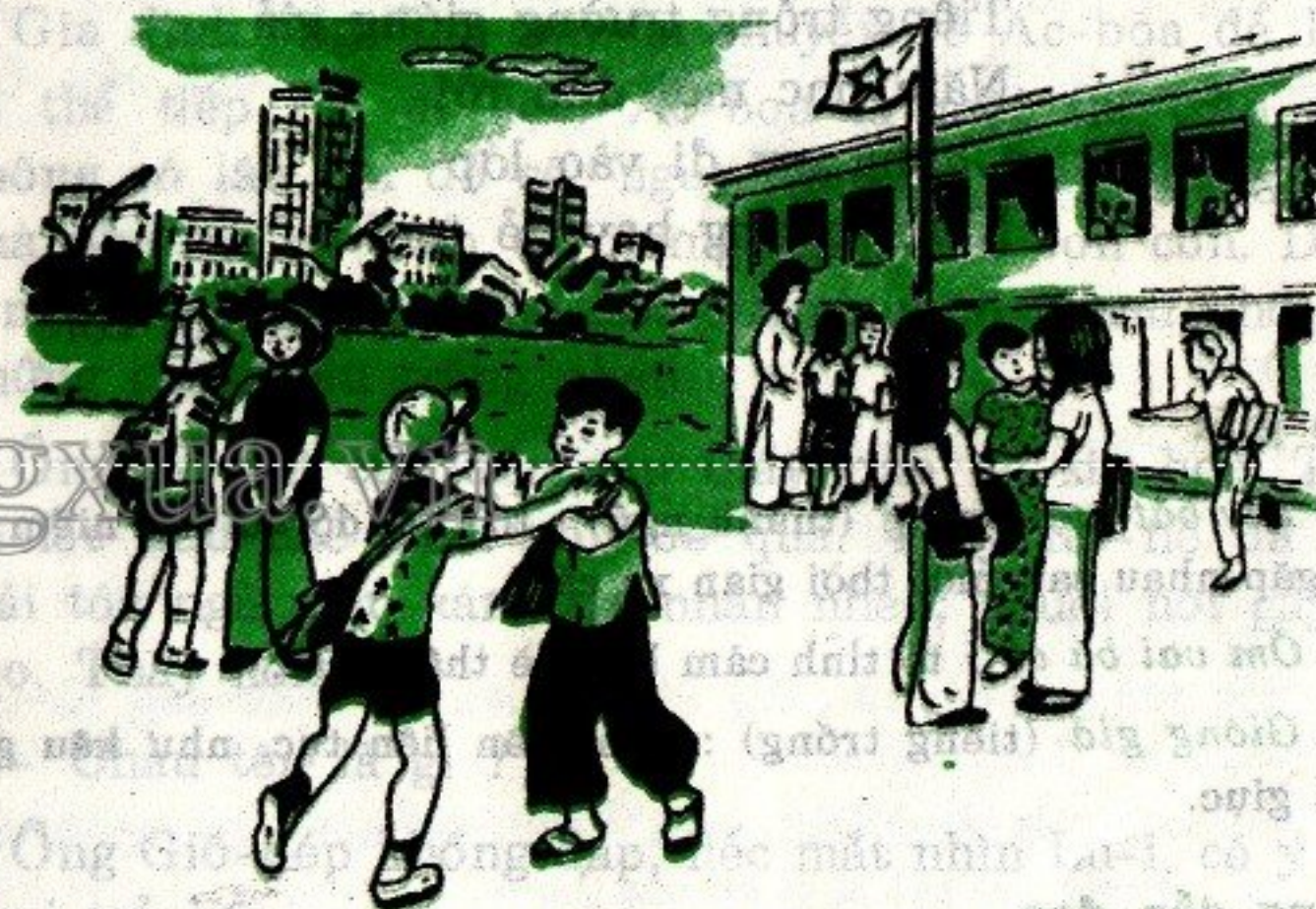
PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

TẬP ĐỌC

Chủ đề MĂNG NON

TIẾT 1

NGÀY KHAI TRƯỜNG



Niềm vui đi
đón ngày
khai trường
gặp lại bạn
bè cũ thật vui
về

Sáng đầu thu trong xanh
Em mặc quần áo mới
Đi đón ngày khai trường
Vui như là đi hội.
Gặp bạn, cười hớn hở
Đứa tay bắt mặt mừng
Đứa ôm vai bá cổ
Cặp sách dựa trên lưng.

Nhìn các thầy, các cô
Ai cũng như trẻ lại
Sân trường vàng nắng mới
Lá cờ bay như reo.

Từng nhóm đứng đo nhau
Thấy bạn nào cũng lớn
Năm xưa bé tí teo,
Giờ đã lên lớp Bốn.

Tiếng trống trường giống già
Năm học mới đến rồi
Chúng em đi vào lớp
Khăn quàng bay đỏ tươi.

NGUYỄN BÙI VỢI

Chú giải

- *Tay bắt mặt mừng* (thành ngữ) : tỏ thái độ vui vẻ, niềm nở khi gặp nhau sau một thời gian xa cách.
- *Ôm vai bá cổ* : tỏ tình cảm bạn bè thân mật.
- *Giống già* (tiếng trống) : vang lên liên tục, như kêu gọi, thúc giục.

Hướng dẫn đọc

- Phát âm đúng những tiếng có vần *uân* : *quần áo, tuần lễ*.
- Toàn bài đọc với giọng vui ; riêng khổ thơ cuối, đọc giọng trang nghiêm hơn.

Tìm hiểu bài

1. Bài thơ tả niềm vui của học sinh lớp mấy trong ngày khai trường ? Những câu nào nói rõ điều đó ?
2. Mỗi khổ thơ nói về một niềm vui, đó là những niềm vui nào ?

3. Người vui nên cảnh cũng vui. Quang cảnh buổi sáng ngày khai trường có những nét gì tươi sáng, vui vẻ, trang nghiêm ?

* Học thuộc lòng bài thơ.

TIẾT 2

CẬU HỌC SINH GIỎI NHẤT LỚP

Gia đình ông Giô-dép lại chuyển về Ác-boá để Lu-i có thể tiếp tục đi học. Ác-boá là một thị trấn nhỏ, không có lâu đài đồ sộ, nguy nga, chỉ thấy những ngôi nhà nhỏ bé, cổ kính và những vườn nho con con. Dòng sông Quy-dăng-xơ hiền hòa lượn quanh thành phố, với những chiếc cầu trắng phau.

Ông bố dắt con đến gặp thầy giáo để xin học. Thầy cứ lắc đầu chê Lu-i còn bé quá. Thầy Rơ-nê đã già, mái tóc ngả màu xám, da nhăn nheo, người hơi gầy và cao. Thầy hỏi :

- Cháu tên là gì ?

Ông Giô-dép không đáp, liếc mắt nhìn Lu-i, có ý bảo Lu-i trả lời.

- Thưa thầy, con là Lu-i Pa-xơ ạ !

- Đã muốn đi học chưa hay còn thích chơi ?

- Thưa thầy, con thích đi học ạ !

Thầy giáo gật gù ra vẻ bằng lòng :

- Thế thì được !

Từ nhà đến trường không xa lắm, nhưng với tầm mắt của tuổi nhỏ, đó là cả một đoạn đường dài thơ mộng,

Lu-i
trai
ham
chơi
nhưng
học rất
tích cực

có những chặng nghỉ và những trò chơi thú vị. Dưới gốc một cây to ở vệ đường, cỏ đã trụi đi vì những ván bi quyết liệt. Cái bãi gần đường vào thị trấn là nơi đã diễn ra những "pha" bóng chớp nhoáng, đầy hứng thú và say mê. Còn dưới chân cầu kia, chính là nơi Lu-i thường rủ Giuyn Véc-xen, người bạn thân nhất của mình, đến đó câu cá.

Còn việc học hành của Lu-i thì khỏi phải nói ! Gia đình và thầy giáo rất hài lòng. Thầy khen một cách thành thực sự chăm chỉ và kết quả học tập của cậu. Cậu là học sinh giỏi nhất lớp.

Theo ĐỨC HOÀI

Trích "Lu-i Pa-xơ"

Chú giải

- **Lu-i Pa-xơ** : nhà bác học Pháp ở thế kỉ XIX.
- **Thơ mộng** : êm đẹp, gợi nhiều ước mơ.

Hướng dẫn đọc

- Đọc đúng, rõ các từ tiếng Pháp phiên âm : Giơ-dép, Ác-boá, Quy-dăng-xơ, Lu-i Pa-xơ.
- Thể hiện rõ giọng nói thân mật, trìu mến của người thầy giáo già ; giọng rụt rè, lễ phép của Lu-i.

Tìm hiểu bài

1. Những chi tiết nào cho ta biết Lu-i Pa-xơ khi đến trường, hãy còn rất bé ?
2. Tuy bé nhưng Lu-i Pa-xơ đã có ý thức học tập chưa ?
3. Ngoài giờ học, Lu-i Pa-xơ thường tham gia những trò giải trí nào ? Những từ ngữ nào cho biết cậu tham gia các trò chơi đó rất say mê ?
4. Kết quả học tập của Lu-i Pa-xơ ra sao ? "Khỏi phải nói" nghĩa là gì ?

TIẾT 3

VIỆT NAM THÂN YÊU

Về đẹp của
ĐN
Nam
Tình thân
lời ca của
của NDta

Việt Nam đất nước ta ơi !
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn
Cánh cò bay lả rập rờn,
Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều.
Quê hương biết mấy thân yêu,
Bao nhiêu đời đã chịu nhiều thương đau.
Mặt người vất vả in sâu,
Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn.

Em yêu thơ
của đất ta

Đất nghèo nuôi những anh hùng
Chìm trong máu chảy lại vùng đứng lên
Đạp quân thù xuống đất đen
Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa.

NGUYỄN DINH THI

Trích "Bài thơ Hắc Hải"

Chú giải

- **Trường Sơn** : tên gọi dãy núi chạy dài dọc miền Trung nước ta.
- **Chìm trong máu chảy** : ý nói đất nước bị bọn xâm lược giày xéo, gây chết chóc, đau thương.
- **Súng gươm vứt bỏ** : ý nói đánh đuổi xong bọn xâm lược, nhân dân ta lại sống hòa bình và xây dựng đất nước.

Hướng dẫn đọc

- Phát âm đúng những tiếng có vần **ât** (khác với **ac** và **ut**) : đất nước, vất vả, tắc đất tắc vàng.
- Đọc đúng nhịp các câu thơ :
Quê hương / biết mấy thân yêu (nhịp 2 - 4).

Bao nhiêu đời / đã chịu nhiều thương đau (nhịp 3 - 5)
Đất nghèo / nuôi những anh hùng (nhịp 2 - 4)
Chìm trong máu chảy / lại vùng đứng lên (nhịp 4 - 4)

Tìm hiểu bài

1. Bài thơ miêu tả những cảnh đẹp nào của Việt Nam ?
 2. Cuộc sống của nhân dân ta ngày xưa ra sao ? Những từ ngữ nào nói lên điều đó ?
 3. Khổ thơ thứ ba "Đất nghèo... như xưa" cho biết nhân dân ta có những truyền thống tốt đẹp gì ?
- * Học thuộc lòng đoạn thơ.

TIẾT 4

TRUNG THU ĐỘC LẬP



Đêm nay anh đứng gác ở trại.
Trăng ngàn và gió núi bao la khiến
lòng anh man mác nghĩ tới trung
thu và nghĩ tới các em. Trăng đêm
nay soi sáng xuống nước Việt Nam
độc lập yêu quý của các em. Trăng
sáng mùa thu vàng vạc chiếu khắp
thành phố, làng mạc, núi rừng, nơi
quê hương thân thiết của các em...

Anh nhìn trăng và nghĩ tới ngày
mai...

Ngày mai, các em có quyền mơ
tưởng một cuộc sống tươi đẹp vô
cùng. Mười mười lăm năm nữa
thôi, các em sẽ thấy cũng dưới

ánh trăng này, dòng thác nước đổ xuống làm chạy máy
phát điện ; ở giữa biển rộng, cờ đỏ sao vàng phấp phới
bay trên những con tàu lớn. Trăng của các em sẽ soi
sáng những ống khói nhà máy chi chít, cao thẳm, rải
trên đồng lúa bát ngát vàng thơm, cùng với nông trường
to lớn, vui tươi.

Trăng đêm nay sáng quá ! Trăng mai còn sáng hơn.
Anh mừng cho các em vui tết trung thu độc lập đầu
tiên và anh mong ước ngày mai đây, những tết trung thu
tươi đẹp hơn nữa sẽ đến với các em.

THÉP MỚI

Chú giải

- **Tết trung thu** : tết của trẻ em vào đêm rằm tháng tám âm lịch.
- **Trăng ngàn** : trăng chiếu trên vùng núi rừng.
- **Rải** : rải ra, rắc đều... Ý trong bài nói ánh trăng đẹp chiếu khắp mọi nơi.
- **Trăng mai** (mai sau) : trăng trong những tết trung thu sau này.

Hướng dẫn đọc

- Phát âm đúng : *thân thiết*. Phân biệt những tiếng có nguyên âm đôi *iê* với *i* và *ê* (chi chít, thết tiệc) ; những tiếng có vần *iêt* với *iêc* (thấm thiết, xanh biếc, mỏ thiếc).
- Ngắt hơi đúng chỗ : Đêm nay anh đứng gác ở trại//Trăng ngàn và gió núi bao la/khiến lòng anh man mác nghĩ tới trung thu/và nghĩ tới các em//
- Giọng đọc thiết tha, thể hiện rõ giọng người anh nói chuyện thân mật với các em thiếu nhi yêu quý.

Ở đoạn 1, nhấn mạnh các từ tả vẻ trong sáng, đẹp đẽ của trăng thu độc lập như : *bao la, vàng vạc* ; ở đoạn 2, nhấn mạnh các từ ngữ nói lên lòng tin tưởng của anh chiến sĩ ở tương lai của đất nước như : *các em có quyền, các em sẽ thấy, cũng dưới ánh trăng này...*

Tìm hiểu bài

1. Ánh trăng trung thu độc lập sáng, đẹp như thế nào ? Tìm những từ ngữ gợi tả vẻ đẹp đó.
2. Nhìn ánh trăng đẹp, anh chiến sĩ nghĩ đến ai ? Vì sao ?
3. Những hình ảnh nào nói lên ước mơ của anh chiến sĩ trong đêm trung thu độc lập ?
4. Ta có thể thay "có quyền mơ tưởng" bằng "có thể mơ tưởng" hoặc "nên mơ tưởng" được không ? Vì sao ?

TIẾT 5

NGHE THẦY ĐỌC THƠ

(Trích)

Em nghe thầy đọc bao ngày
Tiếng thơ đỏ nắng xanh cây quanh nhà.
Mái chèo nghe vọng sông xa
Êm êm nghe tiếng của bà năm xưa.
Nghe trăng thở động tàu dừa
Rào rào nghe chuyển cơn mưa giữa trời.
Thêm yêu tiếng hát nụ cười
Nghe thơ em thấy đất trời đẹp ra.

TRẦN DẰNG KHOA

Chú giải

Tiếng thơ : thơ đọc lên một cách diễn cảm.

Hướng dẫn đọc

Đọc thầm 6 dòng thơ đầu và thử hình dung những màu sắc, âm thanh, chuyển động được gợi lên qua các từ ngữ : *đỏ nắng, xanh cây, vọng sông xa, êm êm, thở động, rào rào.*

Tìm hiểu bài

1. Tiếng thơ của thầy giáo đã gợi lên những hình ảnh mang màu sắc, âm thanh như thế nào ?
2. "Êm êm" khác với "êm" như thế nào ? Hãy đặt câu với mỗi từ đó để làm rõ sự khác nhau về nghĩa.
3. Các bài thơ thầy giáo đọc đã có tác động gì đến tác giả ?

* Học thuộc lòng đoạn thơ.

Tiếng thơ của thầy giáo gợi những màu sắc, âm thanh, hình ảnh, cảm xúc, tình cảm, ý nghĩ, hành động, thái độ sống.

TIẾT 6

QUÀ TẶNG CHA

Công việc vất vả của người cha

Một bữa, Pa-xcan - khi đó đã là sinh viên - đi đâu khuya về thấy bố vẫn cặm cụi trước bàn làm việc. Anh rón rén lại gần. Ông bố vẫn mải mê với những con số ; ông đang phải kiểm tra sổ sách của Sở tài chính mà ông mới được bổ nhiệm phụ trách.
Những dãy tính cộng hàng ngàn con số ! - Pa-xcan nghĩ thầm trong bụng - Một công việc buồn tẻ không thể tránh khỏi ! Nhưng...

Trong óc nhà toán học trẻ tuổi lóe ra một tia sáng. Anh lặng lẽ trở về phòng mình và vạch một sơ đồ gì đó trên giấy.

Mười hôm sau, ông Pa-xcan già rất ngạc nhiên thấy con ôm một vật gì là lạ đặt trên bàn :

- Con hi vọng món quà nhỏ này có thể làm bố bớt nhức đầu vì những con tính !

thường cha pa-xcan đã phát minh ra
máy tính

Thì ra, đó là một thứ máy cộng trừ mà Pa-xcan đã
đặt hết tình cảm của người con vào việc chế tạo. Đó
cũng là chiếc máy tính đầu tiên trên thế giới, tổ tiên xa
xôi của những máy tính điện tử hiện đại.

LÊ NGUYỄN LONG - PHẠM NGỌC TOÀN

Trích "Cuộc sống và sự nghiệp"

Chú giải

- **Pa-xcan** : nhà vật lí học, triết học và nhà văn nổi tiếng
người Pháp ở thế kỉ XVII. Ông sáng chế ra máy tính cộng trừ
vào năm 18 tuổi.

- **Được bổ nhiệm** : được cử giữ một chức vụ nào đó trong bộ
máy chính quyền.

- **Máy tính điện tử** : máy tính làm bằng các linh kiện điện tử
để giải các bài toán theo chương trình.

Hướng dẫn đọc

- Phát âm đúng tên nhà bác học Pa-xcan.
- Hạ giọng và đọc tách riêng những bộ phận câu nằm giữa hai
vạch ngang : "- khi đó đã là sinh viên -", "- Pa-xcan nghĩ thầm
trong bụng -".

Tìm hiểu bài

1. Ông bố Pa-xcan làm sổ sách vất vả như thế nào ?
2. Thương bố vất vả, Pa-xcan đã làm gì ?
3. Cái máy tính cộng trừ do Pa-xcan chế tạo ra đã giúp ích gì
cho bố ông ?
4. Vì sao nó là "tổ tiên xa xôi của những máy tính điện tử
hiện đại" ?

đó là cái máy đầu tiên đặt cơ sở
nên mong cho những máy tính hiện
đại được sản xuất sớm hơn.

TIẾT 7

MẸ VẮNG NHÀ NGÀY BÃO

Mấy ngày mẹ về quê
Là mấy ngày bão nổi
Con đường mẹ đi về
Cơn mưa dài chặn lối.

Tình cảm của
mọi người trong
gia đình.

Hai chiếc giường ướm một
Ba bố con nằm chung
Vẫn thấy trống phía trong
Nằm ấm mà thao thức.

Nghĩ giờ này ở quê
Mẹ cũng không ngủ được
Thương bố con vụng về
Củ mùn thì lại ướm.

Nhưng chị vẫn hái lá
Cho thỏ mẹ, thỏ con
Em thì chăm đàn ngan
Sáng lại chiều no bữa.
Bố đội nón đi chợ
Mua cá về nấu chua...

Thế rồi cơn bão qua
Bầu trời xanh trở lại.
Mẹ về như nắng mới
Sáng ấm cả gian nhà.

ĐẶNG HIỂN

Trích "Hố trong mây"

miền quê
khí mẹ về

Chú giải

- **Mùn** : củ vụn, mặt cưa... dùng để đốt.
- **Nấu chua** : nấu canh chua.

Hướng dẫn đọc

- Phát âm đúng những tiếng có vần ươt (khác ước trong ước ao).
- Toàn bài đọc với giọng kể chuyện nhẹ nhàng, có nhấn giọng vừa phải ở những từ ngữ nói lên tình cảm thấm thiết giữa những người trong gia đình như : *con mưa dài, vẫn thấy trống, như nắng mới, sáng ấm cả gian nhà...*

Tìm hiểu bài

1. Trong bài thơ, những chi tiết nào chứng tỏ mọi người trong gia đình rất yêu thương nhau?

2. Mẹ vắng nhà có làm ngừng trệ các công việc bình thường trong gia đình không? Vai trò của bố có gì thay đổi?

3. Câu thơ "Mẹ về như nắng mới, sáng ấm cả gian nhà" nói lên những tình cảm gì của bố và hai con sau nhiều ngày mong đợi? *mẹ về làm cho cả nhà vui mừng không biết cơm nhà như ăn*

* Học thuộc lòng đoạn thơ; ôn lại các bài ở Tiết 1, 3, 5.

sáng đẹp hơn

TIẾT 8

KHÚC HÁT RU

Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi!

Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ

Mẹ già gạo, mẹ nuôi bộ đội

Nhịp chày nghiêng, giấc ngủ em nghiêng.

Mồ hôi mẹ rơi, má em nóng hổi

Vai mẹ gầy nhấp nhô làm gối

Tình yêu nước

Lung đưa nôi và tim hát thành lời :

- Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi !

Mẹ thương a-kay, mẹ thương bộ đội

Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần

Mai sau con lớn vùng chày lún sân...

NGUYỄN KHOA ĐIỂM

Trích "Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ"

Chú giải

- **Cu Tai** : tên riêng em bé.

- **Lung đưa nôi** : người mẹ dịu con trên lưng, luôn luôn đưa cho con ngủ ngon.

- **A-kay** : con (tiếng dân tộc Tà-ôi ở vùng núi phía tây tỉnh Thừa Thiên-Huế).

Hướng dẫn đọc

- Chú ý cách ngắt nhịp ở những câu sau :

Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi !

Em ngủ cho ngoan / đừng rời lưng mẹ (nhịp 4 - 4)

Vai mẹ gầy / nhấp nhô làm gối (nhịp 3 - 4)

Lung đưa nôi / và tim hát thành lời (nhịp 3 - 5)

- Giọng đọc êm nhẹ, thể hiện tình người mẹ thương con.

Tìm hiểu bài

1. Tình yêu nước và thương con của người mẹ miền núi Thừa Thiên biểu hiện ở những chi tiết nào?

**2. Em hiểu câu thơ "Nhịp chày nghiêng, giấc ngủ em nghiêng" như thế nào? *mỗi nhịp chày già người mẹ phải cúi nghiêng người theo em bé ngủ trên lưng nên giấc ngủ của em*

3. Dịu con trên lưng khi già gạo nuôi quân, người mẹ ước mơ gì?

* Học thuộc lòng bài thơ.

VỀ THĂM BÀ

mối quan tâm của bà đối với Thanh

Thanh bước lên thêm, nhìn vào trong nhà. Cảnh tượng gian nhà cũ không có gì thay đổi. Sự yên lặng làm Thanh mãi mới cất được tiếng gọi khẽ :

- Bà ơi !

Thanh bước xuống dưới giàn thiên lí. Có tiếng người đi, rồi bà, mái tóc bạc phơ, chống gậy trúc ở ngoài vườn vào. Thanh cảm động và mừng rỡ, chạy lại gần.

- Cháu đã về đấy ư ?

Bà ngừng nhai trầu, đôi mắt hiền từ dưới làn tóc trắng nhìn cháu, âu yếm và mến thương.

- Đi vào trong nhà kéo nằng, cháu !

Thanh đi, người thẳng, mạnh, cạnh bà lưng đã còng. Tuy vậy, Thanh cảm thấy chính bà che chở cho mình cũng như những ngày còn nhỏ.

- Cháu đã ăn cơm chưa ?

- Dạ chưa. Cháu xuống tàu về đây ngay. Nhưng cháu không thấy đói.

Bà nhìn cháu, giục :

- Cháu rửa mặt đi, rồi nghỉ kéo mệt.

Thanh đến bên bể múc nước vào thau rửa mặt. Nước mát rượi và Thanh cúi nhìn bóng mình trong lòng bể với những mảnh trời xanh.

cảm tưởng của thanh mỗi lần về thăm

bà
Lần nào trở về với bà, Thanh cũng thấy thanh thản và bình yên như thế. Căn nhà, thửa vườn này như một nơi mát mẻ và hiền lành. Ở đây, bà lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để mến yêu Thanh.

Theo THẠCH LAM

Chú giải

Thiên lí : một giống cây leo, hoa thơm, màu vàng nhạt, nở thành chùm, thường trồng ở trước nhà làm cảnh.

Hướng dẫn đọc

Đọc đúng, rõ thanh ngã trong các từ : *mãi, khẽ, mừng rỡ, sẵn sàng* và thể hiện được tình cảm âu yếm của bà đối với cháu trong các câu :

- *Đi vào trong nhà kéo nằng, cháu !*

- *Cháu đã ăn cơm chưa ?*

- *Cháu rửa mặt đi...*

Tìm hiểu bài

1. Sự săn sóc ân cần của bà đối với Thanh được bộc lộ qua những cử chỉ và lời nói nào ?

****2.** Thanh đã khôn lớn rồi mà vẫn "cảm thấy chính bà che chở cho mình cũng như những ngày còn nhỏ". Tại sao vậy ?

3. Thanh có những cảm tưởng gì mỗi khi trở về với bà ở căn nhà và thửa vườn nơi quê cũ ?

4. Các từ "hiền từ" và "hiền lành" có thể thay thế cho nhau trong các câu văn sau đây không ? Vì sao ?

"Bà ngừng nhai trầu, đôi mắt hiền từ... nhìn cháu..."

"Căn nhà, thửa vườn này như một nơi mát mẻ và hiền lành..."

THƯƠNG ÔNG

*ông bị đau chân (Trích)
đi lại rất khó khăn*

Ông bị đau chân,
Nó sưng nó tấy.
Đi phải chống gậy
Khập khiễng khập khà,
Bước lên thêm nhà,
Nhấc chân quá khó.
Thấy ông nhăn nhó,
Việt chơi ngoài sân
Lon ton lại gần,
Âu yếm, nhanh nhẩu :
"Ông vịn vai cháu !
Cháu đỡ ông lên".



*mỗi sung sướng của ông khi
được cháu giúp đỡ*
Ông bước lên thêm,
Trong lòng sung sướng,
Quảng gậy, cúi xuống
Quên cả đòn đau
Ôm cháu xoa đầu
"Hoan hô thằng bé !
Bé thế mà khỏe,
Vì nó thương ông"....

TÚ MỎ

Chú giải

- **Tấy** (vết thương) : bắt đầu mưng mủ, đau buốt.
- **Lon ton** : dáng đi nhanh, bước ngắn, vội vàng.

Hướng dẫn đọc

- Đọc rõ từ *khập khiễng khập khà*.
- Đọc lời của ông và cháu, cần diễn tả được tâm trạng của mỗi nhân vật : giọng cháu thì âu yếm ; giọng ông vui vẻ, phấn khởi.

Tìm hiểu bài

1. Những từ ngữ nào cho em biết ông của Việt đau chân lắm và đi lại rất khó khăn ?
 2. Việt đã giúp đỡ ông bằng cách nào ? Từ *lon ton* gợi tả dáng đi, tâm trạng của Việt ra sao ?
 3. Được cháu đỡ lên thêm, ông rất xúc động và vui sướng. Những chi tiết nào diễn tả tâm trạng đó của ông ?
 4. Lời khen của ông "Bé thế mà khỏe, Vì nó thương ông" làm ta xúc động. Vì sao ?
- * Học thuộc lòng đoạn thơ.

Chủ đề ĐẤT NƯỚC

TIẾT 11

ĐẤT NƯỚC

(Trích)

Niềm vui sướng của tác giả

Mùa thu nay khác rồi,
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi,
Gió thổi rừng tre phấp phới
Trời thu thay áo mới

Trong biếc nói cười thiết tha.

Trời xanh đây là của chúng ta,

Núi rừng đây là của chúng ta,

Những cánh đồng thơm mát,

Những ngả đường bát ngát,

Những dòng sông đỏ nặng phù sa.

Nước chúng ta,

Nước những người chưa bao giờ khuất,

Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất.

Những buổi ngày xưa vọng nói về.

NGUYỄN DINH THI

Chú giải

Khuất : chịu làm theo, tuân theo sự chỉ phối của một thế lực.
Chưa bao giờ khuất : ý nói chưa bao giờ chịu cúi đầu làm nô lệ cho bọn giặc cướp nước.

Hướng dẫn đọc

Đoạn thơ rất giàu âm điệu. Cần đọc rõ những tiếng : rồi, đồi ; phới, mới ; tha, ta v.v... Chú ý nhấn giọng ở các điệp ngữ và ngắt nhịp đúng khi đọc các câu :

"Trời xanh đây / là của chúng ta

Núi rừng đây / là của chúng ta" v.v...

Tìm hiểu bài

1. Cảnh đất nước trong mùa thu nay tươi đẹp như thế nào ?
Tìm những hình ảnh nói lên vẻ đẹp đó.

2. Nêu những từ ngữ được lặp lại trong đoạn thơ. Sự lặp lại đó có tác dụng nhấn mạnh ý gì ?
Học thuộc lòng đoạn thơ.

TIẾT 12

CON CHUỒN CHUỒN NƯỚC

Ồi chào ! Chú chuồn chuồn nước mới đẹp làm sao !
Màu vàng trên lưng chú lấp lánh. Bốn cái cánh mỏng như giấy bóng. Cái đầu tròn và hai con mắt long lanh như thủy tinh. Thân chú nhỏ và thon vàng như màu vàng của nắng mùa thu. Chú đậu trên một cành lộc vừng ngả dài trên mặt hồ. Bốn cánh khẽ rung rung như còn đang phân vân.

Rồi đột nhiên, chú chuồn chuồn nước tung cánh bay vọt lên. Cái bóng chú nhỏ xíu lướt nhanh trên mặt hồ. Mặt hồ trải rộng mênh mông và lặng sóng. Chú bay lên cao hơn và xa hơn. Dưới tầm cánh chú bây giờ là lũy tre xanh rì rào trong gió, là bờ ao với những khóm khoai nước rung rinh. Rồi những cảnh tuyệt đẹp của đất nước hiện ra : cánh đồng với những đàn trâu thung thăng gặm cỏ ; dòng sông với những đoàn thuyền ngược xuôi. Còn

(trên tầng cao cánh chú là đàn cò đang bay, là trời xanh trong và cao vút...

NGUYỄN THẾ HỘI

Chú giải

Phân vân : nghĩ ngợi, chưa biết nên quyết định như thế nào.

Hướng dẫn đọc

Đây là một bài văn miêu tả cảnh vật. Khi đọc, chú ý nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả hình dáng, màu sắc, sự chuyển động như : *lấp lánh, thon vàng, khẽ rung rung, rì rào, thung thăng...*

Tìm hiểu bài

1. Hình dáng, màu sắc chú chuồn chuồn nước như thế nào ?
2. Tác giả đã so sánh bộ cánh, đôi mắt của chú chuồn chuồn nước với những gì ?

Sự so sánh đó có tác dụng ra sao ?

3. Khi bay lên cao, chú chuồn chuồn nước thấy dưới mặt đất có những gì ?

4. Bài văn gợi cho em những tình cảm gì đối với thiên nhiên nước ta ?

* Ôn lại các bài học thuộc lòng ở Tiết 8, 10, 11.

TIẾT 13

TRE

Đứng trên bờ ao
Tre nghiêng soi bóng
Mặt hồ gợn sóng
Tre thả thuyền trôi

cây tre thân thuộc với cuộc sống của người dân Việt Nam

(Trưa hè nắng nôi

Tre trùm bóng mát

Buổi chiều gió hát

Vong tre êm đêm

Tre làm nôi êm

Ru em ngon giấc

Làm chông nhon hoắt

Ngăn bước quân thù

Đường đi tới lớp

Vai rợp bóng tre...

Sâu thăm trời khuya

Ngon tre cao vút

Treo ông trăng vàng

Soi khắp đường làng

Ngon đèn không tắt.

- Lắng nghe, lắng nghe

Rì rào khúc hát

Bốn mùa tiếng tre.

NGUYỄN BAO

Chú giải

Nôi : đồ dùng để trẻ nhỏ nằm, có thể đưa chao qua chao lại được.

Hướng dẫn đọc

- Phát âm rõ phụ âm *tr* trong các tiếng *tre, trưa, treo* (khác với *che, chưa, cheo*).

- Đọc bài thơ với giọng êm, nhẹ, có nhấn giọng vừa phải ở những từ chỉ động tác của *tre* trong các câu : *Tre nghiêng soi bóng, Tre thả thuyền trôi, Tre trùm bóng mát, Tre làm nôi êm.*

Tìm hiểu bài

1. Cây tre Việt Nam đã tô điểm cho cảnh làng quê những nét duyên dáng và êm ả như thế nào?

2. Cây tre thân thuộc với cuộc sống của em bé, người học sinh, người dân quân... ra sao?

3. Ở bài thơ này, mỗi câu có mấy tiếng? Những tiếng nào ở cuối câu trong đoạn từ đầu bài đến "Ru em ngon giấc" cùng vần với nhau?

* Học thuộc lòng bài thơ.

TIẾT 14

NHỮNG CHÚ GÀ XÓM TÔI

Con gà của anh Bốn Linh

Chợt con gà trống ở phía nhà bếp nổi gáy. Tôi biết đó là con gà của anh Bốn Linh. Tiếng nó dõng dạc nhất xóm. Nó nhón chân bước từng bước oai vệ, ức ưn ra đằng trước. Bị chó Vện đuổi, nó bỏ chạy. Đột ngột, nó quay lại nện cho chó Vện một đá vào đầu rồi nhảy phốc lên cổng chuồng trâu đứng nhìn xuống tỏ vẻ phớt lờ. Nó nổi gáy như thách thức:

- Tao không sợ ai hết!

Con gà của ông Bảy Hóa
Sau gà anh Bốn Linh, gà của ông Bảy Hóa gáy theo.

Con gà của ông Bảy Hóa hay bới bậy. Nó có bộ mã khá đẹp, lông trắng, mỏ búp chuối, mào cờ, hai cánh như hai vỏ trai úp, nhưng lại hay tán tỉnh lão khoét. Nó đến chỗ bờ tre mời bọn gà mái theo nó để nó đãi giun. Bới được con giun nào, nó lấy mỏ kẹp bỏ ra giữa đất, kêu tục tục mời bọn gà mái đến xơi. Bọn này vừa xỏ tới, nó đã nuốt chửng con giun vào bụng. Sau gà ông

Bảy Hóa, gà bà Kiên nổi gáy theo. Gà bà Kiên là gà trống tơ, lông đen, chân chì, có bộ giò cao, cổ ngắn. Nó nhảy tốt lên cây rơm thật cao, phóng tầm mắt nhìn quanh như muốn mọi người hãy chú ý, nó sẽ gáy một hồi thật to, thật dài. Nó xòe cánh, nghênh cổ, chuẩn bị chu đáo, nhưng rốt cục chỉ rạn được ba tiếng éc, e, e cụt ngủn. Nó ngượng quá, đỏ chín mặt, hấp tấp nhảy xuống đất. Gà trong làng nổi gáy loạn xị...

VÕ QUẢNG

Trích "Quê nội"

Chú giải

- **Nổi gáy**: cất tiếng gáy đột ngột.

- **Phớt lờ**: làm ra vẻ không thèm, không mảy may để ý đến.

- **Mã**: vẻ đẹp bên ngoài (con gà tốt mã vì lông).

- **Ưc**: phần ngực của chim, thú.

- **Đãi**: mời ăn uống.

Hướng dẫn đọc

- Đọc giọng vui hóm hỉnh, làm nổi những đặc điểm về hình dáng, điệu bộ của từng con gà.

- Đoạn tả gà anh Bốn Linh: ngắt câu dứt khoát làm nổi rõ từng động tác (Nó nhón chân... Tao không sợ ai hết!).

Tìm hiểu bài

1. Tác giả tả hai con gà trống và một chú trống tơ. Ba con đều có hình dáng, tính nết riêng. Hãy tìm đặc điểm của mỗi con.

2. Tác giả tả tính nết từng con gà như tả người vậy. Đó là biện pháp *nhân hóa*. Hãy nêu những đoạn văn trong bài đã dùng biện pháp đó.

3. Tìm từ cùng âm khác nghĩa với từ *ức*, *đãi* trong bài và đặt câu với mỗi từ đó.

TIẾT 15

NHỮNG CÁNH BƯỚM BÊN BỜ SÔNG

vẽ đẹp đa dạng của 3 loài bướm

Ngoài giờ học, chúng tôi tha thẩn ở bờ sông bắt bướm. Chao ôi, những con bướm đủ hình dáng, đủ sắc màu. Con xanh biếc pha đen như nhung bay nhanh loang loáng. Con vàng sẫm, nhiều hình mặt nguyệt, ven cánh có răng cưa, lượn lơ dờ như trôi trong nắng. Con bướm quạ to bằng hai bàn tay người lớn, màu nâu xỉn, có hình đôi mắt tròn, vẽ dữ tợn. Bướm trắng bay theo đàn lú rú như hoa nắng. Loại bướm nhỏ đen kịt, là là theo chiều gió, hệt như tàn than của những đám đốt nương. Còn lũ bướm vàng tươi xinh xinh của những vườn rau thì rụt rè, nhút nhát, chẳng bao giờ dám bay ra đến bờ sông. Chúng cứ quẩn quýt quanh màu vàng hoa cải và quanh những con đống tây xanh mọng nằm chờ đến lượt mình được hóa bướm vàng.

vẽ đẹp được thể hiện ở dáng vẻ

VŨ TÚ NAM
Trích "Tù dòng sông ấy"

Chú giải

- **Bướm quạ** : loại bướm to, sải cánh rộng, màu đen.
- **Lú rú** : nhỏ và dật dứ nhau hàng đàn.
- **Con đống tây** : con nhộng của loài bướm.
- **Đốt nương** : đốt cây cỏ trên sườn núi để lấy đất trồng trọt.

Hướng dẫn đọc

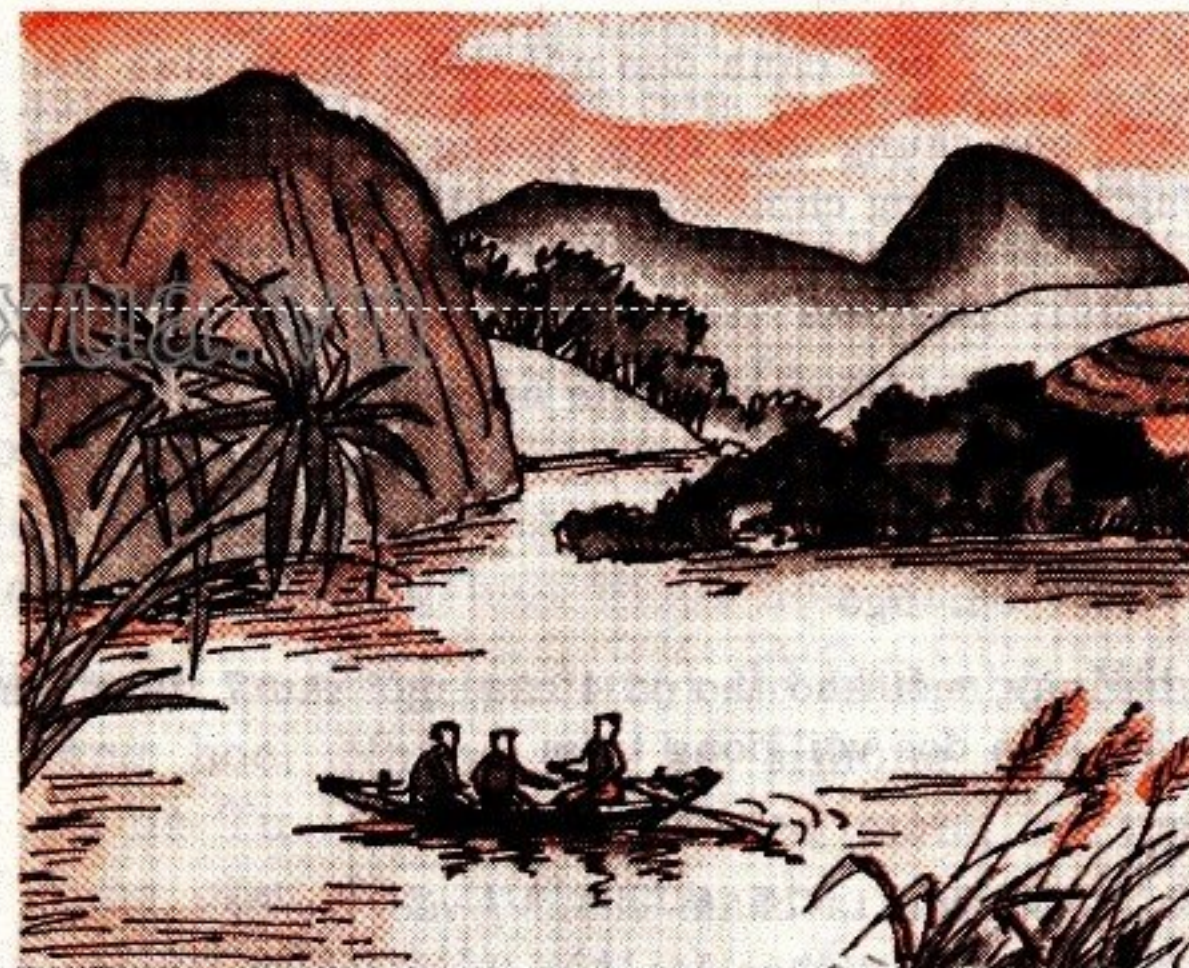
- Nhấn giọng vừa phải ở những từ ngữ diễn tả màu sắc, động tác của các loại bướm : *xanh biếc, vàng sẫm, nâu xỉn, đen kịt, vàng tươi... loang loáng, lơ dờ, lú rú, là là, quẩn quýt...*

Tìm hiểu bài

1. Trong bài, tác giả tả nhiều loại bướm. Mỗi loại có hình dáng, màu sắc khác nhau. Em hãy so sánh một vài loại bướm.
2. Hãy nêu những từ ngữ diễn tả dáng bay khác nhau của các loại bướm có trong bài ?
- **3. Em hiểu hình ảnh "lượn lơ dờ như trôi trong nắng" như thế nào ?

TIẾT 16

TRÊN HỒ BA BỂ



cảnh xung quanh hồ

Thuyền ta chầm chậm / vào Ba Bể
Núi dựng cheo leo / hồ lặng im
Lá rừng với gió / ngân se se
Họa tiếng lòng ta / với tiếng chim.

Ca ngợi
vẻ đẹp

Cảnh đẹp trên mặt hồ

Thuyền ta lướt nhẹ / trên Ba Bể
Trên cả mây trời trên núi xanh
Mây trắng bông bênh / trôi lững lờ
Mái chèo khua / bóng núi rung rinh.

Thuyền ta quanh quất / trên Ba Bể
Đỏ ối vườn cam, biếc bãi ngô
...Thuyền ơi / chậm chậm / chờ ta nhé
Muốn ở đây thôi / chẳng muốn về !

vẻ đẹp của hồ
được thể hiện bởi HOÀNG TRUNG THÔNG
Trích "Những cánh bướm"

Chú giải

- **Hồ Ba Bể** : một cảnh đẹp nổi tiếng thuộc tỉnh Bắc Cạn.
- **Họa** : hòa chung một nhịp, hưởng ứng. Ý trong bài : tiếng gió, tiếng lòng, tiếng chim hòa nhịp với nhau.

Hướng dẫn đọc

- Phân biệt các tiếng có thanh hỏi (?) và thanh ngã (~) :

se sẽ	khác với	chim sẻ
lặng lẽ		lé loi
bãi ngô		bãi hoải
- Ở bài này, mỗi khổ thơ có 4 câu, mỗi câu 7 tiếng, nhịp phổ biến là 4/3, cần đọc với giọng trầm.

Ví dụ :

"Thuyền ta chậm chậm / vào Ba Bể
Núi dựng cheo leo / hồ lặng im
Lá rừng với gió / ngân se sẽ
Họa tiếng lòng ta / với tiếng chim."

Tìm hiểu bài

1. Tác giả đi thăm hồ bằng phương tiện gì ? Những câu thơ nào diễn tả điều đó ?

2. Cảnh mặt hồ đẹp ra sao ? Vẻ đẹp ấy do những gì tạo nên ?

3. Nhân dân quanh hồ đã tô thêm cảnh đẹp thiên nhiên bằng những màu sắc gì ?

4. Cảnh đẹp của hồ Ba Bể đã làm cho tác giả lưu luyến đến mức nào ?

* Học thuộc lòng bài thơ.

TIẾT 17

ĐƯỜNG ĐI SA PA

Cảnh đẹp trên đường đi Sa Pa

Xe chúng tôi leo chênh vênh trên dốc cao của con đường xuyên tỉnh Hoàng Liên Sơn. Những đám mây trắng nhỏ sà xuống cửa kính ô tô tạo nên một cảm giác bông bênh, huyền ảo. Chúng tôi đang đi bên những thác trắng xóa tựa mây trời, những rừng cây âm âm, những bông hoa chuối rực lên như ngọn lửa. Tôi lim dim mắt ngắm mấy con ngựa đang ăn cỏ trong một vườn đào ven đường. Con đen huyền / con trắng tuyết, / con đỏ son, / chân dịu dàng / chùm đuôi cong / lướt thướt liễu rủ.

Buổi chiều, xe dừng lại ở một thị trấn nhỏ. Nắng phố huyện vàng hoe. Những em bé Hmông mắt một mí, những em bé Tu Dí, Phù Lá cổ đeo móng hổ, quần áo sặc sỡ đang chơi đùa trước cửa nhà mậu dịch. Hoàng hôn, áp phiên của phiên chợ thị trấn, người ngựa dập dìu chìm trong sương núi tím nhạt. Đến thị trấn có xòe kèn, gọi là "thé kén", với những chiếc kèn đôi thổi dặt dìu, mọi người nắm tay nhau múa, vừa múa vừa hát :

Không múa lúa không về
Không xòe lúa không tốt.

Sự thay đổi nhanh chóng về

Hôm sau, chúng tôi đi Sa Pa. Phong cảnh ở đây thật đẹp. Thoắt cái, lác đác lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu. Thoắt cái, trắng long lanh một cơn mưa tuyết trên những cành đào, lê, mận. Thoắt cái, gió xuân hây hây nồng nức với những bông hoa lay ơn màu đen nhung hiếm quý.

Sa Pa quả là món quà tặng diệu kì thiên nhiên dành cho đất nước ta.

NGUYỄN PHAN HÁCH

Chú giải

- **Sa Pa** : nơi nghỉ mát nổi tiếng ở nước ta thuộc tỉnh Lào Cai.
- **Hoàng Liên Sơn** : nay đã tách thành hai tỉnh là Lào Cai và Yên Bái.
- **Hmông, Tù Dí, Phù Lá** : tên ba dân tộc ít người sống ở vùng núi cao các tỉnh Yên Bái và Lào Cai.
- **Rừng cây âm âm** : rừng cây rậm rạp, hơi tối và tĩnh mịch.
- **Đen huyền** : đen như màu hạt huyền.
- **Áp phiến** : sát ngày phiên chợ.

Hướng dẫn đọc

- Phát âm đúng : + phụ âm *hm* trong *Hmông* (h đọc như *hơ* nhưng lướt nhẹ).

+ vần *uyên* trong : *huyền ảo, đen huyền*.

- Bài này có nhiều từ ngữ miêu tả màu sắc, hình dáng cảnh vật. Khi đọc, cần nhấn giọng ở những từ ngữ đó. Ví dụ : rừng cây âm âm, con đen huyền, con trắng tuyết... chùm đuôi công lướt thoắt liểu rủ, v.v...

Tìm hiểu bài

1. Trên đường đi Sa Pa, cảnh vật, con người có những nét gì đặc sắc, khác ở miền đồng bằng ?

2. Em có nhận xét gì về cách đặt câu miêu tả màu sắc, hình dáng của bảy ngựa trong câu : "Con đen huyền... liểu rủ" ?

3. Phong cảnh Sa Pa biến đổi nhanh chóng. Từ nào trong đoạn cuối của bài đã thể hiện sự biến đổi đó ?

4. Trong bài văn, tác giả dùng 3 câu liên tiếp có từ ngữ "thoắt cái" mở đầu ("Thoắt cái, ... Thoắt cái, ... Thoắt cái, ..."). Cách đặt câu như vậy có dụng ý gì ?

TIẾT 18

BÈ XUÔI SÔNG LA

về đẹp của đồng

Bè ta xuôi sông La
Dẽ cau cùng tấu mật
Muồng đen và trai đất
Lát chun rồi lát hoa.

Sông La ơi sông La
Trong veo như ánh mắt
Bờ tre xanh im mát
Mươn mướt đôi hàng mi
~~Bè đi chiều thăm thì~~
~~Gỗ lượn đàn thông thả~~
~~Như bầy trâu lim dim~~
Đằm mình trong êm ả
Sóng long lanh vẩy cá
Chim hót trên bờ đê.

Ta nằm nghe, nằm nghe
Giữa bốn bề ngậy ngát
Mùi vôi xây rất say

Mùi lán cửa ngọt mát
 Trong đạn bom đổ nát
 Bừng tươi nụ ngói hồng
 Đồng vàng hoa lúa trở
 Khói nở xòa như bông.

VŨ DUY THÔNG

Chú giải

- **Sông La** : con sông thuộc tỉnh Hà Tĩnh.
- **Dẻ cau, tấu mật, muồng đen, trai đất, lát chun, lát hoa** : tên gọi một số loại gỗ quý của rừng Việt Nam.
- **Lượn dàn** : ý nói gỗ trôi xuôi nhẹ nhàng theo dòng sông.
- **Nụ ngói hồng** : những ngôi nhà mới lợp ngói màu hồng trông như những nụ hoa.

Hướng dẫn đọc

- Phát âm đúng : *mươn muốt, lượn dàn, long lanh.*
- Toàn bài đọc với giọng êm dịu, nhẹ nhàng.

Tìm hiểu bài

1. Bè xuôi sông La chở những loại gỗ quý nào ?
2. Dòng sông La (*dòng nước, bờ tre*) được tác giả so sánh với những gì ? Vì sao có thể so sánh như vậy ?
3. Hình ảnh nào cho biết bè gỗ trôi xuôi rất êm ?
4. Cảnh hai bên bờ sông có những nét gì tươi vui ?

* Học thuộc lòng đoạn "Sông La ơi sông La... Chim hót trên bờ đê".

TIẾT 19

RỪNG CỌ QUÊ TÔI



Chẳng có nơi nào như sông Thao quê tôi, rừng cọ trập trùng.

Thân cọ vút thẳng trời hai ba chục mét cao, gió bão không thể quật ngã. Búp cọ vuốt dài như thanh kiếm sắc vung lên. Cây non vừa trỗi, lá đã xòa sát mặt đất. Lá cọ tròn xòe ra nhiều phiến nhọn dài, trông xa như một rừng tay vẫy, trưa hè lấp lóa nắng như rừng mặt trời mới mọc. Mùa xuân, chim chóc kéo về từng đàn. Chỉ nghe tiếng hót líu lo mà không thấy bóng chim đâu.

Căn nhà tôi ở núp dưới rừng cọ. Ngôi trường tôi học cũng khuất trong rừng cọ. Ngày ngày đến lớp, tôi đi

trong rừng cọ. Không đếm được có bao nhiêu tàu lá cọ xòe ô lợp kín trên đầu. Ngày nắng, bóng râm mát rượi. Ngày mưa, cũng chẳng ướt đầu.

Cuộc sống quê tôi gắn bó với cây cọ. Cha làm cho tôi chiếc chổi cọ để quét nhà, quét sân. Mẹ đựng hạt giống đầy móm lá cọ, treo lên gác bếp, để gieo cấy mùa sau. Chị tôi đan nón lá cọ, lại biết đan cả mảnh cọ và làn cọ xuất khẩu. Chiều chiều chần trâu, chúng tôi rủ nhau đi nhặt những trái cọ rơi đầy quanh gốc về om, ăn vừa béo vừa bùi.

Quê tôi có câu hát :

Dù ai đi ngược về xuôi
Cơm nắm lá cọ là người sông Thao.

Người sông Thao đi đâu, rồi cũng nhớ về rừng cọ quê mình.

NGUYỄN THÁI VẬN

Chú giải

- **Sông Thao** : tên gọi đoạn sông Hồng thuộc khu vực tỉnh Phú Thọ.
- **Móm lá cọ** : lá cọ buộc túm lại để đựng các loại quả, hạt khô.
- **Om** : (quả cọ, quả trám...) ngâm trong nước ấm làm cho cùi chín nở ra.

Hướng dẫn đọc

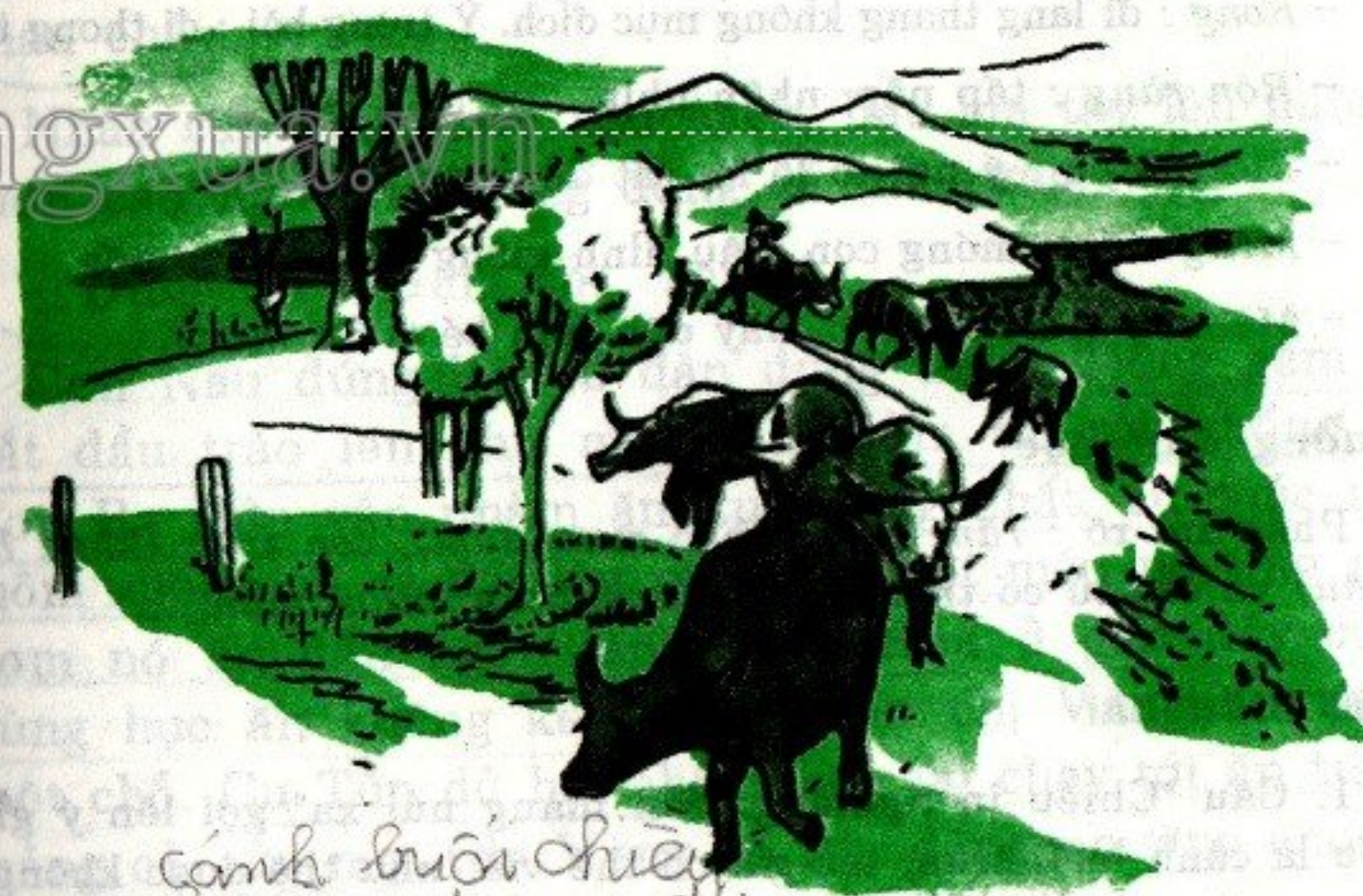
1. Phân biệt các phụ âm cuối *n* và *ng* trong các tiếng sau : đàn (đàn chim, cây đàn), dàng (dàng hoàng) ; gán (gán bó), găng (găng sức) ; đan (đan lát), đang (đảm đang).
2. Chú ý nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả cây cọ như : *vút thẳng, vút dài, xòe ra, lấp lóa v.v...*

Tìm hiểu bài

1. Tìm những từ ngữ, hình ảnh miêu tả vẻ đẹp của cây cọ (thân cọ, búp cọ, lá cọ).
2. Cây cọ gắn bó với cuộc sống vùng quê tác giả như thế nào ?
3. Tìm 3 câu văn có các từ tận cùng là *rừng cọ*. Đọc diễn cảm 3 câu đó và cho biết từ *rừng cọ* được nhắc lại nhiều lần liên tiếp như vậy nhằm diễn tả ý gì ?
4. Câu đầu bài : "Chẳng có nơi nào... trập trùng" và câu cuối bài "Người sông Thao... quê mình" nói lên tình cảm gì của tác giả ?

TIẾT 20

TRÂU ĐÒI



Cánh buồm chèo
ở rừng trập trùng
Ai thổi sáo gọi trâu đâu đó
Chiều in nghiêng/trên mảng núi xa
Con trâu trắng/dẫn đàn lên núi
Vểnh đôi tai,/nghe sáo trở về.

Cảnh đàn trâu trên đường về trại

Trâu đực/chạy rầm rầm như hổ
Trâu thiên/rong từng bước hiền lành
Cổ lừng lững/như chum như vại
Móng hén hén/in mép cỏ xanh.

Những chú nghé/lông tơ mუმ mუმ
Mũi phập phồng/dính cánh hoa mua
Cổng trại mở, trâu vào chen chúc
Chiều rộn ràng/trong tiếng nghé ơ.

NGÔ VĂN PHÚ

Trích "Tháng năm mùa gặt"

Chú giải

- **Rong** : đi lang thang không mục đích. Ý trong bài : đi thông thả.
- **Rộn ràng** : tấp nập, nhộn nhịp.
- **Lừng lững** : ý nói to lớn, rất dễ nhận thấy.
- **Móng hén** : móng con trâu hình giống như cái vỏ hén.
- **Mუმ mუმ** : béo tròn, đầy đặn (em bé mუმ mუმ).

Hướng dẫn đọc

Phát âm rõ : rầm rầm (khác mưa dầm), con trâu (khác hạt châu) và các từ có thanh ngã : lừng lững, mუმ mუმ, ...

Tìm hiểu bài

1. Câu "Chiều in nghiêng trên mảng núi xa" gợi lên ý gì ?
Nếu là cảnh buổi trưa, tác giả có thể viết như thế được không ?
Tại sao ?

2. Cảnh "trâu đực chạy" và "trâu thiên rong" trái ngược với nhau. Những từ ngữ nào diễn tả sự trái ngược đó ?

3. Chi tiết nào miêu tả sự thơ dại của đàn nghé con ?

thơ dại
của đàn nghé

4. Hai câu thơ cuối bài cho thấy cảnh đàn trâu về trại như thế nào ?

* Học thuộc lòng đoạn thơ.

TIẾT 21

CỎ NON

Về đẹp của đôi cỏ non

Đêm ấy trời mưa phùn. Đêm hôm sau lại mưa tiếp...
Cỏ mọc tua tủa. Một màu xanh non ngọt ngào, thơm
mát trải ra mênh mông trên khắp các sườn đồi...

Nhấn lừa đàn bò ra đi. Cả đàn bò rống lên sung sướng. "Ồ ồ" đàn bò reo lên. Chúng nhảy cõn lên, xô nhau chạy.

Nhấn cặp chiếc hèo vào nách, bắc loa tay lên miệng, rước cao người hò vang động cả núi rừng :

- Đứng lại ! Gặm cỏ... gặm !

Con Nâu đứng lại, cả đàn đứng theo. Tiếng gặm cỏ bắt đầu trào lên như một nong tằm ăn rồi khổng lồ. Con Ba Bóp vẫn phàm ăn, tục uống nhất, cứ thúc mãi mồm xuống, ủi cả đất lên mà gặm. Bọt mép nó trào ra ; nom nó ăn đến ngon lành. Con Hoa ở gần đấy cũng hùng hục ăn không kém... Mẹ con chị Vàng ăn riêng một chỗ. Cu Tũn dờ hơi chốc chốc lại chạy tới ăn tranh mẩu cỏ của mẹ. Chị Vàng lại dịu dàng nhường cho nó và đi kiếm một bụi khác.

Đàn bò tràn lên phủ vàng rực cả sườn đồi. Nom những cái mồm ngoạm cỏ sao mà ngon thế ! Nhấn như cảm thấy rõ rệt mùi rế non thơm phảng phất, mùi lá non

ngan ngát cay cay xen lẫn vị ngọt ngào nồng nồng của
nhựa mới.

HỒ PHƯƠNG
Trích "Cỏ non"

Chú giải

- **Hèo** : gây làm bằng loại cây thuộc họ cau, thân thẳng, có nhiều đốt.
- **Con Nâu, con Ba Bóp, con Vàng, cu Tũn** : tên do anh Nhấn đặt cho những con bò, con bê... dựa theo màu lông và tính nết của chúng.
- **Phàm ăn** : ăn nhiều và ăn được nhiều loại thức ăn.
- **Tầm ăn rồi** : tầm ăn rất khỏe trước khi làm kén.
- **Tua tủa** : đâm ra mọi phía (cỏ mọc tua tủa).
- **Rống** : kêu to (các loài thú).
- **Phảng phất** : thoang thoảng.

Hướng dẫn đọc

- Đọc rõ ba cảnh trong bài :
- + Đối cỏ non sau mưa xuân : từ đầu đến "... sườn đồi".
- + Người chăn bò lừa bò đi ăn : "Nhấn lừa đàn bò... gặm".
- + Bò ăn cỏ và niềm vui của người chăn bò : đoạn còn lại.
- Giọng đọc cần thể hiện rõ tính cách của từng con vật bằng cách nhấn mạnh các từ chính. Ví dụ : Con Ba Bóp vẫn *phàm ăn tục uống* nhất, *cứ thúc mãi mồm xuống, ủi cả đất lên mà gặm*.

Tìm hiểu bài

1. Sau những ngày đông giá lạnh, trời bắt đầu có mưa xuân, cỏ trên đồi lại mọc tốt tươi. Tác giả đã tả đối cỏ non ấy như thế nào ?
2. Tác giả đã dùng những từ ngữ nào để miêu tả sinh động đàn bò gặm cỏ (mỗi con ăn một kiểu) ?
3. Những chi tiết nào chứng tỏ anh Nhấn rất yêu công việc của mình ?

TIẾT 22

CẢNH RỪNG VIỆT BẮC

Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay
Vượn hót chim kêu suốt cả ngày.
Khách đến thì mời ngô nếp nướng
Săn về thường chén thịt rừng quay.
Non xanh nước biếc tha hồ dạo
Rượu ngọt chè tươi mặc sức say.
Kháng chiến thành công ta trở lại
Trăng xưa, hạc cũ với xuân này.

HỒ CHÍ MINH

Chú giải

- Bài thơ này Bác Hồ làm để tặng các vị trong Hội đồng Chính phủ đến họp ở một khu rừng tại Việt Bắc hồi đầu kháng chiến chống thực dân Pháp.
- **Trăng xưa, hạc cũ, xuân này** : những hình ảnh tượng trưng cho cảnh vật, thiên nhiên ở Việt Bắc trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp. Đó là những kỉ niệm thân thuộc đối với Bác Hồ.

Hướng dẫn đọc

Bài này làm theo thể thơ cổ (8 câu, mỗi câu 7 tiếng). Nhịp thơ phổ biến là 4 - 3. Tuy vậy, những câu sau đây cần đọc đúng nhịp 2-5 :

"Khách đến / thì mời ngô nếp nướng,
Săn về / thường chén thịt rừng quay".

Tìm hiểu bài

1. Cảnh rừng Việt Bắc có những nét gì hay ? Những từ *chén, tha hồ, mặc sức* ý nói gì ?
rất vui vẻ lạc quan yêu đời có phần diễm

2. Qua bài thơ, em thấy trong những năm kháng chiến gian khổ ở Việt Bắc, Bác Hồ sống giản dị mà vui vẻ như thế nào (về vật chất, về tinh thần) ?

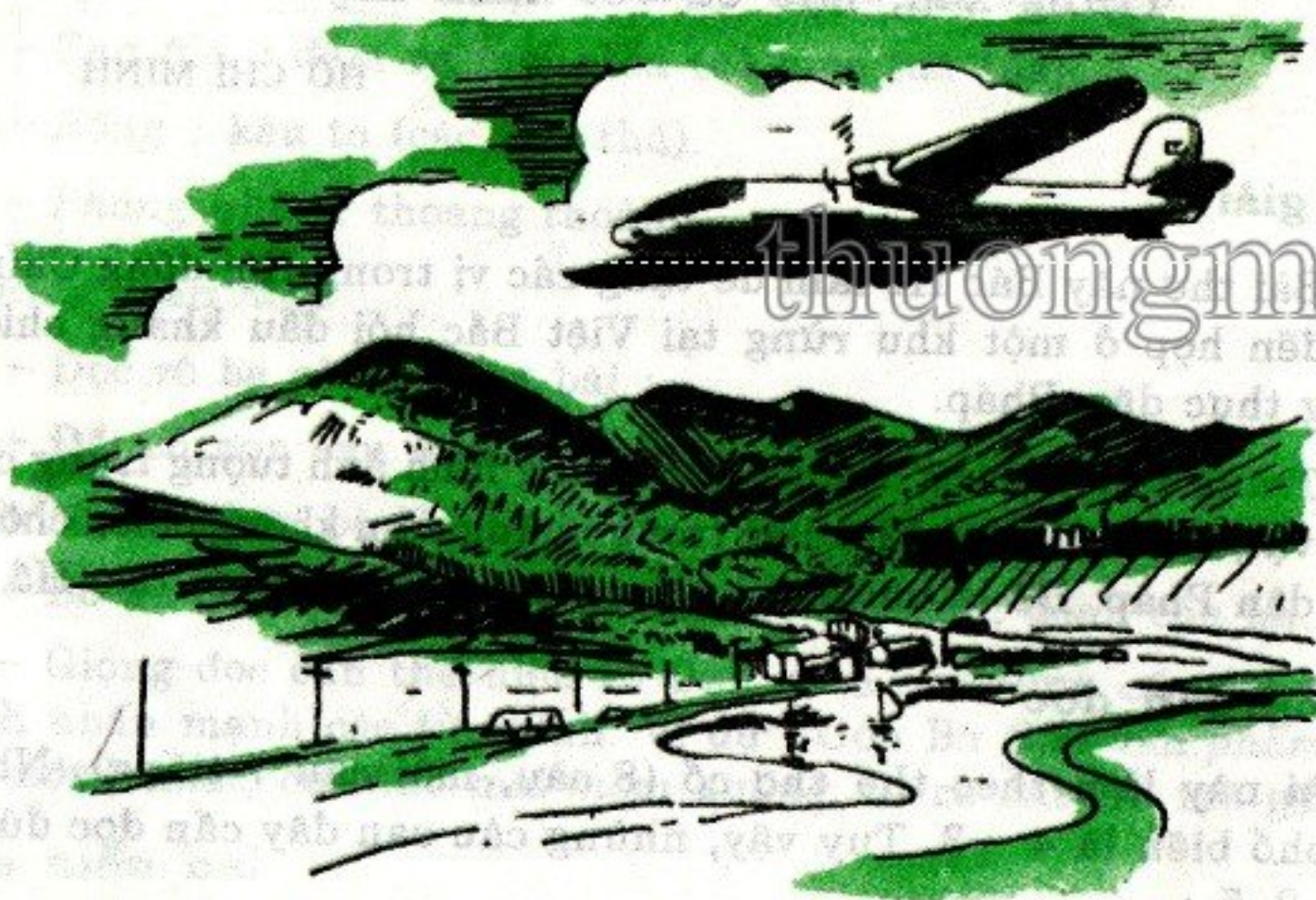
3. Trong bài thơ, tiếng cuối ở những câu nào cùng vần với nhau ?

* Học thuộc lòng bài thơ.

Cảnh thiên nhiên sinh động và cuộc sống lạc quan yêu đời của Bác Hồ ở chiến khu Việt Bắc

TIẾT 23

ĐI MÁY BAY HÀ NỘI - ĐIỆN BIÊN



Chiếc máy bay dân dụng chở chúng tôi lên Điện Biên sáng nay là loại máy bay nhỏ hai cánh quạt. Đúng 9 giờ. Cái cảm giác hăng đột ngột khi máy bay rời mặt đất làm cho cô gái Thái ngồi cùng hàng ghế với tôi nín chặt cánh

về đến cuối Hà Nội

tay mẹ mà kêu lên : "Êm ơi !" (mẹ ơi !) rồi giấu mặt ngay lập tức sau lưng mẹ mà rúc rích tự cười mình.

Từ trên trời nhìn xuống phố xá Hà Nội nhỏ xinh như mô hình triển lãm. Cũng như mô hình triển lãm, tất cả ruộng đồng, làng xóm, núi non. Những ô ruộng, những gò đồng, bãi bờ với những mảng màu xanh, nâu, vàng trắng và nhiều hình dạng khác nhau gợi những bức tranh giàu màu sắc. Núi Thầy, rồi núi Ba Vì, sông Đà, dãy núi Hòa Bình... triển miên một dải miên tây ẩn hiện dưới làn mây lúc dày lúc mỏng.

Đây rồi thung lũng lòng chảo Điện Biên. Từ trên trời nhìn xuống thấy rõ một vùng đồng bằng ở miền núi. Đồng bằng ở giữa, núi bao quanh. Giữa đồng bằng xanh ngắt lúa xuân, con sông Nậm Rốm trắng sáng có khúc ngoằn ngoèo, có khúc trườn dài. Chắc có con rồng ấy nằm giữa phun nước thì lúa mới xanh như thế.

Hôm nay cũng như mọi ngày khác, người Điện Biên ra đón bà con ở Hà Nội mới lên. Những chiếc khăn piêu, những hàng cúc bướm...

TRẦN LÊ VĂN

Trích "Sông núi Điện Biên"

Chú giải

- **Điện Biên** : tên gọi một thung lũng rộng thuộc tỉnh Lai Châu ở Tây Bắc nước ta. Chiến thắng Điện Biên Phủ của quân dân ta đánh quy quân xâm lược Pháp năm 1954 làm nức lòng cả thế giới.
- **Triển miên** : kéo dài mãi không dứt.
- **Khăn piêu** : khăn đội đầu của phụ nữ Thái có thêu chỉ màu.
- **Mô hình triển lãm** : vật cùng hình dạng nhưng thu nhỏ lại để trưng bày.

Hướng dẫn đọc

Phát âm đúng các từ : *triền miên* (chú ý nguyên âm đôi *ie* và phụ âm cuối *n*), *nguồn ngào* (chú ý vần *oan* và *oeo*), *piêu* (chú ý phụ âm *p*).

Tìm hiểu bài

1. Vì sao từ trên máy bay nhìn xuống thấy "Hà Nội nhỏ xinh như mô hình triển lãm" ?
2. Cảnh thung lũng Điện Biên có những nét gì đẹp ? Nêu và giải nghĩa những từ ngữ miêu tả vẻ đẹp ấy.
3. Cách ăn mặc của phụ nữ Thái ở Tây Bắc có nét gì đặc sắc ?

TIẾT 24

ÂM THANH THÀNH PHỐ

Hồi còn đi học, Hải rất say mê âm nhạc. Từ cái căn gác nhỏ của mình, Hải có thể nghe thấy tất cả các âm thanh náo nhiệt, ồn ã của thành phố thủ đô. Tiếng chuông xe đạp lanh canh. Tiếng kéo lách cách bận rộn của những người bán thịt bò khô. Tiếng thùng nước va vào nhau loảng xoảng ở một cái vòi nước công cộng. Tiếng ve kêu rền rĩ trong những đám lá cây bên đại lộ. Tiếng còi ô tô xin đường gay gắt. Tiếng xả hơi của một cái đầu máy hơi nước. Tiếng còi tàu hỏa thét lên và tiếng bánh xe đạp trên đường ray âm âm như sắp lao vào thành phố. Rồi tất cả như im lặng hẳn để nghe tiếng đàn vi-ô-lông trên một cái ban công, tiếng pi-a-nô ở một căn gác ba hay giọng nam trầm của một nghệ sĩ đơn ca đang luyện thanh...

Cuộc sống nhộn nhịp của đô thị lớn

TÔ NGỌC HIẾN

Lược trích "Kỉ niệm về một nhà máy"

Chú giải

- **Âm thanh** : tiếng phát ra từ một vật rung động.
- **Đại lộ** : đường lớn ở thành phố.
- **Ban công** : phần sân gác nhô ra ngoài nhà.
- **Bít-tô-vơ** : nhạc sĩ nổi tiếng người Đức thế kỉ XVIII - XIX.
- **Pi-a-nô** (dương cầm) : loại đàn lớn, có hàng phím dài, khi tay nhấn xuống thì gõ vào dây và phát ra âm thanh.

Hướng dẫn đọc

- Phát âm rõ vần *oang* trong *loảng xoảng*.
- Đọc rõ các từ ngữ miêu tả âm thanh khác nhau : *ồn ã*, *rền rĩ*, *gầm rít*...

Tìm hiểu bài

1. Tìm trong bài những từ ngữ miêu tả các loại âm thanh khác nhau. Các từ *loảng xoảng* (thùng nước), *rền rĩ* (ve kêu), *thét lên* (còi tàu) dùng có chính xác không ? Vì sao ?
2. Qua các loại âm thanh tả trong bài, em thấy cuộc sống ở những đô thị lớn ra sao ?
3. Vì sao về thủ đô, Hải có thể ngồi hàng giờ nghe nhạc Bít-tô-vơ ?

BUỔI SÁNG Ở HÒN GAI

(Trích)

Hòn Gai vào những buổi sáng sớm thật là nhộn nhịp. Khi tiếng còi tầm vừa cất lên, những chiếc xe bò tót cao to chở thợ mỏ lên tầng, vào lò, tiếng còi bíp bíp inh ỏi, những người thợ điện, thợ cơ khí, thợ sàng rửa vôi vãi tới xưởng thay ca, các chị mậu dịch viên mở cửa các quầy hàng, các em nhỏ, khăn quàng đỏ bay trên vai kéo nhau tới lớp.

Đọc theo bờ vịnh Hạ Long, trên bến Đoan, bến Tàu hay cảng Mới, những đoàn thuyền đánh cá rẽ màn sương bạc nối đuôi nhau cập bến, những cánh buồm ướt át như cánh chim trong mưa. Thuyền lưới mũi bằng. Thuyền giã đôi mũi cong. Thuyền khu Bốn, buồm chữ nhật. Thuyền Vạn Ninh buồm cánh én. Thuyền nào cũng tôm cá đầy khoang. Người ta khiêng từng sọt cá nặng tươi roi rói lên chợ.

Chợ Hòn Gai buổi sáng la liệt tôm cá. Những con cá song khỏe, vớt lên hàng giờ vẫn giãy đành đạch, vẩy xám hoa đen lốm đốm. Những con cá chim mình dẹt như hình con chim lúc sải cánh bay, thịt ngon vào loại nhất nhì. Những con cá nhụ béo núc, trắng lớp, bóng mượt như được quét một lớp mỡ ngoài vẩy. Những con tôm he tròn, thịt căng lên từng ngấn như cổ tay của trẻ lên ba, da xanh ánh, hàng chân chồi chồi như muốn bơi.

Chú giải

- **Hòn Gai** : tên cũ, nay là thành phố Hạ Long, tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Ninh.

- **Khu Bốn** (cũ) : đơn vị hành chính gồm các tỉnh từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên - Huế.

- **Vạn Ninh** : tên một xã thuộc huyện Hải Ninh tỉnh Quảng Ninh.

- **Giã** : lưới hình túi do tàu hay thuyền kéo để đánh bắt cá hay hải sản khác ở tầng đáy hoặc gần đáy biển. Giã đôi do hai tàu hay hai thuyền kéo.

- **Choi Choi** : loại chim nhỏ sống gần bờ nước, mỏ dài, cẳng cao, hay nhảy. Ý trong bài : chân dài, co duỗi liên tục.

Hướng dẫn đọc

Phát âm đúng các từ sau :

khiêng (chú ý vần *iêng*) ; **sọt** (chú ý phụ âm *s*) ; **roi rói** (chú ý phụ âm *r*).

Tìm hiểu bài

1. Những hoạt động nào chứng tỏ buổi sáng ở Hòn Gai rất nhộn nhịp ?

2. Thuyền đánh cá của các nơi về cập bến có những nét gì giống nhau ? Những nét gì khác nhau ?

3. Tính chất tươi ngon của các loại tôm cá ở chợ Hòn Gai được miêu tả bằng những từ ngữ nào ?

* Học thuộc lòng đoạn "Chợ Hòn Gai... như muốn bơi".

TRÊN CÔNG TRƯỜNG KHAI THÁC THAN

Chúng tôi ra bờ moong. Ở đây, tôi nhìn được toàn cảnh của công trường trong một vòng cung cực lớn hình phễu.

1) Cảnh nhộn nhịp ở thị xã Hòn Gai buổi sáng
2) Cảnh nhộn nhịp khi các con thuyền chở tôm cá về cập bến
3) Cảnh chợ Hòn Gai buổi sáng đông đúc tôm cá tươi roi rói

gthieu công trường khai thác than

Những đám mây trắng mỏng và nhẹ bay phơ phất ngang sườn núi trước mặt làm cho những cỗ máy khoan khi ẩn khi hiện, trông giống những con thuyền đã hạ buồm...

Dưới đáy moong, tôi đếm có đến chín cái máy xúc, nhác trông có thể ví chúng như những con vịt bầu khó tính hay động cựa, luôn luôn quay cổ từ bên này sang bên kia.

Từ những chiếc máy xúc dưới đáy lên đến những cỗ máy khoan trên cùng là con đường vòng xoáy tròn ốc. Không ngớt xe lên, xe xuống. Những chiếc xe ben-la màu xanh lá mạ trông như con cào cào, chạy rất nhanh, chỗ đất đá bóc trên tầng đổ ra bãi thải. Những chiếc xe gầu màu đen trũi trông như những con kiến đất, cần cù và chắc chắn chở than từ dưới đáy moong đổ ra máng ga, rồi từ máng ga trút xuống những toa xe lửa chờ ra cảng. Hoàn toàn không thấy bóng người. Nhưng tôi biết con người có mặt ở khắp mọi nơi trong cái vòng cung hình phễu này.

TRẦN NHUẬN MINH

Lược trích "Trước mùa mưa bão"

Chú giải

- **Moong** : hố đào than ở ngoài trời, sâu dưới mực nước biển. Moong có hình phễu khổng lồ, có đường xoáy tròn ốc từ bờ xuống đáy.

- **Bãi thải** : nơi đổ đất đá thừa.

- **Xe ben-la, xe gầu** : các loại xe vận tải cỡ lớn.

Hướng dẫn đọc

- Cần đọc với giọng sôi nổi thể hiện không khí lao động dồn dập, khẩn trương ở công trường.

- Phát âm đúng : *moong, đen trũi*.

Tìm hiểu bài

1. Tác giả đứng ở đâu để quan sát cảnh công trường ? Chỗ đứng ấy có lợi gì cho việc quan sát ?

2. Tại sao những cỗ máy khoan lại "khi ẩn khi hiện" ? Tác giả ví những chiếc máy xúc, xe ben-la, xe gầu giống những con vật gì ? Chúng làm việc ra sao ?

3. Tại sao con người có mặt khắp nơi trên công trường mà tác giả viết : "Hoàn toàn không thấy bóng người" ?

TIẾT 27

CỬA TÙNG

Phong cảnh 2 (Trích)

Bên bờ sông Bến Hải

Trên sông Bến Hải - con sông nằm ngang vĩ tuyến mười bảy ghi dấu ấn lịch sử một thời chống Mỹ cứu nước - rừng rả suốt hơn hai mươi năm - thuyền chúng tôi đang xuôi dòng, trôi. Đồi bờ thôn xóm mượt màu xanh lầy lầy tre làng và những rặng phi lao rì rào gió thổi.

Từ cầu Hiền Lương, thuyền xuôi khoảng sáu cây số nữa là đã gặp biển cả mênh mông. Nơi dòng Bến Hải gặp sóng biển khơi ấy chính là Cửa Tùng. Bãi cát trải dài từng được ngợi ca là "Bà chúa của bãi tắm". Diệu kì thay, trong một ngày, Cửa Tùng có ba sắc màu nước biển. Bình minh, mặt trời như chiếc thau đồng đỏ ối chiếu xuống mặt biển, nước biển nhuộm màu hồng nhạt. Trưa, nước biển xanh lơ và khi chiều tà thì biển đổi sang màu xanh lục. Đồng bào nơi đây nhận xét : "Nước biển đổi màu từng giờ dưới ánh mặt trời". Người xưa đã ví bờ biển Cửa Tùng giống như một chiếc lược đồi mồi cài vào mái tóc bạch kim của sóng biển.

Bãi cát đẹp, cửa Cửa Tùng

THUY CHƯƠNG

Chú giải

- **Vĩ tuyến mười bảy** : Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Việt Nam quy định đường ranh giới tạm thời giữa hai miền Nam Bắc là vĩ tuyến mười bảy.
- **Hiền Lương** : cầu bắc qua sông Bến Hải.
- **Bạch kim** : kim loại quý, màu trắng. Ý trong bài : tóc màu trắng sáng.

Hướng dẫn đọc

- Phát âm đúng các vần *iêu* (có nguyên âm đôi *iê*), *uôm* (có nguyên âm đôi *uô*) và *uơ* (có nguyên âm đôi *uơ*) trong các từ : *diệu kì, nhuộm, lược*.
- Bộ phận câu giữa hai vạch ngang (câu đầu bài) nên đọc chậm và hạ thấp giọng.

Tìm hiểu bài

1. Phong cảnh hai bên bờ sông Bến Hải có gì đẹp ?
 2. Tại sao Cửa Tùng được ngợi ca là "Bà chúa của bãi tắm" ? Tìm những từ ngữ tả vẻ đẹp của bãi cát, của màu nước biển biến đổi trong một ngày.
 3. Hình ảnh bờ biển Cửa Tùng trong câu cuối bài gợi cho em thấy hình dáng, màu sắc của bãi cát và sóng biển ra sao ?
- * Học thuộc lòng đoạn "Từ cầu Hiền Lương... dưới ánh mặt trời".

TIẾT 28

THỊ TRẤN CÁT BÀ

Thị trấn Cát Bà xinh xắn có những dãy phố hẹp, những mái ngói cao thấp chen chúc nép dài dưới chân

Giải thích về vị trí của thị trấn cát bà

núi đá/ Một con đường uốn cong lượn khúc ngăn cách phố và biển/ Bên trong là vách núi đá dựng đứng/ cao sừng sững/ Bên ngoài là biển rộng mênh mông tạo thành một góc vuông vức. Người ở xa mới đến/ trông cảnh tượng này có cảm giác rờn rợn/ e rằng/ một con sóng dữ đập vào vách đá/ sẽ cuốn băng cả dãy nhà nhỏ bé kia xuống đáy biển.

Nhưng không, từ bao đời nay, thị trấn ven biển vẫn còn nguyên đấy. Sóng biển chỉ vỗ nhẹ rì rào như sóng của một dòng sông. Bởi vì từ hai bên thị trấn, hai dãy núi như hai cánh cung vươn ra ôm lấy một vùng biển rộng. Đó là hai cánh tay lực lưỡng của thần núi ngăn đe thần biển bảo vệ cho phố chài được yên vui.

Nhà cửa ở đây phần lớn xây bằng đá vôi sò, hai thứ vật liệu sẵn có của núi và biển. Trong nhà ngoài ngõ đâu đâu cũng sức nức mùi cá biển. Cá thu, cá chim, cá mực, tôm hùm... phơi đầy trên sào, trên nóc nhà, bờ tường, bãi cát...

Chậu cảnh thì làm bằng những con ốc biển khổng lồ, to bằng cái mũ. Sản vật ở biển tô điểm cho phố chài một vẻ đẹp độc đáo, riêng biệt.

NHIỀU TÁC GIẢ
Lược trích "Cát Bà - hòn đảo ngọc"

Chú giải

- **Cát Bà** : một hòn đảo ở vịnh Bắc Bộ, thuộc địa phận Hải Phòng.
- **Sò** : vỏ các loại trai ốc ở ven biển lâu ngày đóng lại thành lớp cứng như đá, nhân dân vùng biển dùng lưới mai sắc xán thành khối hình viên gạch lớn, dùng để xây tường.
- **Độc đáo** : có tính chất riêng biệt, đặc sắc.

Hướng dẫn đọc

Phát âm rõ các tiếng có thanh ngã (~) trong : *sừng sừng, sóng dữ, vỗ nhẹ, lục lưỡng, ngoài ngõ, bãi cát...*

Tìm hiểu bài

1. Thị trấn Cát Bà nằm ở đâu ? Trước mặt, sau lưng, hai bên thị trấn có những gì ?
2. Vì sao cảnh tượng ấy gây cho người ở xa mới tới một cảm giác rờn rợn ?
3. Phố chài có những nét gì độc đáo về vật liệu xây dựng, về sản vật ?

TIẾT 29

CHIM RỪNG TÂY NGUYÊN

Về đẹp hồ I-rơ-pao
Những cơn gió nhẹ làm mặt nước hồ I-rơ-pao chao mình rung động. Bầu trời trong xanh soi bóng xuống đáy hồ, mặt nước hồ càng xanh thêm và như rộng ra mênh mông. Nơi đây cất lên những tiếng chim riu rít. Chúng từ các nơi trên miền Trường Sơn bay về. Chim đại bàng chân vàng mỏ đỏ đang chao lượn, bóng che rợp mặt đất. Mỗi lần đại bàng vỗ cánh lại phát ra những tiếng vi vu vi vút từ trên nền trời xanh thẳm, giống như có hàng trăm chiếc đàn đang cùng hòa âm. Bầy thiên nga trắng muốt chen nhau bơi lội... Những con chim kơ-púc, mình đỏ chót và nhỏ như quả ớt, cổ rướn cặp mỏ thanh mảnh của mình hót lên lanh lảnh nghe như tiếng sáo. Các chú chim piêu có bộ lông màu xanh lục, đôi chân như đi tất vàng giống hệt những nhà thể thao đang nhào lộn trên cành cây. Chim véch-ka mãi mê chải chuốt bộ lông vàng óng của mình. Chim câu xanh, chim sa-tan

nhẹ nhàng cất tiếng hót gọi đàn. Họ nhà chim đủ các loại, đủ các màu sắc riu rít bay đến đậu ở những bụi cây quanh hồ, tiếng hót rộn rã vang cả mặt nước.

THIÊN LƯƠNG

Chú giải

- **Chao** : nghiêng đi nghiêng lại.
- **Rợp** : bóng che dày đặc đến mức như phủ kín cả.
- **Hòa âm** : nhiều âm thanh hòa hợp với nhau trong dàn nhạc.

Hướng dẫn đọc

Giọng đọc cần nhấn mạnh hơn ở những từ ngữ miêu tả màu sắc, hình thù riêng của mỗi loài chim. Ví dụ : Chim đại bàng *chân vàng mỏ đỏ* đang chao lượn... Những con chim kơ-púc, mình *đỏ chót* và nhỏ như quả ớt, cổ rướn *cặp mỏ thanh mảnh* của mình...

Tìm hiểu bài

1. Cảnh đẹp của hồ I-rơ-pao được tác giả miêu tả như thế nào ?
 2. Mỗi loài chim sống ở đây đều có hình dáng, màu sắc, tiếng kêu, động tác khác nhau. Em hãy nêu một số ví dụ.
 3. Qua bài này, em thấy chim rừng Tây Nguyên như thế nào ?
- * Ôn lại các bài học thuộc lòng ở Tiết 25, 27.

TIẾT 30

RỪNG PHƯƠNG NAM

Rừng cây im lặng quá. Một tiếng lá rơi lúc này cũng có thể khiến người ta giật mình. Lạ quá, chim chóc chẳng nghe con nào kêu. Hay vừa có tiếng chim ở một nơi nào xa lắm, vì không chú ý mà tôi không nghe chẳng ?

Vẻ yên tĩnh của rừng lúc sáng sớm

Gió bắt đầu nổi rào rào theo với khối mặt trời tròn đang tuôn ánh sáng vàng rực xuống mặt đất. Một làn hơi đất nhẹ nhẹ tỏa lên, phủ mờ những cây cúc áo, rồi tan dần theo hơi ấm mặt trời. Phút yên tĩnh của rừng ban mai dần dần biến đi.

Chim hót líu lo. Nắng bốc hương hoa trà thơm ngậy ngát. Gió đưa mùi hương ngọt lan xa, phảng phất khắp rừng. Máy con kì nhông nằm phơi lưng trên gốc cây mục, sắc da lưng luôn luôn biến đổi từ xanh hóa vàng, từ vàng hóa đỏ, từ đỏ hóa tím xanh... Con Luốc động đập cánh mũi, rón rén bò tới. Nghe động tiếng chân con chó săn nguy hiểm, những con vật thuộc loài bò sát có bốn chân to hơn ngón chân cái kia liền quét chiếc đuôi dài chạy tứ tán, con núp chỗ gốc cây thì biến thành màu xám vỏ cây, con đeo trên tán lá ngái thì biến ra màu xanh lá ngái...

Ải về đẹp của rừng

ĐOÀN GIỚI

Lược trích "Đất rừng phương Nam"

Chú giải

- **Tràm** : một loài cây họ sim có nhiều ở rừng phương Nam, vỏ dùng để xam thuyền, lá cất lấy dầu thơm để xoa bóp.
- **Ngái** : một loài cây cùng họ với sung, lá rộng, có lông cứng.
- **Luốc** : tên riêng của con chó săn.
- **Tứ tán** : tỏa ra bốn phía (còn nói tán loạn).
- **Kì nhông** : thần lằn đào hang sống trong bãi cát, bờ biển.

Hướng dẫn đọc

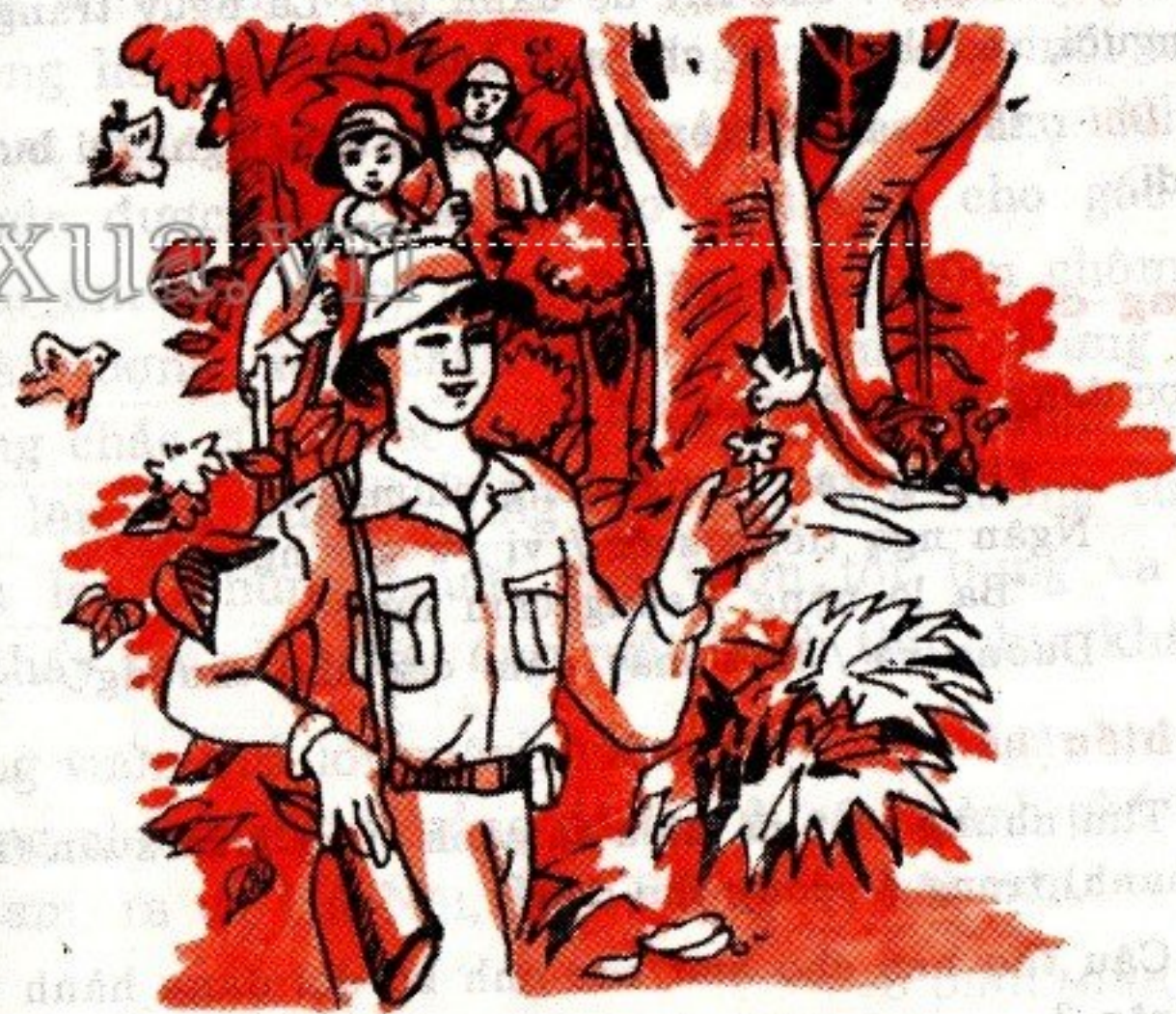
- Phát âm rõ các từ : *ngậy ngát, phảng phất, yên tĩnh.*
- Chú ý nhấn giọng ở các từ gợi tả màu sắc, âm thanh, chuyển động của cảnh vật : *vàng rực, líu lo, lan xa, phảng phất...*

Tìm hiểu bài

1. Nêu những chi tiết miêu tả cảnh yên tĩnh của rừng phương Nam (từ đầu bài đến "tôi không nghe chẳng?").
2. Mùi hương của hoa trà như thế nào? Đặt câu với từ *ngậy ngát*.
3. Tác giả tả kĩ những con kì nhông. Tại sao?
4. Rừng phương Nam đối với em có những nét gì hấp dẫn?

TIẾT 31

HÀNH QUÂN GIỮA RỪNG XUÂN



Rừng xa/vọng tiếng chim gù
Ngân nga tiếng suối/vi vu gió ngàn.
Mưa xuân dầm/lá ngụy trang
Đường ra/tiên tuyến nở vàng hoa mai.

Ba lô nặng, súng cầm tay
 Đường xa biết mấy dặm dài nhớ thương.
 Giờ này mẹ ở quê hương
 Cũng chừng đang dõi theo đường ta đi.
 Đêm mưa ngày nắng sá gì
 Quân thù còn đó, ta đi chưa về.
 Chim rừng thánh thót bên khe
 Nhìn lên xanh biếc bốn bề rừng xuân.

LÊ ANH XUÂN

Chú giải

- **Ngụy trang** : che dấy để đánh lừa. Lá ngụy trang : lá phủ lên người, xe, pháo... để che mắt quân thù.
- **Dối** : theo sát. Ý trong bài : luôn luôn nghĩ tới bước đường con đi.

Hướng dẫn đọc

Đọc đúng nhịp các câu thơ :

"Rừng xa / vọng tiếng chim gù
 Ngân nga tiếng suối / vi vu gió ngàn".
 "Ba lô nặng / súng cầm tay
 Đường xa / biết mấy dặm dài nhớ thương".

Tìm hiểu bài

1. Tìm những từ ngữ miêu tả cảnh rừng mùa xuân (màu sắc, âm thanh) trong 4 dòng thơ đầu.
2. Câu thơ nào cho biết các anh bộ đội đang hành quân ra mặt trận ?
3. Trên đường đi đánh giặc, các anh bộ đội nhớ thương ai và có quyết tâm gì ? Những câu thơ nào diễn tả điều đó ?

* Học thuộc lòng bài thơ.

cây ăn của phom

VƯỜN QUẢ CÙ LAO SÔNG

(Trích)

Giới thiệu
 cù lao sông

Từ bến sông của huyện lỵ Cái Bè, đi xuống mấy dọc theo sông Tiền chỉ một độ đường là sẽ gặp những cù lao lớn, cây cối xanh tốt um tùm ngọt hai chục cây số chiều dài. Đất trên cù lao đã ổn định qua nhiều năm tháng chứ không như những bãi giữa sông Hồng khi bồi khi lở do sức công phá thất thường của lũ lụt.

Những xóm làng trên cù lao sông Tiền có từ bao đời nay không hề biến động. Có những vườn cây mới trồng nhưng bạt ngàn là những vườn cây quả cổ thụ. Những rãnh nước được xẻ từ sông vào tưới tắm cho gốc cây bốn mùa ẩm ướt. Cóc, mận, măng cầu, chôm chôm, vú sữa, xoài tượng, xoài cát... mọc chen nhau. Đứng trên mũi vững chắc của chiếc xuồng máy, người nhanh tay có thể với lên hái được những trái cây trĩu xuống từ hai phía cù lao. Những người chủ vườn tốt bụng và hào phóng thấy thế chỉ cười, ánh mắt thích thú nhìn khách...

Những vườn quả lớn menh mông này ngày ngày trút sản vật xuống những chiếc xuồng để tỏa đi các thành phố khắp miền Nam, ra cả Hà Nội, Hải Phòng xa xôi nữa...

Chú giải

- **Cù lao** : vùng đất nổi có nước bao quanh ở sông, biển.
- **Um tùm** : (cây cối) rậm rạp, sum sê.

- **Công phá** : đánh phá kịch liệt. Ý trong bài : sức phá hoại mạnh mẽ của lũ lụt.

- **Bạt ngàn** : rộng mênh mông.

- **Hào phóng** : rộng rãi trong việc ăn tiêu, tiếp đãi người khác (trái nghĩa với bủn xỉn, ki bo).

Hướng dẫn đọc

- Phát âm rõ các tiếng có thanh ngã : *bãi giữa sông, vú sữa, trầu xuống*.

- Đọc tách riêng các từ trong câu :

Cóc / mận / măng cầu / chôm chôm / vú sữa / xoài tượng / xoài cát, ... mọc chen nhau.

Tìm hiểu bài

1. Các cù lao trên sông Tiền khác với những bãi bồi trên sông Hồng như thế nào ?

2. Trên các cù lao sông Tiền có những loại cây ăn quả nào ? Vườn cây quả tươi tốt ra sao ?

3. Bài văn này gợi cho em những suy nghĩ gì về sản vật, con người vùng đồng bằng sông Cửu Long ở miền Nam ?

TIẾT 33

ĐẤT CÀ MAU

Cà Mau là đất mưa đông. Vào tháng ba, tháng tư, sớm nắng chiều mưa. Đang nắng đó, mưa đổ ngay xuống đó. Mưa hối hả không kịp chạy vào nhà. Mưa rất phũ, một hồi rồi tạnh hẳn. Trong mưa thường nổi cơn dông.

Cà Mau đất xóp. Mùa nắng, đất nẻ chân chim, nên nhà cũng rạn nứt. Trên cái đất phập phều và lăm gió, dông như thế, cây đứng lẻ khó mà chống nổi với những

cơn thịnh nộ của trời. Cây bình bát, cây bần cũng phải quây quần thành chòm, thành rặng ; rễ phải dài, phải cắm sâu vào lòng đất. Nhiều nhất là đước. Đước mọc san sát đến tận mũi đất cuối cùng, thẳng đuột như hàng hà sa số cây dù xanh cắm trên bãi. Nhà cửa dựng dọc theo những bờ kênh, dưới những hàng đước xanh rì. Nhà nọ sang nhà kia phải leo trên cầu bằng thân cây đước...

Sống trên cái đất mà ngày xưa, dưới sông "cá sấu cắn trước mũi thuyền", trên cạn "hổ rình xem hát" này, con người phải thông minh và giàu nghị lực. Họ thích kể, thích nghe những huyền thoại về người vật hổ, bắt cá sấu, bắt rắn hổ mây. Tinh thần thượng võ của cha ông đước nung đúc và lưu truyền để khai phá, giữ gìn mũi đất tận cùng này của Tổ quốc...

MAI VĂN TẠO

Trích "Cà Mau quê hương cây đước, cây tràm"

Chú giải

- **Phũ** (phũ phàng) : ý nói mưa dữ dội đến mức tàn nhẫn.

- **Nẻ chân chim** : rạn nứt ra tứ phía trông giống dấu chân chim.

- **Phập phều** : trôi nổi, phồng lên rồi lại xẹp xuống.

- **Cơn thịnh nộ** : nổi giận rất dữ. Ý trong bài : mưa gió, sấm sét rất lớn, như trời giận dữ mà gây ra.

- **Huyền thoại** : chuyện kì lạ không có thực, do tưởng tượng ra.

- **Thượng võ** : tỏ ra có khí phách và lòng hào hiệp.

Hướng dẫn đọc

- Phát âm rõ các từ ngữ : *sớm nắng chiều mưa, hàng hà sa số, phập phều, thượng võ, nung đúc*.

- Nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả tính chất khác nghiệt của khí hậu, đất đai, và cuộc sống của con người Cà Mau : *hối hả, cơn thịnh nộ của trời, v.v...*

Tìm hiểu bài

1. Bài có thể chia thành 3 đoạn, mỗi đoạn tập trung diễn đạt một ý. Đó là những ý gì ?
2. Mưa ở Cà Mau có gì khác thường ?
3. Cà Mau có cây gì đặc biệt ? Cây đó phát triển ra sao ?
4. Tinh thần gì được người dân Cà Mau truyền giữ từ đời này qua đời khác ?

* Học thuộc lòng đoạn cuối của bài.

TIẾT 34

CÁ HEO Ở BIỂN TRƯỜNG SA

Những con cá heo thích nô đùa, thích được vỗ tay.

Đêm trăng. Biển yên tĩnh. Tàu PHƯƠNG ĐÔNG của chúng tôi buồng neo trong vùng biển Trường Sa.

Một số chiến sĩ thả câu. Một số khác quây quần trên boong sau, ca hát, thổi sáo. Buổi văn nghệ đang đầy ắp tiếng cười, bỗng biển có tiếng động mạnh, nước đập ùm ùm như có người tập bơi. Một người kêu lên : "Cá heo !" Thì ra cá heo thấy chiến sĩ hò hát vui quá, gọi nhau quây đến quanh tàu như để chia vui.

Cá heo giống tính trẻ em, thích nô đùa, thích được vỗ tay. Anh em ủa ra vỗ tay hoan hô : "A ! Cá heo nhảy múa đẹp quá !". Thế là cá thích, nhảy vút lên thật cao. Có chú quá đà, vọt lên boong tàu cách mặt nước



đến một mét. Có lẽ va vào sắt bị đau, chú nằm im, mắt nhắm nghiền, phía đuôi bị rách một mảng.

Một anh chiến sĩ đến nâng con cá lên hai bàn tay nói nựng :

- Có đau không chú heo ? Lần sau, khi nhảy múa phải chú ý nhé, đừng nhảy lên boong tàu.

Anh ta vuốt ve con cá rồi thả xuống nước. Cả đàn cá quay ngay lại, ngoảnh đầu về phía boong tàu, nhảy vung lên như để cảm ơn rồi tỏa ra biển rộng. Hôm sau, tàu nhổ neo. Đàn cá heo lại kéo đến. Chúng bơi trước mũi tàu như kẻ dẫn đường, quuyến luyến không muốn chia tay. Đúng là đàn cá heo đêm qua. Anh em chiến sĩ nhận ra chú cá có mảng đuôi bị rách...

Tình cảm thân thiết của anh bộ đội đối với cá heo HÀ ĐÌNH CẦN

Chú giải

- **Trường Sa** : tên quần đảo ở vùng biển phía đông nam của Việt Nam.

- **Cổ vũ** : khuyến khích, động viên.
- **Boong** : sà ở hai bên, mũi và cuối tàu thủy.

Hướng dẫn đọc

- Phát âm đúng tiếng *boong* (giống như : cái *xoong*, chuông kêu *boong boong*).

- Đọc đúng ngữ điệu các câu :

"A ! Cá heo nhảy múa đẹp quá !" (giọng reo vui)

"Có đau không chú heo ?..." (giọng âu yếm, vỗ về)

Tìm hiểu bài

1. Trong bài, những chi tiết nào cho thấy cá heo thích nô đùa, thích được cổ vũ ?

2. Những từ *nâng* (con cá trên hai bàn tay), *nựng* (nói nựng), *vuốt ve* thể hiện tình cảm gì của anh chiến sĩ đối với con cá heo bị nạn ?

3. Những chi tiết nào cho thấy cá heo cũng hiểu được ý định và tình cảm của con người ?

4. Khi tả cảnh, người ta có thể viết những câu ngắn như : "Đêm trăng. Biển yên tĩnh". Em hãy viết 3 câu kiểu đó, nối tiếp nhau để tả cảnh sân trường của em trước giờ vào học.

TỪ NGỮ

TIẾT 1

THẦY TRÒ

I - Từ ngữ

- thầy giáo, cô giáo, tình thầy trò, tình bạn, kỉ niệm.
- dạy dỗ, kể chuyện, ngâm thơ, học tập, vui chơi, mong đợi.
- tận tụy, thân thương.
- kính thầy yêu bạn.

II - Luyện tập

A - Trả lời câu hỏi

1. "Tình thầy trò" chỉ mối quan hệ về tình cảm giữa ai với ai ? Tình cảm đó thể hiện như thế nào ?

2. Em hãy kể một *kỉ niệm* mà em còn ghi nhớ về một thầy giáo hoặc cô giáo cũ của em. Em hiểu *kỉ niệm* là gì ?

3. Tìm thêm các từ ngữ nói về "tình thầy trò" và "tình bạn" (trong bài "Ngày khai trường" hoặc em biết).

4. Tìm một từ gần nghĩa với "thân thương".

B - Điền từ

Tìm từ ngữ thích hợp ở mục I điền vào chỗ trống trong bài sau :

CÔ GIÁO CŨ

Năm ngoái, Hải được học với cô Hoa là . . . dạy giỏi của khối lớp 3. Năm nay lên lớp 4, Hải được học với . . . Hiện mới chuyển về trường.

Tuy không học với cô Hoa nữa, nhưng Hải và các bạn lớp 4A sẽ không bao giờ quên được người mẹ hiền yêu quý ấy đã . . . dạy dỗ các em trong suốt ba năm học liền, khi các em . . . cũng như lúc các em . . . Biết bao . . . đáng ghi nhớ về cô giáo cũ . . . !

Q.T

C - Luyện từ

"Giáo" có nghĩa là dạy bảo. Em hãy tìm một số từ ghép là danh từ chỉ người, trong đó có tiếng "giáo".

TIẾT 2

TỔ QUỐC

I - Từ ngữ

- thành phố, làng mạc, nhà máy, biển lúa, núi rừng, biển khơi, Tổ quốc.
- độc lập, tươi đẹp, đổi mới, bát ngát, tha thiết, phấn khởi, mơ tưởng.
- cờ đỏ sao vàng, gió núi trắng ngàn.

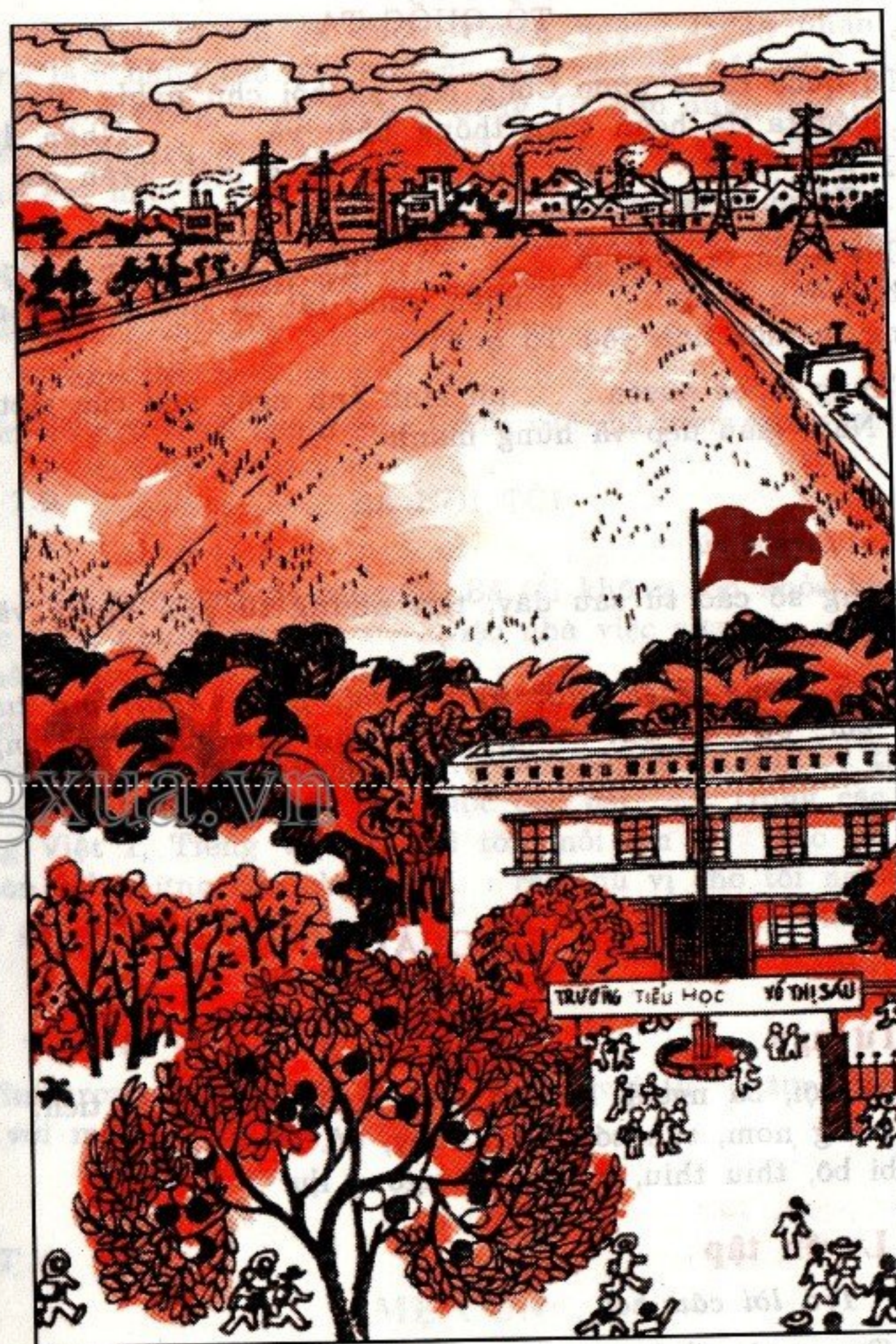
II - Luyện tập

A - Trả lời câu hỏi

1. Để chỉ đất nước, ngoài từ "Tổ quốc", còn có những từ nào ?
2. Em hiểu thế nào là một nước độc lập ? Tìm từ trái nghĩa với "độc lập".
3. Từ "biển khơi" chỉ vùng biển rộng mênh mông xa bờ. "Biển lúa" có ý gì giống và có ý gì khác "biển khơi" ?
4. "Trăng ngàn", "gió núi" nói về trăng và gió ở đâu ?
5. Tên gọi đầy đủ của Tổ quốc ta hiện nay là gì ?

B - Điền từ

Tìm từ ngữ thích hợp ở mục I điền vào chỗ trống trong bài sau :



TỔ QUỐC TA

Tổ quốc ta là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tổ quốc ta đã hoàn toàn thống nhất và Nhân dân ta ngày nay đang . . . xây dựng cuộc sống mới. Trên các . . . , . . . , Tổ quốc ta, quê hương ta . . . từng ngày.

Đất nước ta thật là Từ cảnh . . . ở miền ngược, tới cảnh ruộng đồng . . . ở miền xuôi, tất cả đều đem đến cho chúng ta một tình yêu Tổ quốc . . .

Chúng ta có quyền . . . tới hình ảnh ngày mai của một . . .
Việt Nam giàu đẹp và hùng mạnh.

O.T

C - Luyện từ

Trong số các từ sau đây, tìm những từ gần nghĩa và ghi thành từng nhóm :

mênh mông, biển lúa, sáng ngời, phấn khởi, mơ tưởng,
vàng vạc, bao la, vui mừng, đồng lúa, mong ước, bát ngát.

TIẾT 3

BÀ CHÁU

I - Từ ngữ

- bà nội, bà ngoại, bữa ăn, giấc ngủ, ca dao, cổ tích.
- trông nom, săn sóc, cưng, dạy, dỗ.
- bi bô, thiu thiu, ngong lều ngong liêu.

II - Luyện tập

A - Trả lời câu hỏi

1. Trong gia đình em, bà nội đẻ ra ai, bà ngoại đẻ ra ai ?
2. Tìm từ cùng nghĩa với từ "cưng".
3. "Bi bô" là một từ láy âm (phụ âm đầu : b . . . b . . .). Nó gợi tả tiếng trẻ con đang làm gì ?

64

4. Ca dao là bài ca được truyền miệng trong nhân dân, thường làm bằng thể thơ lục bát. Một câu lục bát có 2 dòng : dòng trên 6 tiếng, dòng dưới 8 tiếng. Ca dao dùng làm lời hát, thường là hát ru. Em hãy đọc một bài ca dao hoặc một bài hát ru mà em nhớ.

5. Tìm một từ ngữ cùng nghĩa với "truyện cổ tích". Nêu tên một vài truyện cổ tích mà em đã được nghe kể ở trường hoặc ở nhà.

B - Điện tử

Tìm từ ngữ thích hợp ở mục I điền vào chỗ trống trong bài sau :

BÀ NỘI TÔI

... tôi năm nay đã 60 tuổi. Bà tôi không còn khỏe như hồi trước nữa, nhưng bà vẫn ... việc nhà việc cửa và ... chúng tôi hàng ngày.

Tôi là cháu đầu của bà nên từ nhỏ đã được bà . . . lăm. Hối tôi mới lên hai, còn đang . . . tập nói, bà tôi đã . . . truyền miệng cho tôi đọc thuộc lâu được các bài . . . trong các sách Tiếng Việt 1, Tiếng Việt 2. Tối tối, mỗi lần . . . cho tôi ngủ, bà còn kể những câu chuyện . . . rất thú vị cho tôi nghe. Tôi nằm gọn trong lòng bà và . . . ngủ lúc nào không biết.

Q.T

C - Luyện từ

Tìm trong bài trên 2 từ gần nghĩa với từ "chăm sóc". Đặt câu với mỗi từ đó.

TIẾT 4

ME CON

I - Từ ngữ

- mẹ, con, tuổi thơ, dòng sữa, lòng mẹ.
- sinh, đẻ, lọt lòng, ẵm, bế, ôm, ru, ủ, quạt, nựng.

5-T. Việt 4/1

- chập chững, lon ton.
- mang nặng đẻ đau.

II - Luyện tập

A - Trả lời câu hỏi

1. "Tuổi thơ" là tuổi trẻ em từ khoảng tuổi nào đến tuổi nào ?
2. "Lon ton" là một từ láy gồm 2 tiếng có vần và thanh giống nhau được láy lại. Từ "lon ton" gợi tả được hình ảnh em bé đang làm gì ?
3. "Chập chững" cũng là một từ láy gồm 2 tiếng có phụ âm đầu giống nhau được láy lại (láy âm : ch . . . ch . . .) để gợi tả hình ảnh em bé đang làm gì ?

****4.** Thành ngữ nào nói lên nỗi vất vả, nhọc nhằn không tả xiết của người mẹ lúc mang thai và sinh con ?

B - Điền từ

Tìm từ ngữ thích hợp ở mục I điền vào chỗ trống trong bài sau :

MẸ

Mẹ mang nặng đẻ đau . . . ra con từ một hòn máu đỏ. Ngay từ buổi con mới . . . , ngày ngày mẹ . . . con trên tay. Bữa bữa mẹ cho con bú . . . mát lạnh của mẹ và . . . cho con ngủ ngon giấc. Trời rét, mẹ . . . con vào lòng và . . . ấm cho con. Trời nóng, mẹ . . . cho con mát. Khi con đã biết ngồi, mẹ dạy con . . . tập đứng, rồi . . . tập đi. Lúc con vấp ngã, mẹ . . . con lên và dịu dàng . . . con : "Con mẹ khéo quá !".

Tiếng đầu tiên mẹ dạy con nói là tiếng : . . . ! Và . . . sung sướng biết ngần nào khi lần đầu tiên . . . đã biết gọi : Mẹ !

Q.T

C - Luyện từ

1. Em hãy cho biết : ngoài từ "mẹ" ra, còn có những từ nào cùng nghĩa được dùng để gọi "mẹ" ?

*2. Dựa vào những bức tranh dưới đây (từ H.1 đến H.6), em hãy tìm những từ gần nghĩa với từ "ấm". Căn cứ vào mỗi bức tranh, em thử đặt câu với mỗi từ đó.



H.1



H.2



H.3



H.4



H.5



H.6

TIẾT 5

ÔN TẬP

1. "Tổ quốc" là một từ ghép gốc Hán (từ Hán Việt). Em hãy :
 - Tìm một số từ ghép khác trong đó có tiếng "tổ" cùng nghĩa (tổ : ông cha từ thời xa xưa).
 - Tìm một số từ ghép khác trong đó có tiếng "quốc" (quốc : nước, đất nước) dùng để chỉ :

- + Lá cờ của nước.
- + Bài hát chính thức của một nước.
- + Bản nhạc của bài hát chính thức của một nước.
- + Huy hiệu tượng trưng cho một nước.
- + Cơ quan quyền lực cao nhất trong nước gồm các đại biểu do dân bầu ra.

2. "Cổ tích" cũng là một từ ghép gốc Hán. Em hãy tìm một số từ ghép khác trong đó có tiếng "cổ" cùng nghĩa (cổ : cũ, xưa).

3. Hãy tìm một từ thích hợp có thể điền được vào chỗ trống trong tất cả các câu sau :

- Kính . . . yêu bạn.
- Trọng . . . mới được làm . . .
- Một chữ cũng là . . . , nửa chữ cũng là . . .
- Không . . . đổ mảy làm nên.
- ** Em hiểu ý nghĩa của mỗi câu trên ra sao ?

*4. Hãy chọn từ thích hợp (tận tình, tận tâm, tận lực, tận tụy) điền vào những chỗ trống sau :

- . . . với công việc.
- . . . với nghề nghiệp.
- . . . cứu chữa người bệnh.
- . . . giúp đỡ bạn.
- . . . khắc phục khó khăn.

**5. Điền từ thích hợp vào chỗ trống các dòng sau để có những từ ghép cùng nghĩa và gần nghĩa :

- Tuổi . . . lòng.
- Tuổi . . . ngựa.
- Tuổi . . . sữa.
- Tuổi . . . ấu.

TIẾT 6

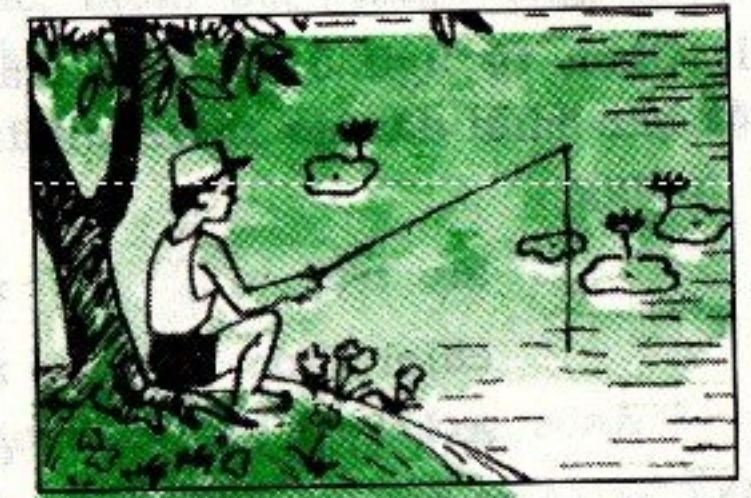
QUÊ HƯƠNG

1. Chọn từ ngữ ở cột bên trái ghép với từ ngữ thích hợp ở cột bên phải để tạo thành những câu văn miêu tả *phong cảnh quê hương* :

trời cao	lồng lộng	mặt hồ	bay bổng
cánh đồng	nhờn nhơ	cánh cò	lăn tăn
mây trắng	trải rộng	ngả đường	tím ngắt
dòng sông	xuôi ngược	chân trời	xa tấp
đoàn thuyền	uốn khúc	rặng núi	bao la

2. "Lăn tăn" là một từ láy (láy vần : ...ăn ...ăn). Nó gợi tả hình ảnh những làn sóng chuyển động như thế nào ?

- lặng sóng, gợn sóng, lăn tăn : những từ nào gần nghĩa, những từ nào trái nghĩa nhau ?



H.1 - Mặt hồ *lặng* sóng.



H.2 - Sóng *lượn* ... trên mặt sông.



H.3 - Sóng biển ... xô vào bờ.

** - Dựa vào những bức tranh trong bài, em hãy tìm một vài từ láy gợi tả hình ảnh những làn sóng chuyển động từ yếu đến mạnh. Chọn từ thích hợp điền vào câu ghi dưới mỗi bức tranh (H.1, H.2, H.3 trang 69).

3. "Lồng lộng" cũng là một từ láy (vừa láy âm : l... l..., vừa láy vần : ...ông ...ông). Nó gợi tả hình ảnh bầu trời như thế nào ?

TIẾT 7

QUÊ HƯƠNG

(Tiếp theo)

1. Chọn từ ngữ ở cột bên trái ghép với từ ngữ thích hợp ở cột bên phải để tạo thành những câu văn miêu tả cảnh vật quê hương :

lũy tre	xanh tươi
chim chóc	mát rượi
đàn trâu	cổ kính
cây cối	um tùm
ong bướm	hiu hiu
đường làng	lơ lửng
mái đình	rì rào
cây đa	gặm cỏ
ngọn gió	ríu rít
cánh diều	rập rờn

(Cổ kính : xưa, cũ và có vẻ trang nghiêm).

2. Trong số các từ trên, những từ nào là từ láy ? Những từ đó khác các từ còn lại không phải là từ láy như thế nào ?

- "Rì rào" là từ láy thường dùng để tả tiếng gió thổi như thế nào ?

- Hãy tìm một vài từ láy khác gợi tả tiếng gió thổi mạnh. Đặt câu với mỗi từ đó.

3. Tìm một vài từ láy gợi tả tiếng gà kêu, tiếng chim hót, tiếng gió thổi (có thể dựa vào các bài Tập đọc đã học).

TIẾT 8

THẮNG CẢNH

I - Từ ngữ

- núi non, hang động, thác, biển, hồ, vịnh, vũng, kì quan, viên ngọc quý, tạo hóa, khách du lịch.

- non sông gấm vóc, muôn hình muôn vẻ, non xanh nước biếc.

II - Luyện tập

A - Trả lời câu hỏi

1. Phong cảnh như thế nào được gọi là thắng cảnh ?

Em hãy nêu một vài ví dụ về thắng cảnh ở nước ta hoặc ở địa phương em (xem tranh H.1, H.2, H.3, H.4-trang 72).

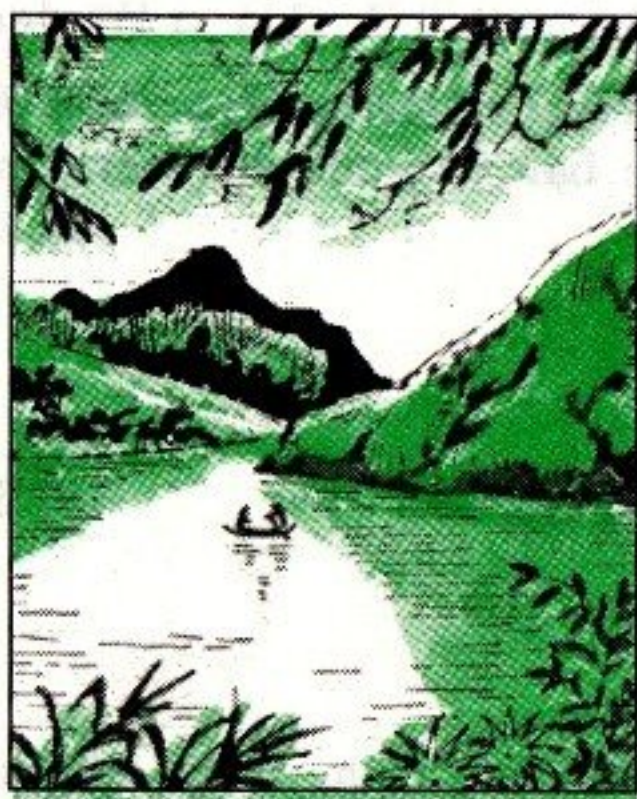
2. Chỗ dòng suối hay dòng sông, nước chảy như thế nào gọi là thác ? Kể tên một vài thác được coi là thắng cảnh ở nước ta.

3. Kể tên một vài hang và động nổi tiếng ở nước ta hoặc ở địa phương quê hương em. Căn cứ vào đó, em hãy cho biết hang và động, cái nào sâu hơn, rộng hơn ?

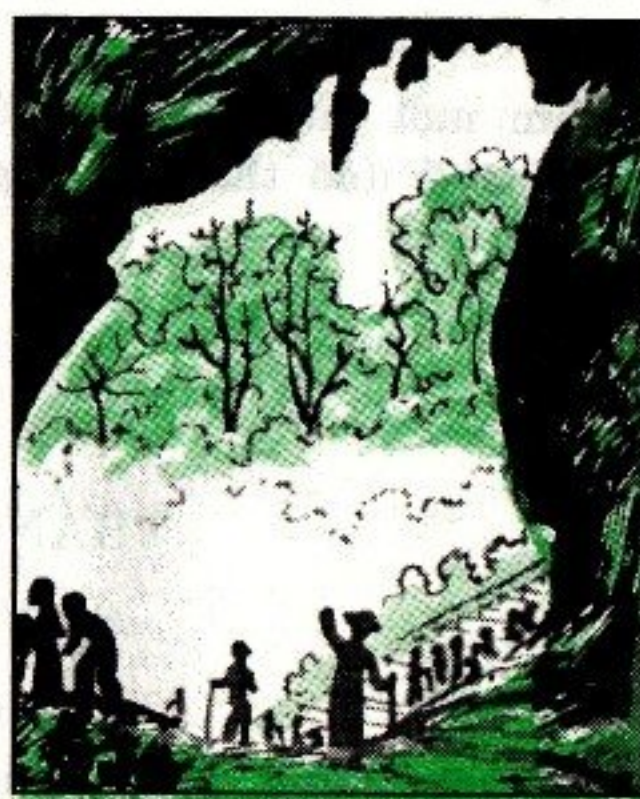
4. Vịnh là gì ? Vịnh to hơn hay nhỏ hơn vũng ? Kể tên một vài vịnh và vũng đẹp ở nước ta.

5. Những cảnh đẹp kì lạ, hiếm có gọi là kì quan (Ví dụ : vịnh Hạ Long ở Việt Nam và đền Ăng-co Vát ở Cam-pu-chia).

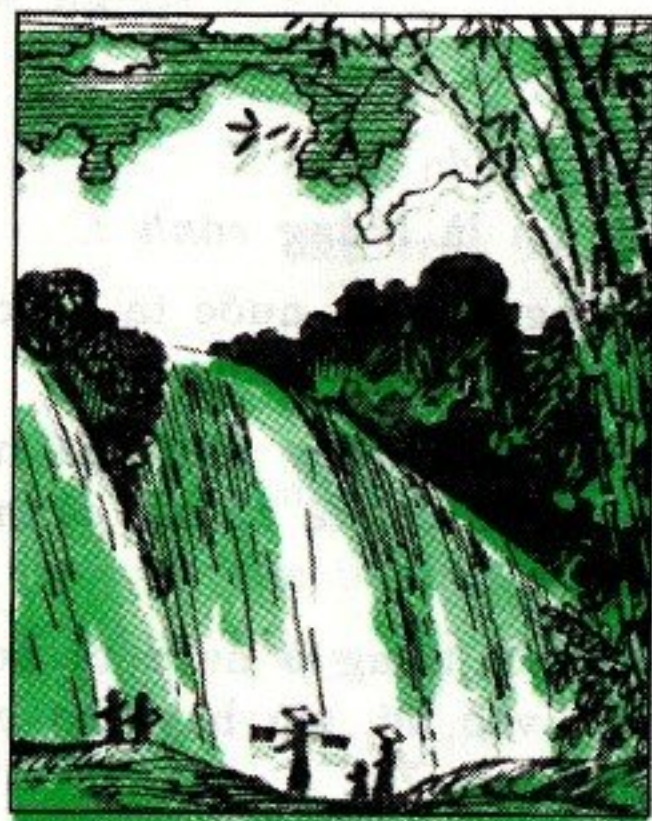
được xếp là 2 kì quan). Vậy kì quan và thắng cảnh khác nhau thế nào ?



H.1 - Hồ Ba Bể



H.2 - Động Hương Tích



H.3 - Thác Bản Giốc



H.4 - Vịnh Hạ Long

B - Điền từ

Tìm từ ngữ thích hợp ở mục I điền vào chỗ trống trong bài sau :

MỘT VÀI THẮNG CẢNH CỦA ĐẤT NƯỚC

Đất nước ta đâu đâu cũng có những cảnh đẹp nổi tiếng.

Phong cảnh Sa Pa ở miền Bắc cũng như Đà Lạt ở miền Nam, đều có thể xem như những "quà tặng diệu kì" mà . . . dành cho đất nước ta. Nếu . . . Hạ Long ở miền Bắc được coi là một trong các . . . của thế giới, thì biển Nha Trang hoặc Vũng Tàu ở miền Nam là những cảnh đẹp có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với . . . nước ngoài. Ở Bắc Cạn có hồ Ba Bể với cảnh . . . tuyệt vời. Ở quê hương Tây Nguyên giàu đẹp lại có hồ Tơ-nưng, một . . . của đất nước. Ở miền Bắc có cảnh chùa Hương với động Hương Tích nổi tiếng ; ở miền Trung cũng có Ngũ Hành Sơn với cảnh . . . lạ kì.

T.L

C - Luyện từ

1. Tìm một số từ ghép gồm 2 tiếng, trong đó có tiếng "kì". Tiếng "kì" có thể đứng trước hoặc đứng sau tiếng ghép với nó (kì có nghĩa là lạ).

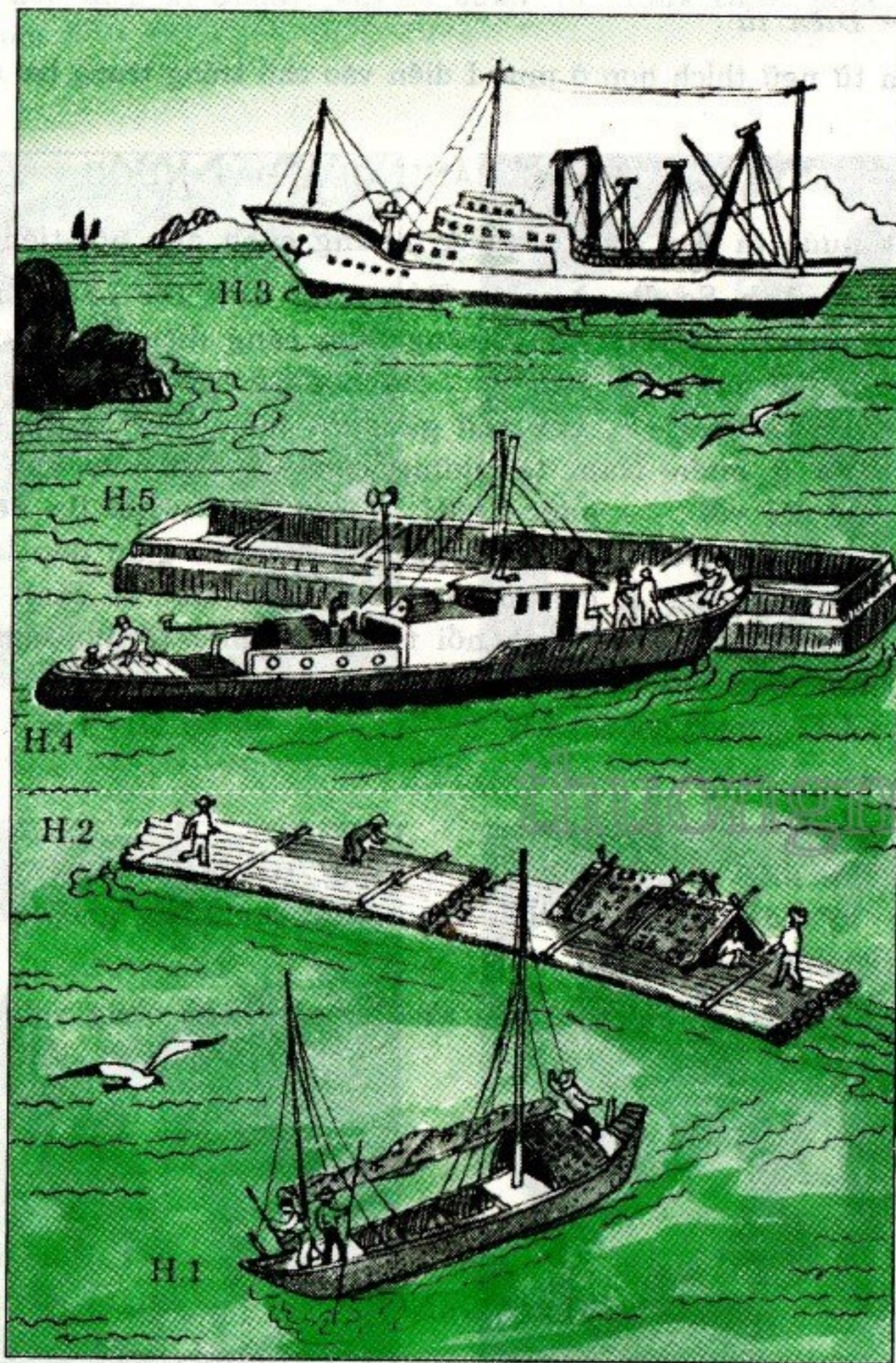
**2. Tìm trong bài tập điền từ ở trên một từ cùng nghĩa với "tạo hóa".

TIẾT 9

SÔNG NƯỚC

I - Từ ngữ

- sông, suối, kênh rạch, mương máng, thác ghềnh, thuyền, bè, tàu, ca nô, sà lan.



- giương buồm, rẽ sóng, xuôi ngược, cuộn cuộn, cheo leo, thoai thoải, như mắc cửi.

II - Luyện tập

A - Trả lời câu hỏi

1. Kênh và rạch khác nhau như thế nào? Kênh lớn hay rạch lớn hơn?

2. Ghềnh khác thác như thế nào? Tại sao lại nói: "Lên thác xuống ghềnh"?

3. Thuyền và bè có gì giống nhau, có gì khác nhau? (H.1, H.2 trang 74)

4. "Ca nô" là từ gốc tiếng nước ngoài. Tìm từ tiếng Việt cùng nghĩa với "ca nô". Em hãy chỉ trong tranh vẽ: đâu là tàu, đâu là ca nô, sà lan?

5. Thuyền bè, xe cộ đi lại như thế nào thì ví "như mắc cửi"?

B - Điền từ

Tìm từ ngữ thích hợp ở mục I điền vào chỗ trống trong bài sau:

SÔNG NƯỚC QUÊ HƯƠNG

Nước ta lắm . . . , nhiều . . . ; kênh rạch, mương máng trải khắp như bàn cờ.

Trên các dòng sông lớn, quanh năm thuyền bè qua lại . . . Ngược dòng thì có các . . . chở gạo, chở muối, nước mắm, hoặc chở chum vại, đồ sành, đồ sứ, v.v... tấp nập . . . , theo hướng gió đi lên. Xuôi dòng thì có các . . . gỗ hoặc luồng, tre, nứa, song, mây, v.v... hối hả theo dòng . . . đổ xuống. Từng quãng, đôi lúc lại xuất hiện một con . . . chở hành khách đang âm ỉ . . . hoặc vài ba chiếc . . . chắt hàng đang . . . trên sông.

Ở những khúc sông miền ngược lắm . . . thì hai bên bờ san sát rừng cây, vách đá . . . Xuống đến mạn dưới, bờ sông lại hiện ra . . . với ngàn dâu xanh biếc một màu, hoặc những bãi ngô, khoai, sắn, tươi xanh mơn mơn.

lên thác xuống ghềnh có ý nói gặp nhiều khó khăn trở ngại liên tục

C - Luyện từ

1. Tìm một số từ mang ý nghĩa cùng loại với :

- sông, suối . . .
- thuyền, ghe . . .
- giương (buồm), rẽ (sóng) . . .

**2. Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống trong các thành ngữ sau :

- Lên . . . xuống . . .
- Thuận . . . xuôi . . .
- Ra . . . vào . . .

TIẾT 10

TRUNG DU

1. Có các danh từ :

rừng . . .	nhà máy . . .
đồi . . .	trạm . . .
ruộng . . .	khu . . .
nương . . .	nhà . . .
bãi . . .	nông trường . . .

Chọn từ thích hợp dưới đây ghép vào sau mỗi danh từ trên cho rõ nghĩa :

an dưỡng, giấy, ngô, chè, nghỉ mát, khí tượng, chăn nuôi, lúa, cọ, dâu.

2. Nối một động từ ở cột bên trái với một danh từ ở cột bên phải cho có nghĩa thích hợp :

bé	nón
hái	bò
đan	chè
dờ	lúa
gặt	ngô (bắp)
chăn	sắn (củ mì)

3. Vùng đất đai như thế nào được gọi là *trung du* ?
4. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống trong bài sau :

QUÊ EM MIỀN TRUNG DU

Quê em ở miền trung du, phong cảnh rất đẹp. Nào . . . trập trùng . . . bát ngát, nào . . . xanh rờn và các . . ., nương sắn trải khắp sườn đồi, sườn núi.

Quê em còn có một . . . bò rất lớn và cả một khu công nghiệp đồ sộ với các nhà máy chè, nhà máy hóa chất sừng sững bên dòng sông Hồng cuộn cuộn chảy qua. Trên đỉnh ngọn núi đẹp nhất ở quê em lại có . . . để theo dõi thời tiết, có . . . và . . . dành cho cán bộ, công nhân viên chức thường xuyên đến dưỡng bệnh và nghỉ ngơi.

Cuộc sống lao động làm ăn ở đây quanh năm nhộn nhịp. . . . bao la đem lại cho quê em nghề . . . cổ truyền và các nghề đan mảnh cọ, làn cọ để xuất khẩu rất phát đạt.

T.L

TIẾT 11

VIỆT BẮC

I - Từ ngữ

- rừng già, rẫy, măng, sắn lùi, chăn sui, bộ đội biên phòng.
- trùng trùng điệp điệp, hùng vĩ, heo heo, mờ ảo, yên tĩnh, vang động, sôi động, giản dị.
- trèo đèo vượt suối.

II - Luyện tập

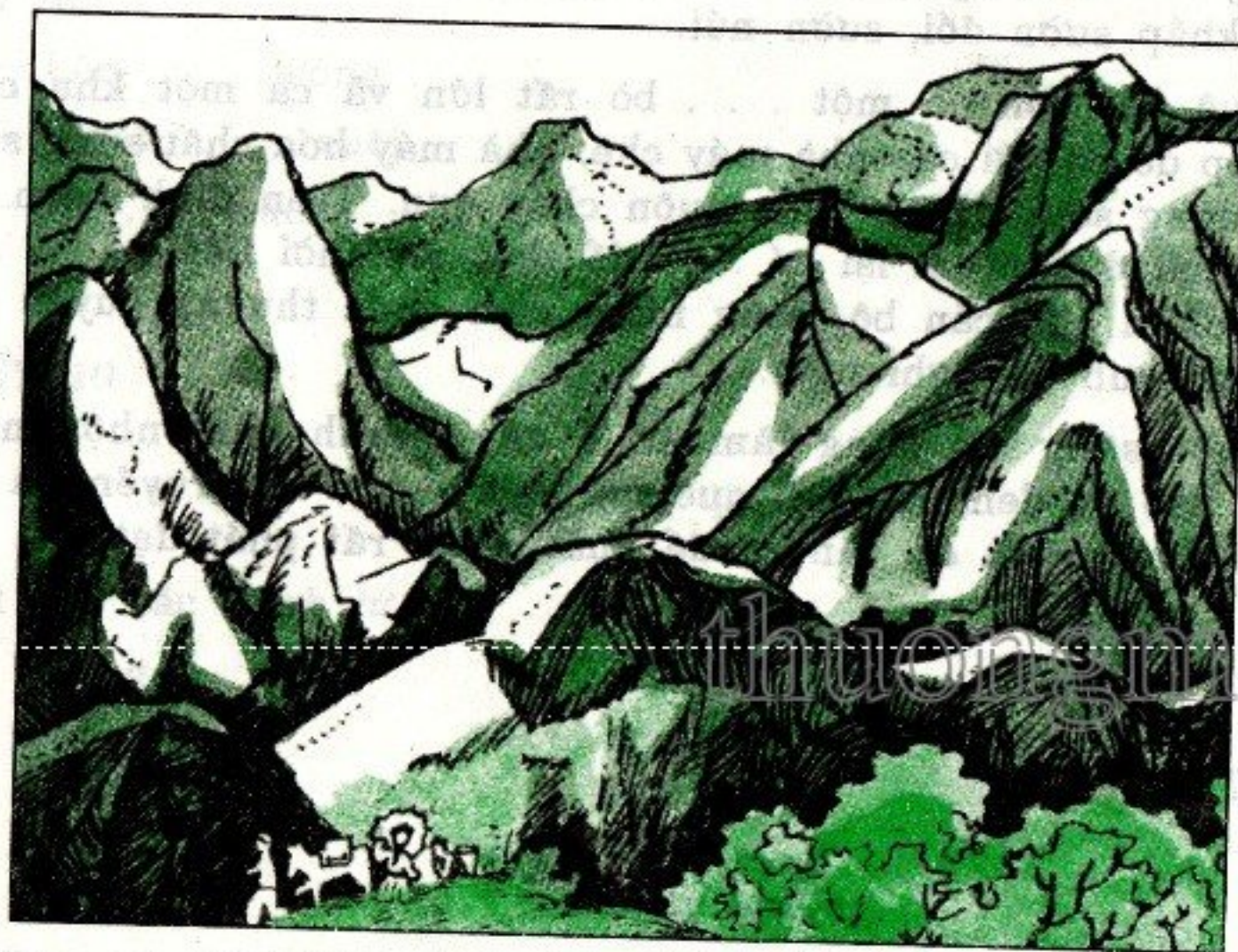
A - Trả lời câu hỏi

1. Rừng có cây cối như thế nào được gọi là "*rừng già*" ? Những từ ngữ nào chỉ cảnh và vật thường có ở rừng núi Việt Bắc ?

2. "Ruộng" và "rẫy" khác nhau như thế nào ?

3. *Chăn sui* làm bằng vỏ cây *sui* (cây to cùng họ với cây dâu) đập dập và trải rộng ra để đắp. So sánh *chăn sui* với *chăn bông* và *chăn len*, em có nhận xét gì ?

4. Núi non *trùng trùng điệp điệp* là núi non như thế nào ?
(Xem tranh vẽ)



Núi non trùng trùng điệp điệp.

5. Từ "sôi động" gợi cho em hình ảnh như thế nào về trạng thái chuyển động ?

B - Điền từ

Tìm từ ngữ thích hợp ở mục I điền vào chỗ trống trong bài sau :

PHONG CẢNH VÙNG RỪNG NÚI MIỀN BẮC

Núi non ... mây phủ bốn mùa. Những cánh ... dày đặc trải rộng mênh mông. Những dòng suối, ngọn thác ngày đêm đổ ào

ào ... không dứt. Rồi ngọn gió núi ... ánh trắng ngàn ... càng làm cho cảnh vật ở đây mang cái vẻ âm u, huyền bí mà cũng rất ...

Nhưng sinh hoạt của đồng bào các dân tộc ở đây lại thật là ... Trong những ngày tháng còn gian nan thì chỉ củ ... hoặc bắp ngô nướng và chiếc ... cũng đủ để đánh giặc không biết mệt mỏi. Kháng chiến thắng lợi rồi, cảnh vật và cuộc sống nơi đây vẫn mang cái vẻ ... vốn có của nó : bà mẹ hàng ngày lên ... bẻ ngô, cô gái trẻ sáng sáng hái ... trong rừng, anh thanh niên ... đi đưa thư, báo, cô giáo vùng xuôi lên dạy chữ của Bác Hồ, rồi tiếng mõ rừng chiều, tiếng chày đêm nện cối, tiếng vó ngựa đều đều của anh... đi tuần tra biên giới, v.v... ; nhịp sống cứ thế diễn ra thắm lặng mà cũng thật là ... !

T.L

C - Luyện từ

** Từ gốc của từ láy "trùng trùng điệp điệp" là "trùng điệp". So sánh nghĩa của từ gốc và nghĩa của từ láy đó, em thấy có gì khác nhau ? Đặt một câu với từ gốc, sau đó thay bằng từ láy, để thấy rõ sự khác nhau đó.

TIẾT 12

ÔN TẬP

1. Đặt câu với mỗi từ sau đây : *um tùm*, *xum xuê* (hoặc *sum sê*).

2. Tìm thêm các từ chỉ các sự vật cùng loại :

- hồ, ...

- núi, ...

- hang, ...

3. "Cây" và "núi" có thể ghép sau những từ nào dưới đây :
rặng, dãy, hàng.

(Từ nào trong 3 từ trên có thể ghép với cả "cây" và "núi" ?
Từ nào chỉ có thể ghép với "cây" hoặc với "núi" ?)

4. Tìm những từ chỉ màu sắc có thể ghép với : *ngắt, biếc, ói*.
Đặt câu với mỗi từ ghép đó.

5. Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong bài sau :

CẢNH HỒ BA BỂ

Núi dựng cheo leo bên mặt . . . bao la, phẳng lặng như một
tấm . . . trong suốt khổng lồ. Dây đó . . . chim kêu hòa với
tiếng lá rừng ngân se sẽ trong . . . Con . . . lướt nhẹ trên làn
nước trong veo in bóng . . . trời bỗng bẽnh trôi và bóng . . .
xanh xanh rung rinh theo tiếng mái . . . khua nhẹ nhẹ.

Quanh quất đâu đây, những vườn cam . . . ổi và những bãi
ngô . . . biếc điểm xuyết thêm cho cảnh . . . - hòn . . . quý của
Bắc Cạn - những nét thiên nhiên tuyệt diệu.

T.L.

TIẾT 13

VÙNG MỎ

I - Từ ngữ

- thợ mỏ, núi than, xe bò tốt, xe ben, lòng đất, đèn đất,
xà beng.

- lên tầng, vào lò, cuốc, trút, tháo, bốc, rót, đen nhánh.

- đổ mồ hôi sôi nước mắt.

II - Luyện tập

A - Trả lời câu hỏi

1. Những người thợ mỏ lên tầng và vào lò để làm gì ? Vì
sao lại nói lên tầng và vào lò mà không nói "vào tầng" và
"lên lò" ?

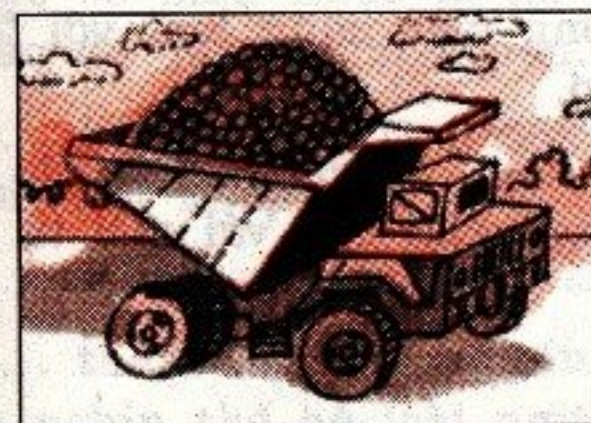
2. Xem tranh vẽ (H1, H2, H3), em hãy nói :

- Tên gọi của mỗi loại xe.

- Mỗi loại xe đó thường dùng làm công việc gì ở mỏ ?

- Tên gọi của mỗi công cụ mà người thợ mỏ đang dùng ?

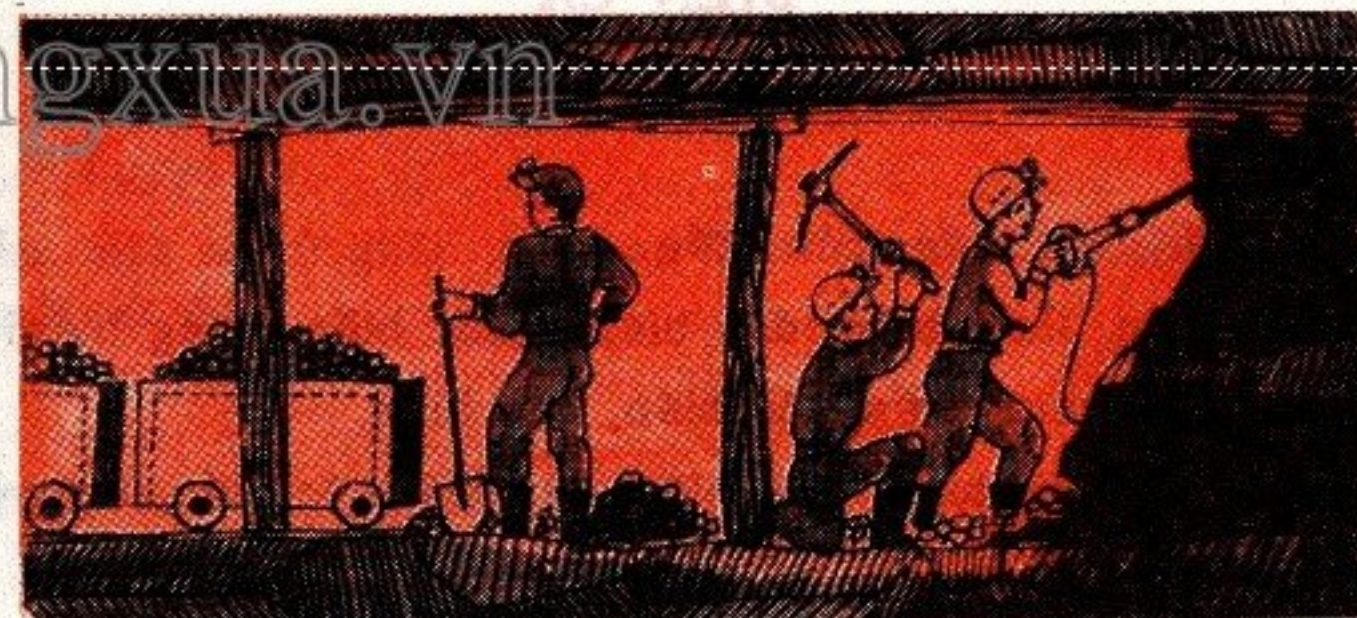
- Mỗi công cụ đó được dùng làm công việc gì ?



H.1



H.2



H.3 - Trong hầm lò

B - Điền từ

Tìm từ ngữ thích hợp ở mục I điền vào chỗ trống trong bài sau :

VÀNG ĐEN CỦA TỔ QUỐC

Mấy chiếc . . . nối đuôi nhau đưa đoàn thợ mỏ . . . Buổi
. . . bắt đầu. Đứng trong nắng chói buổi sớm mai, những người

... dồn sức vào đôi cánh tay lực lưỡng, dồn dập dậm những nhát ... chắc nịch. Mặt trời lên cao. Mồ hôi ... ra như suối. Họ ... luôn tay, tranh thủ từng giờ từng phút. Trong hầm lò ngột ngạt, họ ... để sản xuất ra nhiều "vàng đen" cho Tổ quốc thân yêu.

D.Q

C - Luyện từ

1. Tìm một số từ chỉ những công việc cùng loại với "cuốc" (cuốc than). Đặt câu với mỗi từ đó.

*2. Tìm một số từ ghép có tiếng "đen" để chỉ các sắc độ khác nhau của màu đen (ví dụ : đen bóng). Đặt câu với mỗi từ đó.

TIẾT 14

BIỂN CÁ

I - Từ ngữ

- bờ biển, bãi biển, cửa biển.
- mặt biển, lòng biển, đáy biển, nước biển, sóng biển.
- gió biển, mưa biển, lốc biển, bão biển.
- muối biển, cá biển, tôm biển, cua biển, ốc biển, rong biển.

II - Luyện tập

A - Trả lời câu hỏi

1. Biển cả còn được gọi bằng từ nào ?
- Ngoài từ *biển*, còn có từ nào cùng nghĩa ?
2. Tìm từ ngữ chỉ hiện tượng thời tiết, chỉ sản vật ở biển trong mục I.
- **3. Con gió như thế nào gọi là *con lốc* ? Con lốc biển khác con *bão biển* ra sao ?

B - Điền từ

Tìm từ ngữ thích hợp ở mục I điền vào chỗ trống trong bài sau :

LỢI ÍCH CỦA BIỂN CÁ

... nước ta dài và hình cong như chữ S, có nhiều ... đẹp dùng làm bãi tắm rất tốt.

Đọc bờ biển nước ta lại có nhiều ... lớn, tàu biển có thể ra vào dễ dàng, thuận tiện.

... bao la là con đường giao lưu tiện lợi bậc nhất của loài người trên khắp năm châu.

... mênh mông là kho thức ăn vô tận nuôi sống loài người.

... thăm thẳm là nguồn của báu dự trữ khổng lồ dành cho hàng nghìn thế hệ loài người mai sau.

... mặn mà là vị thuốc quý vô giá đối với cơ thể của con người.

D.Q

C - Luyện từ

Tìm một số từ ghép có tiếng "hải" (nghĩa là "biển"). Đặt câu với mỗi từ đó.

TIẾT 15

MIỀN NAM

I - Từ ngữ

- ruộng đồng, vườn cây, kênh rạch, cao nguyên đất đỏ.
- kì nhông, đại bàng, cá sấu, đồi mồi.
- cao su, dừa, xoài, chôm chôm, măng cụt, vú sữa, sầu riêng, lê-ki-ma (trứng gà), trà, sâm vông.
- xanh thẳm, vôi vọi, thẳng cánh cò bay.

II - Luyện tập

A - Trả lời câu hỏi

1. - Em hãy kể tên vùng ruộng đồng phì nhiêu, thẳng cánh cò bay ở miền Nam nước ta.

- Em hãy kể tên vùng cao nguyên đất đỏ lớn nhất ở miền Nam (hoặc một vùng mà em biết).

2. Cây *tầm vông* là loại tre nhỏ, giống dài, ruột đặc, thường được dùng để làm gì ?

3. Thế nào là cao vồi vọi ? Đặt câu với từ đó.

B - Điền từ

Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống trong bài sau :

MIỀN NAM NƯỚC TA

Miền Nam nước ta quanh năm bầu trời cao . . . , da trời một màu . . . , cây cối quanh năm tốt tươi.

Miền Nam nước ta có ruộng đồng . . . , có . . . sum sê, chằng chịt, biển khơi bao la, có những dải rừng . . . mát rượi, rừng . . . xanh ngắt bạt ngàn, có những vùng . . . mênh mông, giàu đẹp.

Miền Nam còn là quê hương của vô vàn quả ngọt trái thơm : có . . . ngọt lịm, . . . ngọt mát, có . . . thơm thơm, . . . mỡ màng, có trái . . . đem lại niềm "vui chung", và có lê-ki-ma, măng cầu, có dưa hấu, dưa, mít, chuối, đu đủ v.v... Mùa nào quả nấy, quả nào cũng có hương vị riêng, nếm thử một lần nhớ mãi.

D.Q

C - Luyện từ

1. Tìm một số từ láy.

Ví dụ : thơm thơm,...

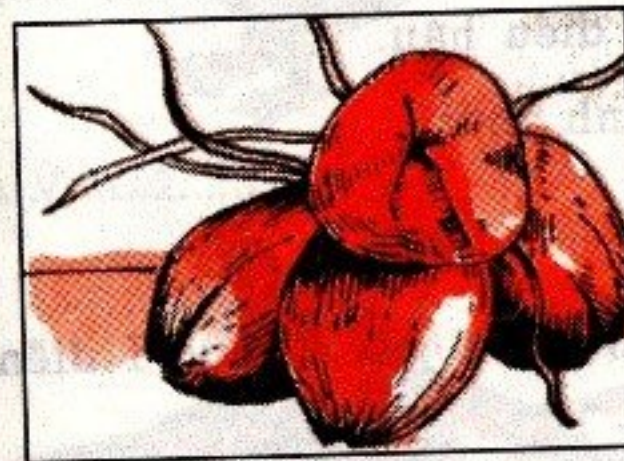
Đặt câu với mỗi từ láy tìm được.

2. Người Việt Nam ở miền Nam và ở miền Bắc thường dùng một số từ khác nhau về âm thanh nhưng cùng nghĩa để chỉ sự vật.

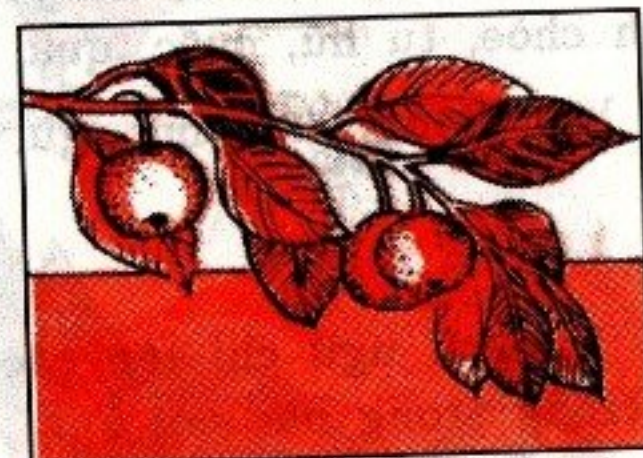
Em hãy điền từ cùng nghĩa thích hợp vào các chỗ trống để phân biệt từ dùng ở 2 miền :

Miền Bắc gọi là . . . dừa
Miền Bắc gọi là . . . sen
Miền Bắc gọi là . . . trứng vịt,
. . . trứng gà

Miền Nam gọi là . . . dừa
Miền Nam gọi là . . . sen
Miền Nam gọi là . . . vịt,
. . . gà



H.1 - Dừa



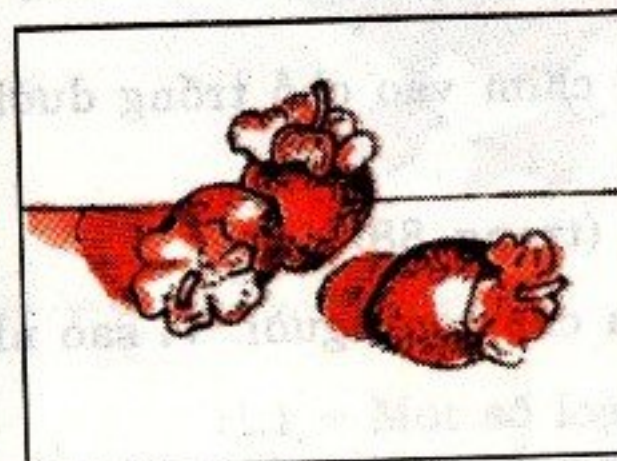
H.4 - Vú sữa



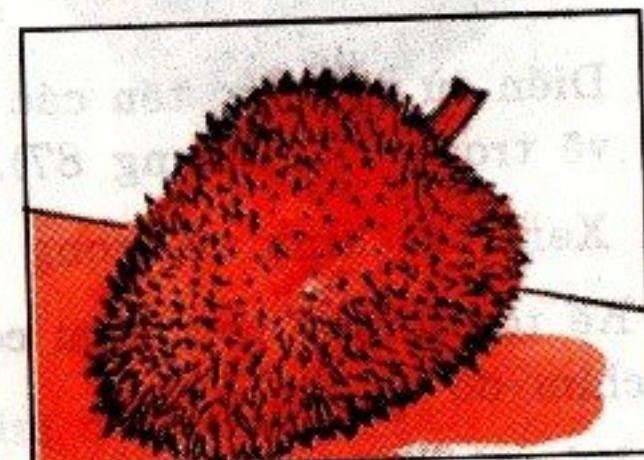
H.2 - Xoài



H.5 - Chôm chôm



H.3 - Măng cụt



H.6 - Sầu riêng

CHIM CHÓC

I - Từ ngữ

- gà sống (trống), gà mái, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu.
- (chim) sẻ, (chim) khuyên, (chim) sơn ca, (chim) én, sáo, chích chòe, tu hú, cuốc, quạ, cú, diều hâu.
- bay, liệng, đậu, hót, gù, thánh thót.

II - Luyện tập

1. Tìm từ ngữ chỉ tên các loài chim ghi ở mục I điền vào chỗ trống trong bài sau :

GIỚI THIỆU HỌ NHÀ CHIM

Chưa sáng đã la cả làng thức dậy là anh . . .
 Chưa đẻ đã khoe "cục ta cục tác" là chị . . .
 Lạch bà lạch bạch, chân thấp bơi giỏi là anh chàng . . .
 Cùng họ nhà vịt, mình to cổ dài, đích là bác . . .
 Cùng họ nhà ngỗng, đầu đeo mào đỏ, lại là bác . . .
 Làm tổ đầu nhà, suốt ngày riu rít là đàn . . .
 Luôn chân nhảy nhót, vạch lá tìm sâu là chú . . .
 Bất chước tiếng người, báo nhà "có khách" là anh chàng . . .

D.Q

2. Điền từ ngữ chỉ tên các loài chim vào chỗ trống dưới mỗi hình vẽ trong H.1 (trang 87).

3. Xem các hình vẽ trong H.2 (trang 88) :

- Kể tên những con chim có ích cho con người. Vì sao những con chim đó có ích ?

- Kể tên những con chim thường được người ta bắt đem về nuôi trong nhà. Những con chim đó được nuôi để làm gì ?



H.1 - Một số loài chim nuôi trong nhà



H.2 - Một số loài chim hoang dại

4. Em hãy dùng các động từ ghi ở mục I (dòng 3) ở trên điền vào đoạn văn sau :

Tôi đang mãi mê ngắm nhìn đàn chim én lượn, trong ánh nắng xuân thì một chú họa mi từ đâu bỗng vụt . . . qua trước mặt tôi và . . . lên một cành xoan rung rinh hoa tím bên đường. Chú vươn cao chiếc cổ bé nhỏ lên . . . liu lo một chập rồi lại . . . đi. Tiếng . . . ấy cứ . . . mãi bên tai tôi mặc dầu bóng chú họa mi xinh xinh đã biến mất.

D.Q

****5.** Điền từ thích hợp chỉ tên các loài chim vào chỗ trống những thành ngữ sau :

- Hốt như...
- Nhanh như...
- Bỏ ngõ như... lạc vào rừng.

Em hiểu ý nghĩa thành ngữ ở dòng thứ 2 như thế nào ?

TIẾT 17

GIA SÚC

I - Từ ngữ

- trâu, bò, bê, nghé, ngựa, lừa, dê, thỏ, lợn, mèo, chó ;
chuồng, cũi, tàu.
- rống, hí, sủa, gào ; lông, phi.

II - Luyện tập

A - Trả lời câu hỏi

1. Những con vật như thế nào thì gọi là gia súc ?
2. Những con vật nuôi trong nhà như gà, ngỗng, bồ câu... có thể gọi là gia súc không ? Nếu không gọi được là gia súc thì gọi là gì ?

3. Chuồng nuôi ngựa thường được gọi là gì ?
4. H.1 là hình vẽ một con... đang...
- H.2 là hình vẽ một con... đang...



H.1



H.2

5. Quan sát hình vẽ những con vật ở H.3 (trang 91) và điền từ thích hợp vào những câu sau :

- Con *lừa* có hình dáng ... hơn con *ngựa*.
- Con *bê* là con của... ; con *nghe* là con của...
- ..., ..., ..., ..., ..., ..., đều là những con vật ăn cỏ và đẻ con.

B - Điền từ

1. Chọn từ chỉ tên các con vật ở mục I điền vào chỗ trống :

MỘT SỐ CON VẬT NUÔI

- | | |
|-------------------|---------------|
| ... kéo cày (bừa) | ... kéo xe |
| ... vắt sữa | ... tải đồ |
| ... ăn thịt | ... giữ nhà |
| | ... bắt chuột |

2. Ghép các động từ ở mục I vào sau các danh từ dưới đây sao cho thích hợp :

- bò ...



Bê

Nghe

Ngựa

Dê

Thỏ

Lừa

H.3

- ngựa ...
- chó ...
- mèo ...
- trâu ...

3. Ghép các từ *củi, chuồng, tàu* vào trước các từ sau :

- ... ngựa
- ... lợn
- ... chó

**4. Điền từ thích hợp ở mục I vào các thành ngữ, tục ngữ sau :

- ... treo ... đây.
- ... nhỏ bắt chuột con.
- Một con ... đau, cả ... không ăn cỏ.
- Con ... có béo cổ lòng mới ngon.

NGỮ PHÁP

Chương I

TIẾNG VIỆT - CHỮ VIỆT

TIẾT 1

TIẾNG VIỆT - CHỮ VIỆT

I - Bài học

Hàng ngày, em và những người xung quanh có những điều cần "nói" ra hay "viết" ra để trò chuyện hoặc trao đổi tình cảm và công việc. Em và những người quanh em "nói" và "viết" bằng *tiếng* gì ? Vì sao người nói và người nghe phải dùng cùng một tiếng nói ?

1. Tiếng Việt

- Những người cùng một dân tộc thì có chung một *tiếng nói*.
- Nước Việt Nam ta có nhiều dân tộc. Mỗi dân tộc có tiếng nói riêng của dân tộc mình, như dân tộc Tày nói *tiếng Tày*, dân tộc Chăm nói *tiếng Chăm* v.v... Tiếng nói của dân tộc Kinh (Việt) là *tiếng Việt*.
- Các dân tộc anh em trên đất nước ta, gọi chung là người Việt Nam, ngoài tiếng nói riêng của dân tộc mình, còn dùng *tiếng Việt* làm tiếng nói chung, thường gọi là *tiếng phổ thông*.
- Vì vậy, ta có thể nói : người Việt Nam nói *tiếng Việt*.

2. Chữ Việt

- Tiếng nói thì nói ra và *ghi âm* lại được.
- Chữ viết dùng để ghi lại tiếng Việt là *chữ Việt*.
- Chữ Việt cũng là *chữ viết phổ thông* của người Việt Nam. Chữ Việt còn được gọi là *chữ quốc ngữ*.



GHI NHỚ

Tiếng Việt là tiếng nói của người Việt.

Tiếng Việt cũng là **tiếng phổ thông** của các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam.

Chữ viết dùng để ghi tiếng Việt gọi là **chữ Việt** (cũng gọi là chữ quốc ngữ).

II - Luyện tập

A - Ở lớp

Quan sát hình vẽ, chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống trong các câu sau :

1. Người Việt Nam nói tiếng . . .
2. Tiếng phổ thông trong cộng đồng các dân tộc của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là *tiếng* . . .
3. Tiếng nói của dân tộc Mường là *tiếng* . . .
Tiếng nói của dân tộc Tày là *tiếng* . . .
Tiếng nói của dân tộc Chăm là *tiếng* . . .

4. Tiếng nói phổ thông chung cho người Mường, người Tày, người Chăm, người Kinh (Việt) v.v... là *tiếng*...

Chữ viết dùng để ghi tiếng Việt là *chữ*...

B - Ở nhà

1. Người Việt Nam ở Hà Nội nói tiếng Việt theo giọng ở đâu ?

- Người Việt Nam ở thành phố Hồ Chí Minh nói tiếng Việt theo giọng ở đâu ?

- Người Việt Nam ở Huế nói tiếng Việt theo giọng ở đâu ?

2. Dựa vào hình vẽ (trang 94), em hãy kể tên các dân tộc và tiếng nói của mỗi dân tộc đó. (Mẫu : dân tộc *Kinh (Việt)* - tiếng Việt)

B - Ở nhà

1. Làm theo yêu cầu bài tập 1 (ở lớp) :

"Những ngày nghỉ học, chúng tôi thường rủ nhau ra cánh đồng tìm bắt dế chọi trong túi đứa nào cũng có sẵn bốn năm chiếc vỏ bao diêm. Toàn có đôi tai thính như tai mèo và bước chân êm, nhẹ như thỏ nhảy, cậu ta nổi tiếng là tay bắt dế chọi lành nghề".

(Bạn Toàn của tôi)

*2. Viết một đoạn văn khoảng 4, 5 dòng để giới thiệu một đồ dùng học tập của em (chú ý ngắt câu, dùng dấu chấm (.) và viết hoa cho đúng).

Chiếc hộp bút của em hình chữ nhật. Nó được làm bằng nhựa. Màu nền chủ yếu ở trên, ở dưới là màu trắng, nổi bật ở trên có hình nàng Bạch Tuyết.

TỪ, TIẾNG VÀ CHỮ

I - Bài học

Câu sau đây được chia thành 7 từ :

| Đêm | nay | anh | đứng | gác | ở | trại |

Em hãy đọc lên từng từ và viết các từ đó ra, so sánh với các từ trong câu :

| Buổi sáng | sương muối | phủ | trắng | cành | cây | bãi | cỏ |

1. Từ và tiếng

a) Từ có thể do một tiếng, hai tiếng, ba tiếng, v.v... tạo thành.

Ví dụ :

- Từ "phủ" do một tiếng tạo thành.

- Từ "sương muối" do hai tiếng tạo thành.

- Từ "hợp tác xã" do ba tiếng tạo thành, v.v...

b) Tiếng tạo thành từ có thể có nghĩa rõ ràng hoặc có nghĩa không rõ ràng.

Từ thì phải có nghĩa.

Ví dụ :

- Từ *lạnh lẽo* (có nghĩa) : tiếng *lạnh* (có nghĩa), tiếng *lẽo* (nghĩa không rõ).

- Từ *bồ kết* (có nghĩa) : tiếng *bồ* và tiếng *kết* (đều có nghĩa không rõ).

2. Tiếng và chữ

Mỗi tiếng trong từ được viết thành một chữ. Ngược lại, mỗi chữ đọc thành một tiếng.

Ví dụ :

- Từ "phủ" chỉ có một tiếng, viết ra thành một chữ "phủ".

- Từ "sương muối" có hai tiếng, viết thành hai chữ "sương" và "muối".

GHI NHỚ

Từ có thể phân ra thành tiếng. Tiếng có thể có nghĩa rõ ràng hoặc có nghĩa không rõ ràng.

Có từ 2 tiếng, có từ 3 tiếng, v.v... Cũng có từ chỉ do 1 tiếng có nghĩa tạo thành.

Mỗi tiếng được viết thành một chữ.

II - Luyện tập

A - Ở lớp

1. Gạch một gạch dưới những từ một tiếng, gạch hai gạch dưới những từ hai tiếng trong đoạn văn sau :

"Trên quảng trường Ba Đình lịch sử, lăng Bác uy nghi và gần gũi. Cây và hoa khắp miền đất nước về đây tụ hội, đâm chồi, phô sắc và tỏa ngát hương thơm".

(Tập đọc lớp 4-1977)

2. Đặt một câu ngắn và ghi lại. Từ nào là từ một tiếng, từ hai tiếng trong câu em vừa đặt ?

B - Ở nhà

Tìm 5 từ một tiếng, 5 từ hai tiếng trong đoạn văn sau đây và chép lại thành một bảng (theo mẫu) :

a. Đoạn văn trích :

"Trăng cuối tháng vàng và nhọn như một chiếc ngà non đã lớn ra khỏi đỉnh núi. Trời đầy sao. Gió động trên những ngọn cây cao nhưng trong rừng thì hoàn toàn yên tĩnh. Hoa lá, quả chín, những vật nằm ẩm ướt và con suối chảy thấm dưới chân đưa nhau tỏa mùi thơm. Những đốm sáng lân tinh trên gỗ và trên lá mục lấp lánh."

(Vũ Hùng)

b. Mẫu :

Từ một tiếng	Từ hai tiếng

TIẾT 4

CÁC BỘ PHẬN CỦA TIẾNG

I - Bài học

Trong câu "Đà Lạt là một thành phố đẹp ở nước ta", "Đà Lạt" là một từ 2 tiếng. Khi học viết tiếng "Đà", các em thường đánh vần và ghép thành tiếng như thế nào ? Tiếng "Đà" do mấy bộ phận ghép lại ? Các tiếng trong tiếng Việt nói chung có thể chia làm mấy bộ phận ?

I. Tiếng gồm có ba bộ phận kết hợp lại : âm đầu, vần và thanh.

Ví dụ :

Tiếng "Đà" có âm đầu "đ", vần "a" và thanh "huyền".

Hai bộ phận vần và thanh, tiếng nào cũng phải có. Âm đầu thì có tiếng có, có tiếng không.

Ví dụ :

Tiếng "ở" chỉ có vần "ơ" và thanh "hỏi", không có âm đầu.

2. Mỗi bộ phận của tiếng có thể do :

- Một thanh tạo thành (bộ phận thanh).

Ví dụ :

đà (bộ phận thanh do thanh huyền tạo thành)

đá (bộ phận thanh do thanh sắc tạo thành)

- Một âm tạo thành (bộ phận âm đầu).

Ví dụ :

đà (bộ phận âm đầu là âm đ)

bà (bộ phận âm đầu là âm b)

- Một vần tạo thành (vần có thể là một âm, hai âm hoặc ba âm).

Ví dụ :

hà (bộ phận vần chỉ có 1 âm a)

hoa (bộ phận vần là kết hợp 2 âm o + a → oa)

hán (bộ phận vần là kết hợp 2 âm a + n → an)

hoán (bộ phận vần là kết hợp 3 âm o + a + n → oan)

GHI NHỚ

Tiếng thường gồm có ba bộ phận : âm đầu, vần và thanh. Tiếng nào cũng phải có vần và có thanh.

Có tiếng không có âm đầu.

II - Luyện tập

A - Ở lớp

1. Em hãy chỉ ra các bộ phận của các tiếng trong câu sau :

Đà Lạt là một trong những nơi nghỉ mát nổi tiếng vào bậc nhất ở nước ta.

2. Ghép các bộ phận tách rời sau đây thành tiếng :

- Bộ phận âm đầu	gi	b	ph	c	d	ng
- Bộ phận vần	ao	ai	ap	ô	ay	ư
- Bộ phận thanh	sắc	huyền	sắc	ngang	nặng	ngã

3. Sắp xếp các tiếng ghép được trên đây (bài tập 2) thành câu có nghĩa.

B - Ở nhà

1. Đặt một câu gồm những từ mà tất cả các tiếng đều có âm đầu.

2. Đọc hai dòng thơ sau đây rồi nhận xét, so sánh các tiếng in nghiêng :

Long lanh đáy nước in trời,
Thành xây khói biếc, non *phơi* bóng vàng.

(Nguyễn Du)

TIẾT 5

TIẾNG VÀ ÂM - NGUYÊN ÂM VÀ PHỤ ÂM

I - Bài học

Tiếng gồm 3 bộ phận ghép lại theo sơ đồ sau đây :



So sánh âm đầu trong các tiếng : toàn, đoàn, hoàn... với âm cuối (ở bộ phận vần) trong các tiếng : toàn, toát, tam... Hãy phát âm các âm đầu (hay âm cuối).

So sánh âm đầu và âm cuối trong các tiếng : tan, tân, tiên... với âm chính (ở bộ phận vần) của các tiếng đó. Hãy phát âm các âm đầu (hay âm cuối) và các âm chính.

1. Bộ phận của tiếng

Mỗi bộ phận của tiếng do một âm hay kết hợp một số âm tạo thành.

Bộ phận âm đầu do một âm tạo thành. Âm đầu là *phụ âm*.

Bộ phận vần có thể do một âm hoặc kết hợp hai âm, ba âm tạo thành, nhưng bao giờ cũng phải có một âm chính. Âm chính là *nguyên âm*. Âm cuối của vần cũng có thể là *phụ âm*.

Ví dụ :

Trong tiếng *nam*, *phụ âm* làm âm đầu là *n*, *phụ âm* làm âm cuối là *m*, *nguyên âm* làm âm chính là *a*.

2. Nguyên âm - Phụ âm

a) *Nguyên âm* được phát âm bằng luồng hơi từ phổi thoát ra tự do, không gặp một cản trở nào trong miệng.

Ví dụ

i, ê, e, iê (ia)...

b) *Phụ âm* được phát âm bằng luồng hơi từ phổi thoát ra, không tự do, khi đi qua miệng thường bị chặn lại ở một điểm nào đó trong miệng.

Ví dụ :

b, m (luồng hơi bị chặn lại ở môi trước khi thoát ra).

g, k (luồng hơi bị chặn lại ở cuối lưỡi - vòm miệng trước khi thoát ra).

GHI NHỚ

Bộ phận của tiếng do các âm, thanh tạo thành.

Bộ phận âm đầu của tiếng bao giờ cũng là *phụ âm*.

Âm chính trong bộ phận vần của tiếng bao giờ cũng là *nguyên âm*.

II - Luyện tập

A - Ở lớp

1. Kể các *phụ âm* trong tiếng Việt. Đọc đúng các *phụ âm* đó.

2. Kể các nguyên âm trong tiếng Việt. Đọc đúng các nguyên âm đó.

3. Chỉ ra và đọc đúng nguyên âm ở bộ phận vần của các tiếng trong câu thơ :

Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn ?

(Nguyễn Đình Thi)

B - Ở nhà

1. Thêm các phụ âm thích hợp vào các tiếng in nghiêng để hiểu đúng nghĩa hai câu thơ cổ :

Một đàn *thằng* ngóng đứng xem chuông
Chúng bảo nhau rằng : *ấy ái uông*.

**2. Có tiếng nào không có nguyên âm trong bộ phận vần không ? Có tiếng nào chỉ có phụ âm mà không có nguyên âm không ?

TIẾT 6

ÂM VÀ CHỮ CÁI - BẢNG CHỮ CÁI

I - Bài học

- Hãy đánh vần và đồng thời viết ra tiếng "bà" :

+ Đánh vần : "bờ" - "a" - "huyền" → bà

+ Viết :

b	a
---	---

bà

- Tiếng "bà" gồm có 2 âm : phụ âm b, nguyên âm a và thanh huyền (̣).

- Chữ "bà" gồm có 2 chữ cái : chữ cái b, chữ cái a và dấu ghi thanh (̣).

1. Âm và chữ cái

a) Phân biệt âm và chữ cái :

+ Âm thì nói - nghe được.

Ví dụ :

Phát âm "b", "a" trong tiếng "bà".

+ Chữ cái thì viết - đọc được.

Ví dụ :

Viết "b", "a" trong chữ "bà".

b) Tiếng Việt dùng chữ cái để ghi âm

+ Dùng một chữ cái để ghi một âm.

Ví dụ :

Ghi phụ âm : b, t, m, k...

Ghi nguyên âm : a, ô, ư...

+ Ghép nhiều chữ cái để ghi một âm.

Ví dụ :

Ghi phụ âm : th, kh, tr, ngh...

Ghi nguyên âm : iê, yê, ia, ya ; ươ, ưa ; uô, ua.

+ Dùng dấu thanh để ghi thanh.

Ví dụ :

kì, kí, kị, ki, kị.

Ghi thanh huyền (̣), sắc (̉), ngã (̃), hỏi (̉), nặng (̣).

Riêng thanh ngang, không ghi bằng dấu thanh.

2. Bảng chữ cái

a) Trật tự bảng chữ cái : a, ă, â, b, c, d, đ, e, ê, g, h, i, k, l, m, n, o, ô, ơ, p, q, r, s, t, u, ư, v, x, y.

b) Cách viết chữ cái :

+ Kiểu chữ cái in máy (gọi tắt là chữ in)

- Chữ thường : a, b, c ...

- Chữ hoa : A, B, C...

+ Kiểu chữ viết tay (gọi tắt là *chữ viết*)

- Chữ thường : a, b, c...

- Chữ hoa : A, B, C...

GHI NHỚ

Mỗi âm được ghi bằng một chữ cái hoặc bằng nhiều chữ cái ghép lại. Các chữ cái được sắp xếp thành bảng chữ cái.

II - Luyện tập

A - Ở lớp

1. Câu : "Chim gáy nhặt thóc rụng" có mấy tiếng ? Phân biệt âm và chữ cái ở mỗi tiếng. Hãy đọc các âm.

2. Tìm các phụ âm ghi bằng hai chữ cái trong tiếng Việt.

B - Ở nhà

Xếp theo thứ tự bảng chữ cái tên của các bạn trong tổ em.

TIẾT 7

TỪ ĐƠN VÀ TỪ GHÉP

I - Bài học

Ở phân môn Từ ngữ, em đã học về từ đơn và từ ghép.

Ví dụ :

- mẹ, ấm, ru, quạt, v.v... (từ đơn)

- xanh tươi, mát rượi, cổ kính, v.v... (từ ghép)

Từ đơn và từ ghép khác nhau ở những điểm nào ? (So sánh các từ trong hai ví dụ trên về số lượng tiếng trong từ và về nghĩa của tiếng trong từ).

1. Từ do một tiếng có nghĩa tạo thành được gọi là từ đơn.

Ví dụ :

Đứng / trên / bờ / ao.

Tre / nghiêng / soi / bóng.

2. Từ ghép do hai, ba hoặc bốn tiếng ghép lại mà tạo thành nghĩa (mỗi tiếng có thể có nghĩa rõ ràng hay có nghĩa không rõ ràng).

Ví dụ :

nhọn hoắt, cao vút...

nhà bếp, xe đạp...

chú ý, chuẩn bị, chu đáo...

vô tuyến điện, hợp tác xã, vô tuyến truyền hình...

GHI NHỚ

- Từ đơn là từ do một tiếng có nghĩa tạo thành.

- Từ ghép là từ do hai, ba hoặc bốn tiếng ghép lại mà có nghĩa.

II - Luyện tập

A - Ở lớp

1. Chép lại đoạn thơ sau đây rồi gạch một gạch dưới các từ đơn, gạch hai gạch dưới các từ ghép :

Em mơ làm mây trắng

Bay khắp nẻo trời cao,

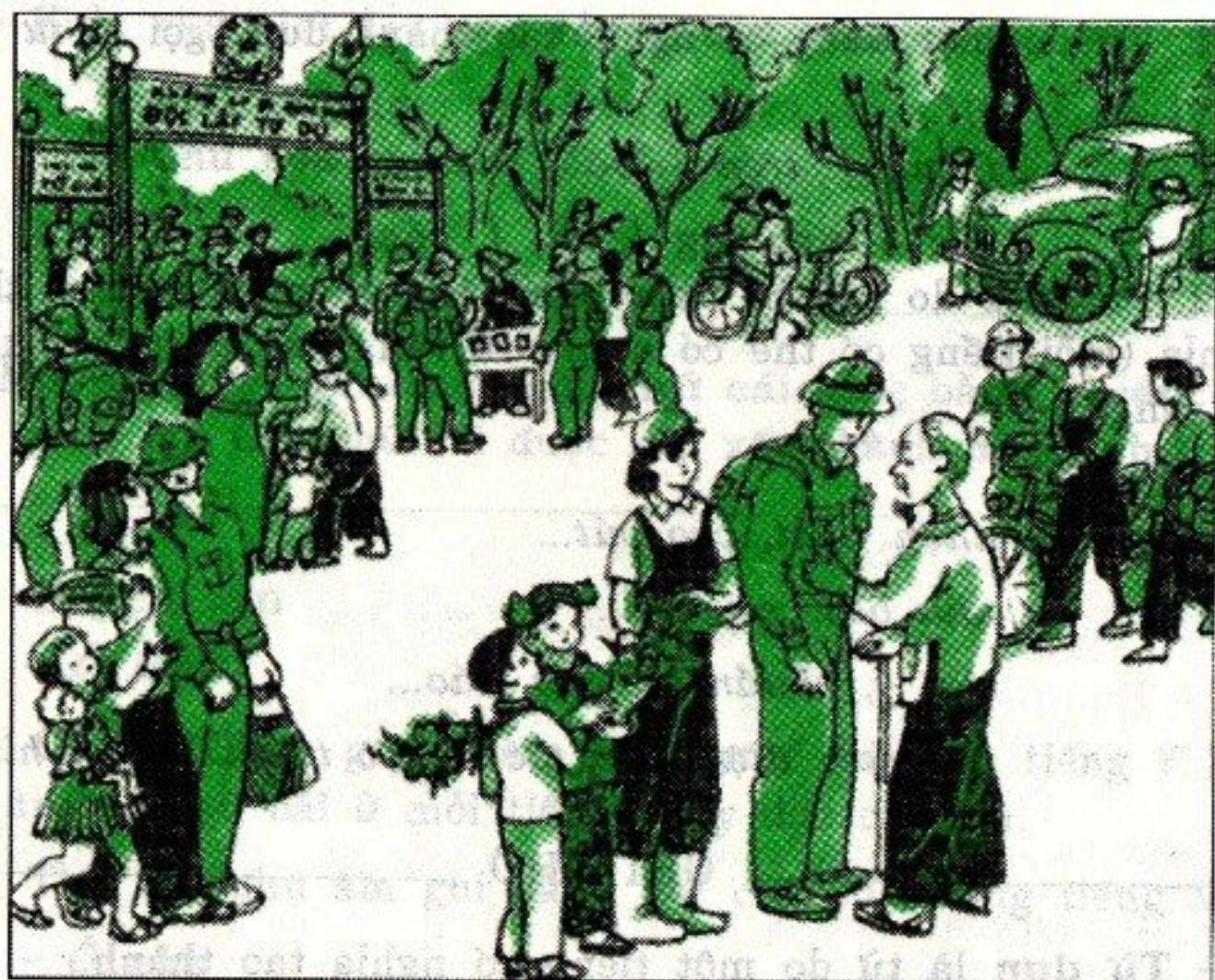
Nhìn non sông gấm vóc

Quê mình đẹp biết bao.

(Mai Thị Bích Ngọc)

2. Ghép các tiếng sau đây thành từ ghép hai tiếng hoặc từ ghép ba tiếng (một tiếng có thể dùng nhiều lần) :

hợp, quốc, gia, liên, đình, xe, nổ, máy, điện, dệt, lửa.



TIẾT 8

TỪ LÁY

I - Bài học

- Từ láy em đã được học ở phân môn Từ ngữ.

Ví dụ : lon ton, chập chững, nhí nha nhí nhảnh, v.v...

- So sánh với từ ghép, từ láy có điểm gì giống và có điểm gì khác (về số lượng tiếng tạo thành từ, về nghĩa của các tiếng trong từ, và về âm thanh của các tiếng) ?

1. Từ láy thường gồm hai, ba hoặc bốn tiếng láy tạo thành.

Các tiếng láy phối hợp hài hòa về âm thanh để gợi hình ảnh, cảm xúc và tạo thành ý nghĩa của từ láy.

Ví dụ : tha thẩn, loang loáng, lơ lơ, quẩn quýt, sạch sành sành.

2. Các tiếng láy trong từ láy thường có bộ phận lặp lại về âm thanh.

Ví dụ :

Từ láy	Bộ phận của các tiếng láy lặp lại về âm thanh		
	Âm đầu	Vần	Thanh
tha thẩn	th... th...		
loang loáng	l... l...	...oang ...oang	
lơ lơ		...ơ ...ơ	(huyền) (huyền)
xinh xinh	x... x...	...inh ...inh	(ngang) (ngang)

GHI NHỚ

Từ láy là từ do hai tiếng hay nhiều tiếng láy tạo thành. Các tiếng trong từ láy có thể có một phần hay toàn bộ âm thanh được lặp lại.

3. Dựa vào bức tranh, em hãy tìm một số từ đơn và từ ghép thích hợp (ví dụ : cờ, bộ đội...).

B - Ở nhà

1. Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4, 5 dòng) tả một cây hoa mà em thích. Trong đoạn văn vừa viết, những từ nào là từ đơn, những từ nào là từ ghép ?

2. Tìm 3 từ đơn và 3 từ ghép 2 tiếng. Đặt câu với mỗi từ tìm được.

II - Luyện tập

A - Ở lớp

1. Tìm các từ láy trong đoạn văn sau và ghi các từ láy đó vào vở bài tập :

"Tôi đi giữa bãi dâu và có cảm giác như đang lội dưới lòng sông cạn. Cát ở rãnh luống mềm lún. Những cành dâu lá xôn xao đón lấy ánh nắng chói chang, làm cho lớp cát dưới chân tôi mát rượi. Những cành dâu lờ xờ theo gió như trăm nghìn cánh tay xò ra, hứng lấy ánh nắng vàng rực rỡ đã che mát cho khoai lang. Những dây khoai lang mập mập kia, lại có sức đâm chồi lên mơn mớn, quấn quýt bên gốc dâu, giữ ấm cho dâu..."

(Dương Thị Xuân Quý)

2. Mỗi từ láy được dùng trong đoạn văn trên đã gợi lên được hình ảnh gì cụ thể về âm thanh, về ánh sáng hoặc hình thể, v.v... ?

B - Ở nhà

1. Tìm các từ láy có âm đầu của tiếng được lặp lại trong bài "Trên hồ Ba Bể".

2. Tìm các từ láy có vần của tiếng được lặp lại trong bài "Những cánh bướm bên bờ sông".

TIẾT 9

ÔN TẬP CHƯƠNG I

I - Nội dung cần ghi nhớ

Thứ tự	Khái niệm	Nội dung
(1)	(2)	(3)
1	Tiếng Việt	- Tiếng nói của dân tộc Kinh (Việt). - Tiếng phổ thông của các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

(1)	(2)	(3)
2	Chữ Việt	- Chữ viết ghi âm tiếng Việt.
3	Câu	- Do từ hoặc từ ngữ tạo thành để biểu thị một ý trọn vẹn.
4	Từ	- Từ bao giờ cũng có nghĩa và dùng để đặt câu. Từ do tiếng tạo thành. Tiếng có thể có nghĩa rõ ràng hoặc không có nghĩa rõ ràng. - Từ do một tiếng có nghĩa tạo thành gọi là từ đơn. - Từ gồm hai hay nhiều tiếng ghép lại gọi là từ ghép. - Từ gồm hai hay nhiều tiếng lấy về âm thanh gọi là từ láy.
5	Tiếng - Chữ	- Mỗi tiếng viết ra thành một chữ. - Tiếng gồm có ba bộ phận : + Âm đầu + Vần + Thanh.
6	Âm - Chữ cái	- Âm dùng để tạo thành các bộ phận của tiếng. - Âm đầu của tiếng do phụ âm tạo thành. - Âm chính (trong vần) của tiếng do nguyên âm tạo thành. - Chữ cái dùng để ghi âm và ghép thành chữ để ghi tiếng.

II - Luyện tập

A - Ở lớp

Tìm ví dụ để dẫn chứng cho từng nội dung ôn tập (bài tập này học sinh vừa làm ở lớp, vừa có thể làm ở nhà).

B - Ở nhà

1. Đọc kĩ đoạn văn sau đây : gạch 1 gạch dưới các từ ghép, 2 gạch dưới các từ láy

"Thị trấn Cát Bà xinh xắn có những dãy phố hẹp, những mái ngói cao thấp chen nhau nép dài dưới chân núi đá. Một con đường uốn cong lượn khúc ngăn cách phố và biển. Bên trong là vách núi dựng đứng cao sừng sững. Bên ngoài là biển rộng mênh mông tạo thành một góc vuông vức. Người ở xa mới đến trông cảnh tượng này có cảm giác rờn rợn, e rằng một cơn sóng dữ đập vào vách đá sẽ cuốn băng cả dãy nhà nhỏ bé kia xuống đáy biển khơi."

(Cát Bà - hòn đảo ngọc)

2. Tìm 3 từ ghép trong đó có tiếng "cảnh" (ví dụ : cảnh tượng) và 3 từ láy trong đó có tiếng "xinh" (ví dụ : xinh xắn).

3. Đặt 1 câu với một từ ghép và 1 câu với một từ láy tìm được ở bài tập 1.

Chương II

CÂU CHIA THEO MỤC ĐÍCH NÓI

TIẾT 10

CÂU KỂ - DẤU CHẤM

I - Bài học

Đọc đoạn văn sau :

"Bấy giờ là đầu mùa đông. Ngoài ruộng, lúa chín vàng hây. Những bông thóc nếp mấp và tươi ong óng, trĩu gù lưng xuống".

Mỗi câu trong đoạn văn trên nêu sự việc gì và được dùng nhằm mục đích gì ?

1. Câu nhằm nêu một nhận xét, kể một sự việc hoặc tả một cảnh vật cho người khác biết gọi là câu kể.

Ví dụ :

a) Nhận xét về thời gian : Bấy giờ là đầu mùa đông.

b) Tả cảnh vật : Ngoài ruộng, lúa chín vàng hây.

2. Câu kể được nói với giọng bình thường. Khi viết, cuối mỗi câu kể, phải ghi một dấu chấm (.). Chữ cái đầu câu phải viết hoa.

Ví dụ :

Bấy giờ là đầu mùa đông (.) Ngoài ruộng, lúa chín vàng hây (.)

GHI NHỚ

Câu kể nhằm kể một sự việc hay tả một cảnh vật cho người khác biết. Khi nói, câu kể được thể hiện với giọng bình thường. Khi viết, chữ cái đầu câu kể phải viết hoa. Cuối câu kể phải ghi một dấu chấm (.).

II - Luyện tập

A - Ở lớp

1. Tìm trong bài "Rừng cọ quê tôi" những câu kể (tả cảnh vật hoặc kể sự việc).

Ví dụ :

Mùa xuân, chim chóc kéo về từng đàn.

2. Đặt câu kể :

- Nhằm tả một cảnh (hoặc một vật).

- Nhằm kể một sự việc về người.

B - Ở nhà

1. Đọc đoạn văn sau đây và tìm hiểu xem cả đoạn có mấy câu kể, mỗi câu kể sự việc gì ?

"Hàng trăm mẫu ngô xanh rờn như những dải lụa màu lá mạ. Trên sườn đồi, những nương sắn, nương bông nằm thoải

b) ... trang hoàng long lẫy

c) Các cụ bô lão...

d) ... đã về đông đủ

e) Quân Nguyên...

g) Thượng hoàng Thánh Tông...

h) ... nên hòa hay nên đánh

B - Ở nhà

Đặt thành câu hỏi theo mẫu bài tập 2 (ở lớp) cho những câu kể trong đoạn văn sau :

"Con Nâu đứng lại. Cả đàn đứng theo. Tiếng gặm cỏ bắt đầu trào lên... Mẹ con chị Vàng ăn riêng một chỗ. Cu Tũn dờ hơi chốc chốc lại chạy tới ăn tranh mẩu cỏ của mẹ. Chị Vàng lại dịu dàng nhường cho nó... Đàn bò tràn lên phủ vàng rực cả sườn đồi."

(Hồ Phương)

Ví dụ : - Con Nâu làm gì ?

- Cái gì bắt đầu trào lên ?

TIẾT 12

CÂU CẦU KHIẾN - DẤU CHẤM CẢM

I - Bài học

Trong bài "Vẽ thăm bà" có những câu sau đây :

- Đi vào trong nhà kéo nạng, cháu !

- Cháu rửa mặt đi, rồi nghỉ kéo mệt !

+ Những câu trên dùng để làm gì ?

+ Những câu trên có gì khác với câu kể và câu hỏi ?

1. Câu nêu sự việc mong muốn hoặc đòi hỏi người khác phải làm là *câu cầu khiến*.

Ví dụ :

Đi vào trong nhà kéo nạng, cháu !

Đốt lửa lên !

2. Câu cầu khiến có các từ ngữ dùng để chỉ ý khuyên bảo, đòi hỏi hoặc bắt buộc (*hãy, đừng, nên, phải, lên, đi, v.v...*). Khi nói thường dùng giọng điệu thích hợp với ý cầu khiến. Cuối câu cầu khiến, có thể đặt một dấu chấm cảm (!)

Ví dụ :

a) Khuyên bảo : Em hãy giữ sách vở, quần áo cho sạch sẽ !

b) Ngăn cấm : Các em đừng làm ồn trong lớp !

c) Bắt buộc : Đốt lửa lên !



- Đốt lửa lên !

GHI NHỚ

Câu cầu khiến nêu sự việc mong muốn hoặc đòi hỏi người khác phải làm.

Câu cầu khiến khi nói cần nhấn giọng ở những chỗ nhằm biểu thị các mức độ đòi hỏi khác nhau.

Khi viết câu cầu khiến, cuối câu có thể ghi dấu chấm cảm (!).

II - Luyện tập

A - Ở lớp

1. Đặt câu cảm theo mẫu :

Ôi + câu kể !

(Dùng các từ khác nhau như : *ôi, ái, ồ, v.v...* đặt trước một câu kể để biểu lộ các cảm xúc khác nhau)

2. Đặt câu cảm theo mẫu :

Câu kể + quá !

(Dùng các từ như : *quá, lắm, v.v...* đặt cuối một câu kể để biểu lộ cảm xúc).

****3.** Những câu hỏi và câu kể sau đây có biểu lộ cảm xúc được không ? Muốn dùng các câu đó để biểu lộ cảm xúc khác nhau thì làm thế nào ?

- Trời rét.
- Bài học hôm nay khó.
- Ai đấy ?
- Bút của em để ở đâu rồi ?

B - Ở nhà

1. Đặt câu cảm theo mẫu các bài tập 1 và 2 ở lớp (mỗi mẫu 2 câu).

****2.** Những câu kể sau đây có thể đổi thành câu cảm bằng cách đặt thêm từ *quá* hoặc *lắm* vào cuối câu được không ?

Câu nào đổi được thì chép lại thành câu cảm :

"Trời mùa thu trong xanh. Gió mát thổi nhẹ. Những cánh đồng lúa đã chín vàng. Từng đàn chim ngói sà xuống đậu trên bờ ruộng. Mấy em học sinh nhỏ tung tăng cắp sách đến trường".

TIẾT 14

CÂU HỘI THOẠI - DẤU GẠCH NGANG DẤU NGOẶC KÉP

I - Bài học

Trong bài "Cậu học sinh giỏi nhất lớp", có những câu sau :

- *Cháu tên là gì ?*
- *Thưa thầy, con là Lu-i Pa-xơ ạ !*
- *Đã muốn đi học chưa hay còn thích chơi ?*
- *Thưa thầy, con thích đi học ạ !*
- *Thế thì được !*

+ Mỗi câu trên đây là câu do ai trực tiếp nói ra ?

+ Khi viết những câu do nhân vật trực tiếp nói ra, làm thế nào để phân biệt được với những câu không do nhân vật trực tiếp nói ra ?

1. Trong một bài văn, một đoạn văn, có thể dùng câu hội thoại là những câu nói của người hoặc của vật (được nhân hóa) đang được nói đến. Câu của người hoặc của vật do người viết kể lại là câu hội thoại gián tiếp. Câu do nhân vật tự nói ra là câu hội thoại trực tiếp.

Ví dụ :

(Bà) - *Cháu đã ăn cơm chưa ?*

(Thanh) - *Dạ chưa. Cháu ở tàu về đây ngay. Nhưng cháu không thấy đói.*

(Bà) - *Cháu rửa mặt đi, rồi nghỉ kéo mệt !*

2. Có hai cách viết để phân biệt câu hội thoại trực tiếp với các câu khác trong một đoạn văn, bài văn :

a) Đặt trước mỗi câu hội thoại trực tiếp hoặc nhiều câu hội thoại liên nhau một dấu gạch ngang (-) đầu dòng. Cuối mỗi câu hội thoại hay cuối nhiều câu hội thoại liên nhau đó bắt buộc phải xuống dòng.



- Đố chậm như sên !...
- Anh đừng giễu tôi ...

Ví dụ :

Một con thỏ... mĩa mai rùa :

- Đố chậm như sên ! Mà mà cũng đòi tập chạy à ?

b) Đặt cả câu hội thoại hoặc nhiều câu hội thoại liên nhau vào trong *dấu ngoặc kép* ("..."). Câu hội thoại ghi theo cách này không bắt buộc phải viết xuống dòng.

Ví dụ :

Đắc-uyên bình thân đáp : "Bác học không có nghĩa là ngừng học".

- *Chú ý* : Nếu trước câu hội thoại là một câu giới thiệu người hay vật nói, thì cuối câu đó (trước câu hội thoại) phải dùng *dấu hai chấm* (:)

GHÌ NHỚ

Câu hội thoại là câu nói trực tiếp hay gián tiếp của người hoặc của vật (được nhân hóa) đang được nói đến trong một đoạn văn.

Câu hội thoại trực tiếp được ghi sau một **dấu gạch ngang** (-) ở đầu dòng, hoặc trong **dấu ngoặc kép** ("...").

II - Luyện tập

A - Ở lớp

1. Đọc diễn cảm bài văn có xen câu hội thoại : "Về thăm bà".
2. Chia thành câu đoạn văn sau đây, câu nào là câu hội thoại trực tiếp thì dùng *dấu gạch ngang* hoặc *dấu ngoặc kép* để ghi cho đúng :

"Tôi chậm chạp hơn Toàn, Toàn thường nhắc tôi cậu phải tập chạy tập nhảy đi chứ rồi Toàn khuyến khích và ép tôi chạy quanh sân vận động thị xã."

(Vũ Tú Nam)

B - Ở nhà

1. Câu hội thoại có thể là câu kể, câu hỏi, câu cầu khiến hoặc câu cảm không ?

****2.** Câu hội thoại khác với câu kể, câu hỏi, câu cầu khiến và câu cảm như thế nào ?

3. Chia thành câu và ghi *dấu gạch ngang* hoặc *dấu ngoặc kép* để phân biệt những câu hội thoại trực tiếp trong đoạn văn :

"Từ nãy mai quán bố bây giờ tôi mới để ý. mẹ ngồi yên nhìn bố mắt mẹ ươn ướt, khi thấy tôi nhìn mẹ mới nói, các con để cho bố nghĩ một tí chứ !"

(Xuân Sách)

ÔN TẬP CHƯƠNG II

I - Nội dung cần ghi nhớ

Thứ tự	Khái niệm	Nội dung
1	Câu kể	- Kể lại sự việc hay tả cảnh vật. - Cuối câu có dấu chấm (.).
2	Câu hỏi	- Nêu sự việc cần thiết để người nghe trả lời. - Khi nói, có thể hơi cất cao giọng ở cuối câu hoặc nhấn mạnh ở ý cần được trả lời. Khi viết, cuối câu cần ghi dấu chấm hỏi (?).
3	Câu cầu khiến	- Nêu việc mong muốn hoặc đòi hỏi người nghe thực hiện. - Khi nói, cần có giọng điệu thích hợp để cầu khiến. Khi viết, có thể ghi dấu chấm cảm (!) ở cuối câu.
4	Câu cảm	- Biểu lộ cảm xúc của người nói. - Khi nói, cần có giọng điệu riêng hợp với cảm xúc. Khi viết, cuối câu cần ghi dấu chấm cảm (!).
5	Câu hội thoại	- Câu hội thoại là câu nói trực tiếp hay gián tiếp của người hoặc của vật (được nhân hóa) đang được nói đến trong một đoạn văn. - Câu hội thoại trực tiếp phải viết trong dấu ngoặc kép ("...") hoặc đặt sau một dấu gạch ngang (-) đầu dòng.

II - Luyện tập

A - Ở lớp

1. Đặt mỗi loại 2 câu theo mục đích : kể, hỏi, cầu khiến và cảm.

2. Trong bài "Rừng phương Nam" có những câu nêu cảm xúc. Đó là những câu nào và nêu cảm xúc cụ thể ra sao ?

B - Ở nhà

1. Chia đoạn văn sau thành câu và ghi dấu câu sao cho thích hợp với mục đích nói của từng câu.

Trong đoạn văn, câu nào là câu kể, câu hỏi, câu cầu khiến và câu cảm ?

"Cá heo giống tính trẻ em, thích nô đùa, thích được cổ vũ () Anh em ủa ra vỗ tay hoan hô () () A () Cá heo nhảy múa đẹp quá () () Thế là cá thích, nhảy vút lên thật cao () Có chú quá đà, vọt lên boong tàu cách mặt nước đến một mét () Có lẽ va vào sắt bị đau, chú nằm im, mắt nhắm nghiền, phía đuôi bị rách một mảng ()

Một anh chiến sĩ đến nâng con cá lên hai bàn tay, nói nựng ()

() Có đau không chú heo () Lần sau, khi nhảy múa phải chú ý nhé, đừng nhảy lên boong tàu ()"

(Hà Đình Cẩn)

**2. Chép lại đoạn văn sau đây, trình bày các câu hội thoại trực tiếp cho đúng cách thức và ghi dấu chấm câu thích hợp vào cuối mỗi câu :

"Chim sâu nhiều thế nó bay tràn qua vườn cải cả đàn ủa xuống lủ tủ trên những luống rau trồng muộn Bé hỏi Chích Bông ơi Chích Bông làm gì thế chim trả lời chúng em bắt sâu chim lại hỏi Bé chị Bé làm gì thế Bé ngẩn ra, rồi nói à... Bé học bài".

(Tô Hoài)

Chương III

BỘ PHẬN CHÍNH CỦA CÂU CÁC TỪ LOẠI CƠ BẢN

TIẾT 16

HAI BỘ PHẬN CHÍNH CỦA CÂU CHỦ NGỮ - VỊ NGỮ

I - Bài học

Đọc những câu sau đây :

- Cô giáo em đang giảng bài.
- Trường tiểu học của chúng em vừa được xây xong.
- Bầy thiên nga trắng muốt đang chen nhau bơi lội.
- Chim vech-ka mãi mê chải chuốt bộ lông vàng óng của mình.

em hiểu được ý nêu trong từng câu. Nhờ vào đâu mà em hiểu được những ý đó ?

1. Khi nói (hay viết) người ta có thể dùng kiểu câu có hai bộ phận chính. Đó là kiểu câu đơn bình thường.

a) Câu có hai bộ phận chính thường nêu được ý đầy đủ về một sự việc.

Ví dụ :

- | | |
|--------------------------------|------------------------|
| - Cô giáo em | đang giảng bài. |
| - Tổ quốc ta | ngày càng giàu đẹp. |
| - Trường tiểu học của chúng em | vừa mới được xây xong. |
| - Bạn Nam | là một học sinh giỏi. |
| - Gió | đang thổi rất mạnh. |

b) Nếu chỉ viết như những dòng sau đây thì chưa thành câu đơn bình thường vì không nêu được ý đầy đủ về sự việc :

Cô giáo em
Tổ quốc ta
Đang thổi rất mạnh
Là học sinh giỏi

2. Hai bộ phận chính của câu : chủ ngữ - vị ngữ.

a) Bộ phận chính thứ nhất đứng trước, nêu người hay vật làm chủ sự việc trong câu, gọi là chủ ngữ.

Chủ ngữ trả lời câu hỏi : Ai ? Cái gì ? Con gì ? Việc gì ?

Ví dụ :	Ai ?	(đang giảng bài)
	Cái gì ?	(vừa mới được xây xong)
	Con gì ?	(đang chen nhau bơi lội)

b) Bộ phận chính thứ hai, đứng sau, nêu nội dung sự việc (nói về người và vật làm chủ ngữ) trong câu, gọi là vị ngữ.

Vị ngữ trả lời câu hỏi : Làm gì ? Như thế nào ? Là gì ?

Ví dụ :		làm gì ?
(Cô giáo em)		như thế nào ?
(Trường tiểu học của chúng em)		là ai ?
(Bạn thân của em)		

GHI NHỚ

Khi nói hay viết, người ta có thể dùng kiểu câu có hai bộ phận chính.

Bộ phận chính thứ nhất là chủ ngữ.

Bộ phận chính thứ hai là vị ngữ.

II - Luyện tập

A - Ở lớp

1) Chia mỗi câu trong đoạn văn sau thành hai bộ phận chính :

"Con Nâu đứng lại. Cả đàn đứng theo. Tiếng gặm cỏ bắt đầu trào lên... Mẹ con chị Vàng ăn riêng một chỗ. Cu Tũn dờ hơi

chốc chốc lại chạy tới ăn tranh mẩu cò của mẹ. Chị Vàng lại dịu dàng nhường cho nó... Đàn bò tràn lên phủ vàng rực cả sườn đồi".

(Gạch một gạch dọc giữa hai bộ phận chính của câu).

****2.** Ghép các bộ phận sau đây từng đôi một cho thành những câu và thành đoạn văn có ý nghĩa :

- những con đường ở thôn Cảnh Dương
- hai bên đường
- trẻ em
- trai gái
- nhà cửa san sát
- cát mịn và thẳng tắp
- tung tăng đến trường
- kéo nhau đi đến các hợp tác xã sản xuất

(B) - Ở nhà

Ghép một bộ phận ở nhóm a với một bộ phận ở nhóm b cho thành câu :

a. - khẩu hiệu, biểu ngữ, cổng chào

1- ô tô, xích lô, xe đạp

2- thiếu nhi, học sinh

3- công nhân, thanh niên, phụ nữ, các cụ già

4- cảnh đường phố

b. 3- tươi cười vẫy chào đoàn quân anh dũng

2- mặc quần áo đủ màu sắc reo mừng tiếp đón các anh bộ đội

1- vẫn nối đuôi nhau chạy

4- càng thêm náo nhiệt

- xuất hiện từ phố này sang phố khác

ÔN TẬP HỌC KÌ I

1. Ngắt đoạn văn sau thành câu. Đặt dấu chấm cuối câu và viết hoa cho đúng :

"Gà bà Kiên là gà trống tơ, lông đen, chân chì, có bộ giò cao, cổ ngắn nó nhảy tót lên cây rơm thật cao, phóng tầm mắt nhìn quanh như muốn mọi người hãy chú ý : nó sẽ gáy một hơi thật to, thật dài nó xòe cánh, nghênh cổ, chuẩn bị chu đáo, nhưng rốt cục chỉ rặn được ba tiếng éc e e cụt ngùn nó ngưng quá, đỏ chín mặt, hấp tấp nhảy xuống đất gà trong làng nổi gáy loạn xị..."

2. Cho đoạn văn sau :

"Con trâu nhà em trông mập mạp. Mình nó đen bóng như gỗ mun. Cái sừng của nó nhọn hoắt, vênh vênh. Thân hình nó béo mẫm và lực lưỡng, trông thật đáng yêu. Nó bước đi lắc lè, chậm chạp. Nó gặm soàn soạt từng nắm cỏ non một cách ngon lành..."

a) Những từ láy nào được dùng để tả đặc điểm về hình dáng và hoạt động của con trâu ?

b) Những từ ghép nào được dùng để tả đặc điểm về hình dáng và hoạt động của con trâu ?

c) Trong mỗi câu của đoạn văn, những từ ngữ nào là chủ ngữ ?

d) Trong mỗi câu của đoạn văn, những từ ngữ nào là vị ngữ ?

3. Em hãy tự đặt một số câu theo các kiểu câu sau :

a) Câu hỏi (ví dụ : Con trâu nhà em thế nào ?).

b) Câu cầu khiến (ví dụ : Anh hãy đến xem con trâu của nhà em !).

c) Câu cảm (ví dụ : Con trâu nhà em trông đáng yêu quá !).

4. Viết một đoạn văn ngắn tả lại "cuộc trò chuyện" giữa em với một con vật gần gũi mà em yêu quý như bè bạn (cố gắng dùng các kiểu câu đã học).

CHÍNH TẢ

TIẾT 1

CHÍNH TẢ (nghe đọc)

I - Bài viết : Ngày khai trường

("Sáng đầu thu ... lên lớp Bốn")

II - Viết đúng

khai trường, trong xanh, sách, reo hớn hờ, lên lớp, lưng.

III - Luyện tập

1. Tìm những tiếng có phụ âm đầu viết *ch*, *tr* trong bài ?

2. Điền vào chỗ trống : *ch* hay *tr* ?

- Ngày khai ... ường còn gọi là ngày mở ... ường.
- Hằng ngày, chúng em hớn hờ đến ... ường học tập.
- Trời ... ong xanh, nước ... ong vắt, bầu không khí ... ong lành.
- Gió thổi làm ... ong ... óng quay tít.
- Đêm khuya, mẹ vẫn ... ong đèn ngồi vá áo cho em mặc.

- ... ế em như búp trên cành,

Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan.

(Bác Hồ)

TIẾT 2

CHÍNH TẢ (so sánh)

Phân biệt tr/ch

I - Bài viết : Chú Chín

Chú Chín không xuống thuyền mà đi dọc bờ sông.

Miền Trung đất nghèo có những chiều đông đẹp lạ. Khí trời xanh trong như mùa thu, nắng tỏa vàng mặt ong mới rớt, gió chỉ đủ lạnh để giục trẻ em chạy nhảy chung quanh bầy trâu... Chú Chín bước chậm chậm nhìn quanh. Mảnh mặt trời bẻ đôi đặt trên núi nhả một luồng lửa cháy rừng rực qua sông, xoay theo chú như một ánh mắt cười lấp láy...

Phan Tú

Trích "Gia đình Má Bảy"

Nhận xét :

1. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *tr* ?

2. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *ch* ?

II - Phân biệt

tr

- *trú* : trú ẩn, trú chân, trú quán, thường trú
- *triều* : thủy triều, triều đình, triều đại, triều cống
- *trung* : trung bình, trung thu, trung thành, trung đội

ch

- *chú* : chú bác, chú ý, chú thích, chú trọng
- *chiều* : buổi chiều, chiều gió, chiều chuộng, chiều hướng
- *chung* : chung quanh, chung kết, chung sống

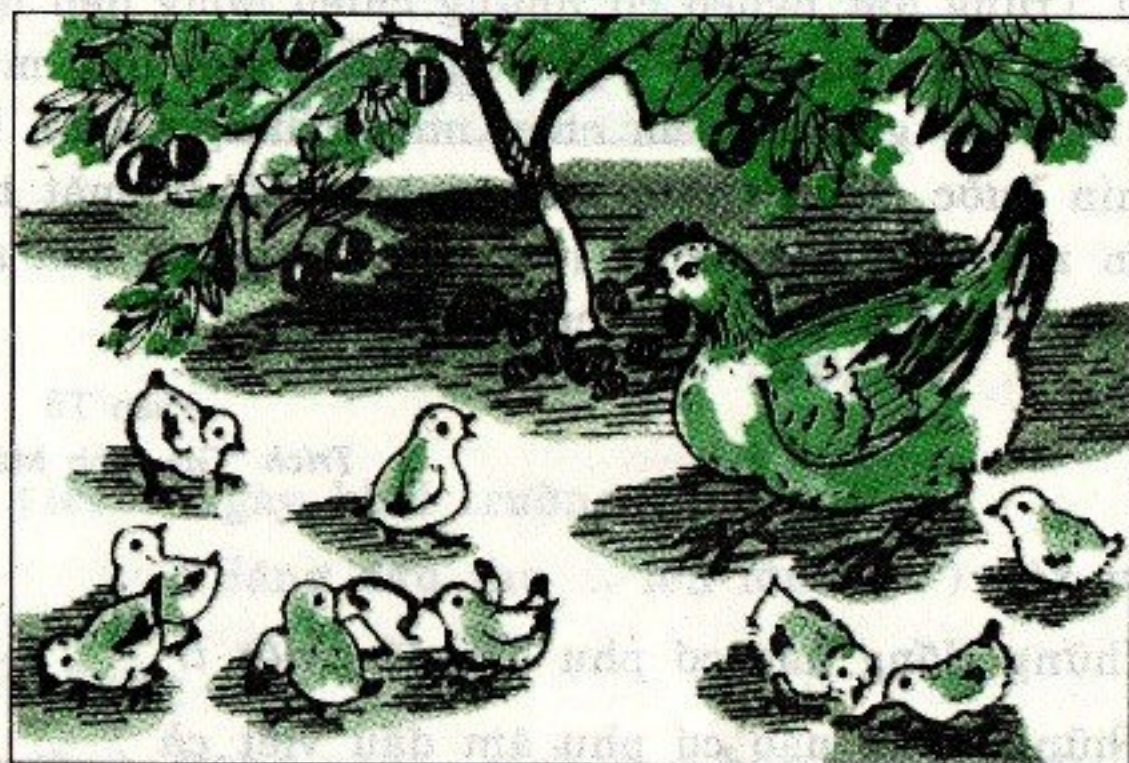
III - Luyện tập

Điền vào chỗ trống : *tr* hay *ch* ?

- ...a tôi ngồi ...ên ...ống ...e nói ...uyện ...ống ...uối với ...ú ...ín.
- ...ưa đến ...ưa mà ...ời đã nắng ang ...ang.
- ...ong ...ạn mẹ em để ...én bát, ...ai lọ, xoong ...áo.

Ghi nhớ

1. Một số từ chỉ người trong quan hệ gia đình, họ hàng thường có phụ âm đầu viết *ch* (ví dụ : cha, chú, chị, chồng, cháu, chất, chít...).



Trưa mùa hè trời nắng chang chang, mấy chú gà con đang tranh mỗi dưới gốc cây chanh.

2. Một số từ chỉ đồ dùng trong gia đình thường có phụ âm đầu viết **ch** (ví dụ : chai, chõng, chén, chạn, chiếu, chăn, chổi, chảo, chậu...).

3. Một số từ chỉ vị trí thường có phụ âm đầu viết **tr** (ví dụ : trên, trước, trong...).

TIẾT 3

CHÍNH TẢ (nghe đọc)

I - Bài viết : Trò chơi lớp học

... Con Bé gom mấy đứa em lại nói :

- Bây giờ chơi đi học nghen !...

Con Bé đánh vần từng tiếng.

Dàn em riu rít đánh vần theo.

Thằng Hiến ngọng nghịu, lúng túng nói không kịp hai đứa lớn. Con Anh ngoe nguẩy bao giờ cũng giành phần đọc xong

trước. Nó ngồi trên ghế, hai má núng nính, ửng da mặt, ngoắt qua ngoắt lại. Con Thanh nhìn con Anh bằng đôi mắt nghiêng nghiêng không thèm chấp...

Nguyễn Thi

Trích "Mẹ vắng nhà"

- **Nghen** : nghe không.

II - Viết đúng

trò chơi, riu rít, ngọng nghịu, ngoe nguẩy, lúng túng, núng nính, ngoắt qua ngoắt lại, nghiêng nghiêng.

III - Luyện tập

Điền vào chỗ trống : **g** hay **gh**, **ng** hay **nh** ?

- Con ...à ...ủ dưới ...ốc cây ...ô.

- ...e thuyền lên thác xuống ...ên.

- ...ờ ...êch, ...ở ...ẩn, ...ông ...ên ; ...iêng ...ả, ...ễnh ...ăng, ...êu ...ao.

TIẾT 4

CHÍNH TẢ (trí nhớ)

I - Bài viết :

Việt Nam thân yêu

("Việt Nam đất nước... đứng lên")

II - Viết đúng

mênh mông, đất nghèo, Trường Sơn, rập rờn, biển lúa, sớm chiều, trai gái, vất vả, máu chảy.

III - Luyện tập

1. Tìm và viết 3 danh từ riêng về địa danh.

2. Điền vào chỗ trống : l hay n ?

Đất ...ước ta mệnh mong biển ...úa. Cánh cò bay ...ả bay ...a.
Ánh nắng vàng trải ...ên thảm cỏ xanh ...on màu ...á mạ, ...àm
cho những hạt sương mai ...ấp ...ánh.

3. Tìm 2 từ có vần viết "iu" và 2 từ có vần viết "iêu" rồi
đặt câu với mỗi từ đó.

TIẾT 5

CHÍNH TẢ (nghe đọc)

I - Bài viết : Vẽ thăm bà

("Thanh bước lên thêm ... kéo nắng, cháu !")

II - Viết đúng

- gian nhà cũ, yên lặng, giàn thiên lí, làn tóc trắng.
- thay đổi, chống gậy trúc, mừng rỡ, nhai trấu, chạy lại.

III - Luyện tập

1. Tìm những tiếng có phụ âm đầu viết l, n.
2. Đặt một câu trong đó có từ "củ" và một câu trong đó có từ "củ".

3. Điền vào chỗ trống :

a) l hay n : im ...ặng, gánh ...ặng, ...ặng ...ế, ...ặng ...ế.

b) ay hay ôy :

- Th... giáo d... học sinh đọc h..., viết đúng.
- Qu... tơ, qu... phim, qu... quần, qu... nhiều.
- Quýt nhà ai chín đỏ c...

Hỡi em đi học h... h... má tròn.

TIẾT 6

CHÍNH TẢ (nghe đọc)

I - Bài viết : Con chuồn chuồn nước ("Ôi chao ! ... bay vọt lên")

II - Viết đúng

chuồn chuồn nước, màu vàng, bay vọt lên, rung rung, long
lanh, mỏng, khẽ.

III - Luyện tập

1. Đặt câu với mỗi từ sau : ngả, ngã, mắc, mắt.
2. Điền vào chỗ trống :
a) l hay n : ...ưng chú ...ấp ...ánh ánh ...áng.
b) ong hay ông : b... đèn, cá b..., b... nhoáng, c... nhân, c...
cộng, c... queo, nước tr... xanh, r... rêu, chớ chạy r...

TIẾT 7

CHÍNH TẢ (so sánh)

Phân biệt ?/~

I - Bài viết : Viết đúng các từ có thanh viết bằng dấu hỏi (?) và các từ có thanh viết bằng dấu ngã (~) trong những câu sau :

- Tối nào em cũng học bài và làm bài.
- Bài văn không có câu nào viết lủng củng.
- Hàng ngày, các bạn trẻ cần năng tập thể dục, tắm rửa
sạch sẽ để cho thân thể được khỏe mạnh.

- Những con bói cá mỏ dài, lông sặc sỡ. Những con cuốc đen trùi trùi len lỏi giữa các bụi ven bờ.

Nhận xét :

1. Những tiếng nào có thanh viết với dấu hỏi (?) ?
2. Những tiếng nào có thanh viết với dấu ngã (~) ?

II - Phân biệt

- ?
- *cùng* : lòng *cùng*, *cùng* cố
 - *rũa* : *rũa* ráy, *rũa* ảnh
 - *sẻ* : chim *sẻ*, nhường cơm *sẻ* áo
 - *sở* : khổ *sở*, trụ *sở*, *sở* dĩ, *sở* thích

- ~
- *cũng* : *cũng* làm, *cũng* vậy, *cũng* đành
 - *rũa* : chín *rũa*, nát *rũa*
 - *sẻ* : sạch *sẻ*, nói se *sẻ*, hứa *sẻ* làm
 - *sở* : áo quần sặc *sở*

III - Luyện tập

1. Tự chọn và viết lại 2 cặp từ so sánh ở mục II.
- **2. Làm thế nào để biết chắc chắn rằng từ *ngỉ* (ngỉ hè) có thanh viết với dấu ? ; *ngĩ* (suy nghĩ) có thanh viết với dấu ~ ?

TIẾT 8

CHÍNH TẢ (trí nhớ)

I - Bài viết : Thương ông

("Ông bị đau chân... thương ông.")

II - Viết đúng

- thương ông, chống gậy, ngoài sân, âu yếm.

- nhân nhó, sung sướng, cúi xuống, xoa đầu, khắp khiêng, nhắc chân, lon ton, nhanh nhẩu, quảng, quên.

III - Luyện tập

1. Tìm những tiếng có vần viết *au*, *âu*.
2. Tìm và ghi lại 3 từ có vần viết *ui* (cúi xuống) và 3 từ có vần viết *uoi* (tuổi trẻ).
3. Điền vào chỗ trống :
 - a) *ay* hay *ây* ?
 - Th... giáo d... học.
 - C... c... vốn nghiệp nông gia.
 - b) *nhắc* hay *nhạc* ?
 - Thấy giáo ... nhờ học sinh làm bài đầy đủ.
 - Mẹ em ... thúng gạo đặt vào quang.
 - Không nên ... bài cho bạn.
 - ... tấm phản lên để quét nhà.

TIẾT 9

CHÍNH TẢ (so sánh)

Phân biệt d/gi

I - Bài viết : Thấy giáo em

Thầy giáo em tuy đã già nhưng da dẻ vẫn hồng hào vì thầy chăm tập thể dục và giữ gìn sức khỏe. Giọng nói của thầy sang sảng, dáng đi nhanh nhẹn. Thầy dạy rất dễ hiểu, giảng bài rất hấp dẫn. Thầy luôn luôn dịu dàng với chúng em. Em nào giỏi, thầy khen. Em nào không hiểu bài, thầy giảng giải cho thật hiểu.

Nhận xét

1. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *d* ?

2. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *gi* ?

II - Phân biệt

d

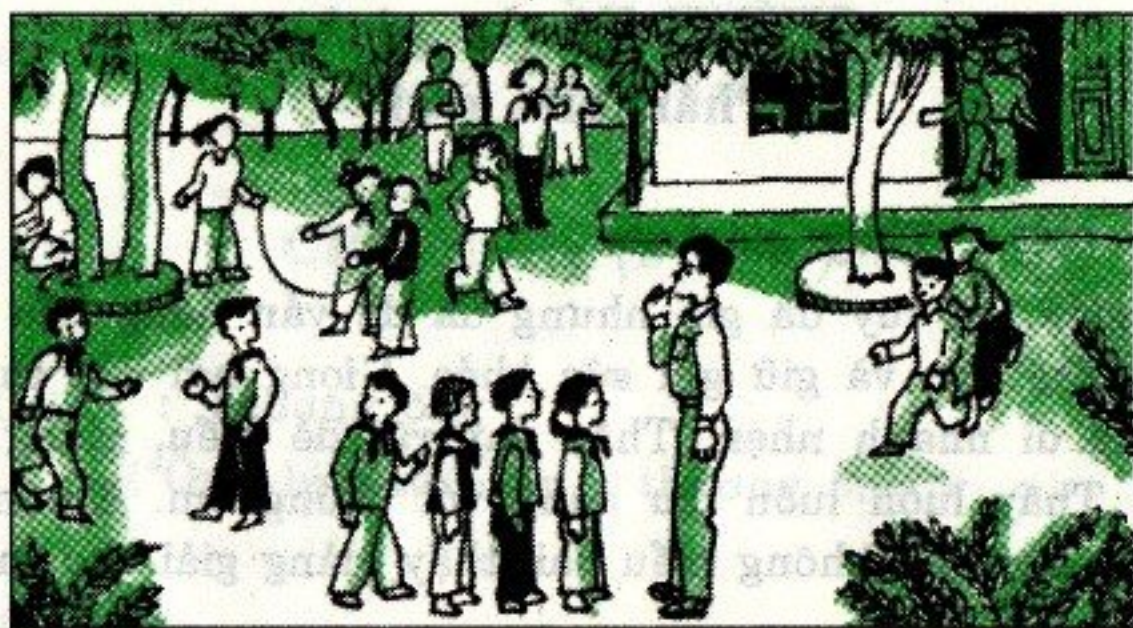
- *da* : da thịt, da gà, da trời
- *dữ* : thú dữ, dữ dội
- *dải* : dải rút, dải lụa
- *dục* : đức dục, thể dục
- *dụng* : dụng nũa, dụng tre
- *dẻ* : da dẻ, hạt dẻ

gi

- *gia* : gia đình, gia hạn, gia công, gia vị, tăng gia
- *giữ* : giữ gìn, giữ nhà
- *giải* : giảng giải, giải toán, giải phóng, giải trí
- *giục* : thúc giục, giục già
- *giọng* : giọng nói, lên giọng, giọng điệu, giờ giọng
- *giẻ* : giẻ lau, giẻ rách, hoa giẻ

III - Luyện tập

1. Chọn một trong hai từ ở ngoặc đơn điền vào chỗ trống :
 - Anh ấy *qua* cho tôi một con dao (dao, giao)
 - Trong *quả* lát, anh ấy đã buộc xong sợi dây thếp (dây, giây)



Thầy giáo ... chúng em ra sân tập thể ...

- Thầy giáo *qua* chúng em ra sân tập thể *dục* (giục, dục)

2. Tìm 3 từ có phụ âm đầu viết *d* và 3 từ có phụ âm đầu viết *gi*.

Ghi nhớ

Phụ âm đầu viết *d* thường đứng trước những vần viết *oa*, *uê*, *âu*, *uy*. Ví dụ : dọa nạt, doanh trại, duy trì, duyệt binh, duyên dáng.

TIẾT 10

CHÍNH TẢ (trí nhớ)

I - Bài viết : Trên hồ Ba Bể
(Viết cả bài)

II - Viết đúng

hồ Ba Bể, cheo leo, se sẽ, bồng bênh, trôi lạng lã, rung rinh, quanh quất.

III - Luyện tập

1. Tìm 2 đến 4 từ ngữ có phụ âm đầu viết *d*, *r* và 2 đến 4 từ ngữ có phụ âm đầu viết *n*, *l*.
2. Điền vào chỗ trống :
 - *rừng* hay *dù* : xe ... bánh, lá ..., con lợn ...
 - *leo* hay *neo* : ... trèo, ... thuyền, nhà ... người
 - *lòng* hay *nòng* : ... mẹ, ... sông, ... đại bác.
 - *gió* hay *dó* : cơn ..., giấy ..., nói bóng nói ...
3. Tìm 3 từ có vần viết *uot*, 3 từ có vần viết *uoc*.

TIẾT 11

CHÍNH TẢ (nghe đọc)

I - Bài viết : Đường đi Sa Pa

("Hôm sau ... đất nước ta.")

II - Viết đúng

Sa Pa, thoát, khoảnh khắc, tuyết, lay ơn, nong nân, rơi, dành, gió xuân hây hây, lác đác, long lanh.

III - Luyện tập

1. Điền vào chỗ trống :

- *d* hay *r* : đánh ...ơi, mưa ...ơi, con ...ơi, nói năng ...ành mạch, để ...ành tiến.

- *l* hay *n* : lá rơi ...ác đác, một ...ong tầm, đầu bạc răng ...ong, lòng yêu nước ...ồng ...àn, trời cao ...ồng ...ộng.

- *uyet* hay *iêt* : Thương tiếc các l... sĩ

Đoạn văn tả cảnh t... rơi.

S... chăt tay nhau

Q... tâm học chăm làm giỏi.

Thời t... xấu nhưng bộ đội vẫn d... bình.

2. Phân biệt : nong với long

da với ra.

TIẾT 12

CHÍNH TẢ (so sánh)

Phân biệt r/d/gi

I - Bài viết : Có một chú chim sâu

Một buổi sáng, chú chim sâu giật mình thức giấc, bỗng ngơ ngàng thấy ngay trước tổ rung rinh một cành hoa trắng : cành hoa mận. Khắp vườn chưa có cây nào ra hoa. Bông hoa trắng giản dị, hiền lành mà ngời sáng cả bầu trời đông còn giá rét. Cành hoa mận trắng xinh, rì rào như có ý nói : "Mùa xuân sắp thức giấc rồi !".

Nguyễn Kiên

Trích "Chú đất nung"

Nhận xét :

1. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *r* ?
2. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *d* ?
3. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *gi* ?

II - Phân biệt

gi	d	r
- <i>giật</i> : giật mình, điện giật, giật lùi, <i>giật</i> chuông	- <i>dật</i> : dư <i>dật</i> , ăn <i>dật</i>	- <i>rật</i> : rậm <i>rật</i> , rần <i>rật</i>
- <i>giá</i> : giá rét, băng <i>giá</i> , <i>giá</i> cả, hạ <i>giá</i>	- <i>dá</i> : đối <i>dá</i>	- <i>rá</i> : rổ <i>rá</i> , <i>rá</i> vo gạo
- <i>gì</i> : việc <i>gì</i> , làm <i>gì</i>	- <i>dì</i> : cô <i>dì</i> , <i>dì</i> ghê	- <i>rì</i> : rì rào, xanh <i>rì</i>
- <i>gia</i> : gia đình, tầng <i>gia</i> , <i>gia</i> hạn, <i>gia</i> súc	- <i>da</i> : da thịt, da dẻ, da diết	- <i>ra</i> : ra vào, ra sức, ra về, ra rả

III - Luyện tập

1. Điền vào chỗ trống : *r*, *d*, hay *gi* ?

- Ngoài đường có tiếng ...ao hàng.
- Tôi mua một con ...ao nhíp để ...ọc ...ấy.
- ...ao này trời ...ét quá, mọi người ...un cầm cập.

- Phải luyện tập cho sức khỏe được ...éo ...ai, tinh thần được ...ấn ...ỏi.

*2. Viết 2 từ láy có phụ âm đầu viết r (ví dụ : rì rào), hai từ láy có phụ âm đầu viết d (ví dụ : đồn dập), 2 từ láy có phụ âm đầu viết gi (ví dụ : giữ gìn...).

Ghi nhớ

Một số từ láy bắt chước tiếng động thường có phụ âm đầu viết r. Ví dụ : (mưa rơi) rả rích, (tầm ăn) rào rào, (nước chảy) róc rách, (tiếng đàn) réo rắt, (bước chân) rầm rập, (sóng vỗ) rì rào, ...



Cành hoa mạn rung rinh, rì rào
như muốn nói : "Mùa xuân sắp thức giấc rồi !"

TIẾT 13

CHÍNH TẢ (nghe đọc)

I - Bài viết : Buổi sáng ở Hòn Gai
("Hòn Gai vào những... cánh chim trong mưa.")

II - Viết đúng

Hòn Gai, sáng sớm, còi bíp bíp inh ỏi, vội vã,
Hạ Long, bến Đoan, bến Tàu, cảng Mới.

III - Luyện tập

1. Tìm những tiếng được viết bằng chữ hoa trong bài. Tại sao phải viết bằng chữ hoa những tiếng ấy ?

2. Điền vào chỗ trống : i hay y ?

- ...êu Tổ quốc.
- Qu... mền bạn bè.
- Cô ... tá tiêm thuốc cho người bệnh.
- Cả lớp ...m lặng nghe giảng.

3. Tìm 2 từ viết bằng một chữ cái y hoặc viết bắt đầu bằng chữ cái y.

Ghi nhớ : Cách viết i và y

Viết i : khi i đứng sau phụ âm đầu.

Ví dụ : đi thi, vật lý, mỹ thuật, lý do...

- Viết y :

- + Khi y đứng một mình. Ví dụ : y tá, ý kiến (trừ trường hợp ì ạch, âm í, ...)
- + Khi y đứng đầu chữ. Ví dụ : âu yếm, chim yến.
- + Khi y đứng sau âm đệm u trong vần. Ví dụ : quyền quý, tuyết, nguyên.

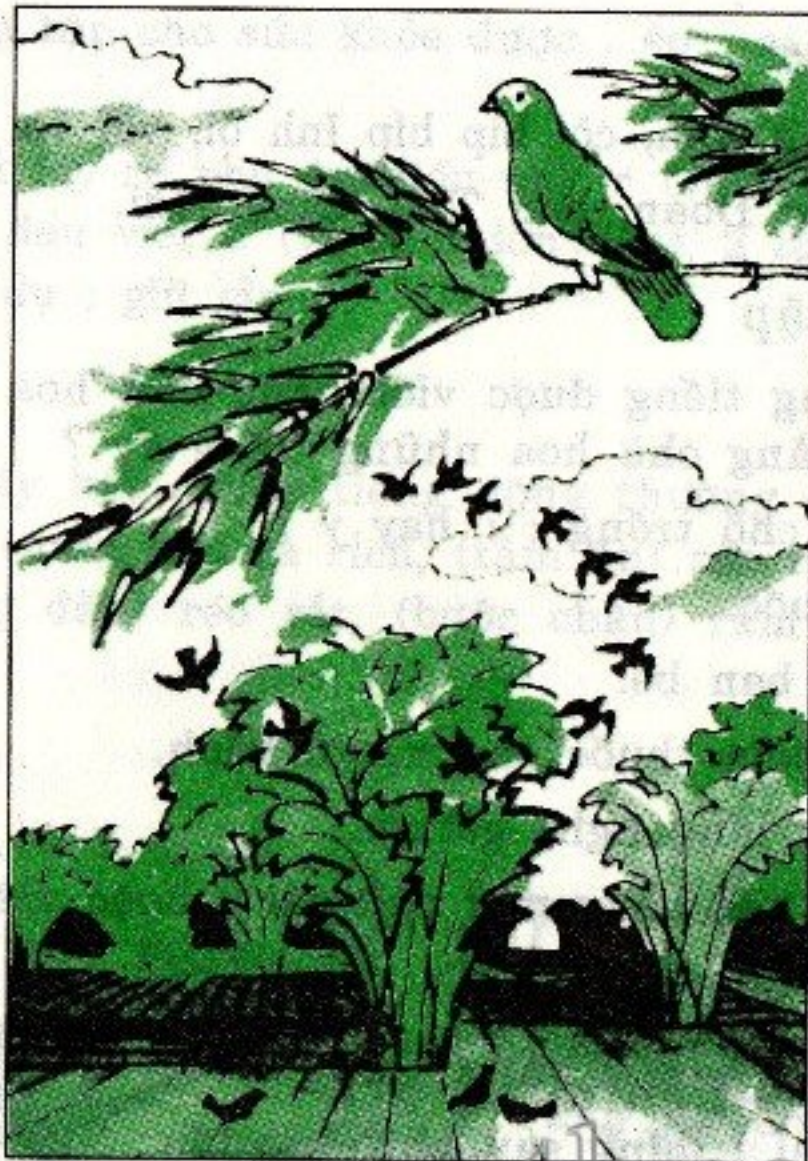
TIẾT 14

CHÍNH TẢ (so sánh)

Phân biệt v/d/gi

I - Bài viết : Chim gáy

Khi ngoài đồng đã đông người gặt thì có chim gáy về bay
văn quanh, vòng trên các ngọn tre.



Chim gáy vẽ, bay vùn quanh, vòn trên các ngọn tre.

Chim mái vôi vàng xuống trước. Cái đuôi lá lượn duyên dáng xòe như múa.

Con đực còn nán lại trong bờ tre, dùng đỉnh cất giọng gáy vang thêm một hồi dài. Xong rồi anh chàng mới thung thình bước ra, uốn cái ngực lung linh cườm biếc, lượn nhẹ tới với cả đàn đương ăn giữa ruộng vắng, khuất, gần chân tre.

Tô Hoài
Trích "Đàn chim gáy"

- Chim gáy : loại chim cu hay gáy, có nơi gọi là con cu gáy.

Nhận xét :

1. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *v* ?
2. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *d* ?
3. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *gi* ?

II - Phân biệt

v	d	gi
- vùn : vùn thơ, vùn nổi cơn, xoay vùn	- dần : dần dần, dần dà, đau như dần	- giàn : giàn gạo, cái giàn, giàn sàng
- vôi : vôi vàng, vôi vãi	- dôi : vang dôi, dữ dôi	- giội : giội nước
- vàng : màu vàng, vàng bạc, vũng vàng	- dàng : dễ dàng, dénh dàng, dịu dàng	- giàng : ông giàng (ông trời), giữ giàng

III - Luyện tập

1. Chọn một trong hai từ (trong ngoặc đơn) điền vào chỗ trống :

- ... này người ta hay ... ngựa để kéo xe (dùng, vùn)
- Chú tôi ... tôi đi xem ... sữa bò (vắt, dất)
- Tôi ... quyển ... ra xem lại bài (giở, vớ)
- Xin ... thiệu ... các bạn một quyển truyện hay tuyệt ...
(vội, giới, vôi)

2. Điền vào chỗ trống : *v*, *d* hay *gi* ?

Rừng xa ... ộng tiếng chim gù
Ngân nga tiếng suối ... i ... u ... ó ngàn
Mưa xuân dầm lá ngụy trang
Đường ra tiền tuyến nở ... àng hoa mai.

Lê Anh Xuân
Trích "Hành quân giữa rừng xuân"

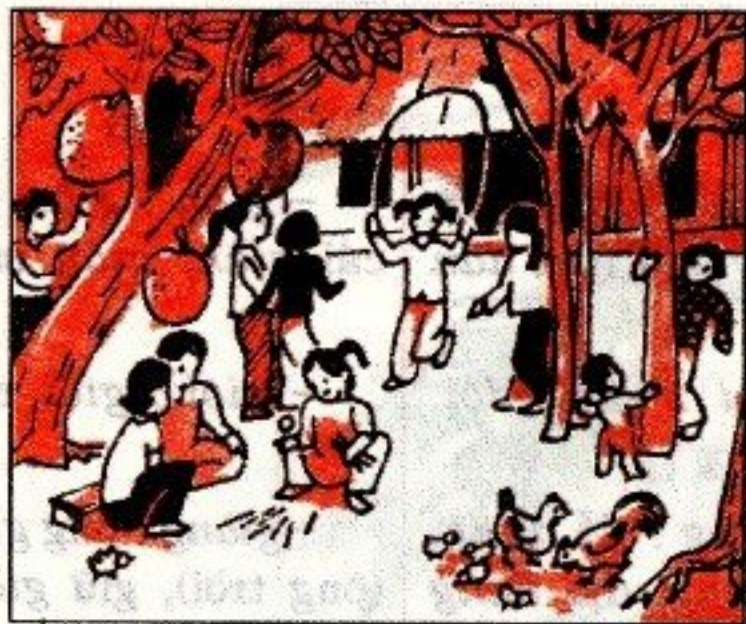
TIẾT 15

CHÍNH TẢ (so sánh)

Phân biệt nh/d/gi

I - Bài viết

Viết đúng các tiếng có phụ âm đầu viết *nh*, *d*, *gi* trong các câu sau :



Xóm em tuy nhỏ nhưng
thường nhộn nhịp.

Nhận xét :

1. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *nh* ?
2. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *d* ?
3. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *gi* ?

II - Phân biệt

nh	d	gi
- nháo : nháo nhác, nhâng nháo, nháo nhào	- dáo : dáo dác	- giáo : thấy giáo, giáo khoa, giáo dục, tôn giáo
- nhao : nhao nhao	- dao : gươm dao, ca dao, đồng dao	- giao : giao hàng, giao điểm, giao tiếp, giao thiệp
- nhịp : nhộn nhịp, nhịp nhàng, nhịp cầu	- dịp : dịp may	- không có
- nhỏ : nhỏ bé, nói nhỏ, nhỏ nhặt	- dỏ : dỏm dỏ	- giò : giò cá, ẩm giò

III - Luyện tập

1. Điền vào chỗ trống : *nh*, *d* hay *gi* ?
- Không nói chuyện ...âm ...í.

- Xóm em tuy nhỏ nhưng thường nhộn nhịp.
- Dì tôi mua một con dao nhíp rất đẹp.
- Bộ đội đang diễn tập ngoài bãi.
- Thầy giáo giảng cho học sinh hiểu thế nào là quân đội nhân dân.
- Về mùa mưa, đường sá thường lầy lội, nhộp nháp.

- Mặt bàn ...ăn bóng.
- Anh ấy vượt qua sông một cách ...ể ...àng.
- Công việc ...ay ...ổ của thầy ...áo thật không đơn ..ân tí nào.
- Bạn ấy trông có vẻ thông minh ...anh ...ẹn.

2. Tìm 3 từ láy có phụ âm đầu viết *nh* (ví dụ : nhộn nhịp).
3. Tìm và viết lại 2 đến 4 cặp từ so sánh có phụ âm đầu viết *nh*, *d*, *gi* vừa phân biệt trên.

TIẾT 16

CHÍNH TẢ (trí nhớ)

I - Bài viết : Cửa Tùng
("Điều kì thay ... dưới ánh mặt trời.")

II - Viết đúng

điều kì, sắc màu, biển, mặt trời, chiếu tà, xanh lục.

III - Luyện tập

1. Viết 3 chữ có *c* đứng đầu và 3 chữ có *k* đứng đầu. Nhận xét xem *c* đứng trước chữ cái ghi nguyên âm nào ? *k* đứng trước chữ cái ghi nguyên âm nào ?
 2. Điền vào chỗ trống : *uom* hay *uôm* ?
- Áo quần sạch sẽ tinh t... ..
 - Những cánh b... trắng trên mặt biển xa trông như đàn b... lượn giữa trời xanh.
 - Bạn Nam l... được một mảnh vải nh... xanh rất đẹp và đem trả lại cho người đánh rơi.
- **3.** Viết 3 từ có vần "ăt", 3 từ có vần "ăc", đặt câu với mỗi từ đó.

Ghi nhớ

Người ta viết *k* trước các chữ cái ghi nguyên âm : *e, ê, i, ia, ie*.

Ví dụ : kém, kê, kích, kia, kiến.

Còn viết *c* trước các chữ cái ghi nguyên âm : *a, ă, â, o, ô, ơ, ua, ư, uo, ua, uô...*

Ví dụ : ca, cân, cãm, cùa, cuốn, cưỡng, cưa.

TIẾT 17

CHÍNH TẢ (nghe đọc) Ôn tập

I - Bài viết : Hai mẹ con chú bộ nông

Phải năm trời hạn, nóng như thiêu như đốt. Như bị đổ nghiêng, cả một vòm trời xanh ngắt rớt mãi ánh nắng chói chang xuống, khiến cho mọi nhà bộ nông hốt hoảng gọi nhau lên phương bắc tránh nắng. Có hai mẹ con chú bộ nông kia bị nạn. Trên đường đi, bộ nông mẹ bị nắng chiếu quá mất, lao phải cành gai tre, suýt nữa gãy cánh, rơi xuống. Bộ nông con đỡ mẹ dậy rồi dìu mẹ ẩn vào trong một hốc cây, ngày ngày chăm sóc cho mẹ chóng khỏi...

Phong Thu

Trích "Bộ nông có hiếu"

- **Bồ nông** : loài chim mình to, mỏ dài, dưới cổ có một cái bướu để đựng cá bắt được. Đến mùa nắng, loài chim này thường rời phương nam lên phương bắc để tránh nắng.

II - Luyện tập

1. Em hãy cho biết khi nào thì phụ âm đầu viết *ng* ? Khi nào thì viết *ng* ? Cho ví dụ.

2. Chọn một trong những câu hỏi sau đây :

a) Hãy phân biệt *chối* với *trối*.

b) Hãy phân biệt *đố* với *đổ*.

c) Điền vào chỗ trống : *nh, gi, d, v, r* ?

- Mẹ đã đi làm ...ôi.

- Sách ..ở của bạn thật ...ôi ...ào.

- Sách này ...á ...é, ..ế mua.

- Đi học ...ở mang theo ..ế lau bảng con.

- ...a ...ào lớp phải xin phép.

- Hạt ..ế ăn rất ngon.

- Được học ...ế rất thích.

3. Điền *x, s* vào chỗ trống và sắp xếp thành 2 cột (bên phải ghi các tiếng có phụ âm đầu viết *x*, bên trái ghi các tiếng có phụ âm đầu viết *s*) : ...ác đẹp, dao ...ác, xúc ...ác, ...ác cốt, ...ác mặt, nhan ...ác, ...anh biếc, đậu ...anh, sạch sành ...anh, tuổi ...anh, nhà bảo ...anh (sinh).

TẬP LÀM VĂN

TIẾT 1

TẢ ĐỒ VẬT

(Quan sát và tìm ý)

I - Đề bài

Bước vào năm học mới, em (hoặc bạn em) được bố mẹ mua cho một cái cặp đựng sách vở đi học. Em hãy tả cái cặp đó.

II - Hướng dẫn

Trước hết, em cần đọc kĩ đề bài, gạch dưới những từ quan trọng : *tả cái cặp của em* (hoặc của *bạn em*), để có hướng quan sát đúng. Sau đó, em thực hiện tốt mấy việc sau :

1. Em đặt chiếc cặp trước mặt và quan sát kĩ. Em có thể cầm cặp lên, xoay nhìn các phía (dùng mắt), xoa tay vào mặt cặp xem có trơn hay ráp (dùng tay), bật mấu khóa nghe xem tiếng nó kêu thế nào ? (dùng tay kết hợp với tai nghe...).

2. Em ghi vào vở nháp những điều quan sát được (nhận xét thấy gì ghi thế ấy, nhận xét đến đâu ghi luôn đến đó). Ví dụ : Chiếc cặp hình dáng thế nào, làm bằng gì ? To, nhỏ ra sao ? Có màu sắc gì ? Chiếc cặp có những bộ phận nào ? Từng bộ phận có nét gì nổi bật ?...

III - Ghi nhớ

- Muốn tả một đồ vật gì, trước hết phải quan sát trực tiếp đồ vật ấy.

- Quan sát kĩ đồ vật bằng nhiều giác quan (mắt nhìn, tay sờ, tai nghe...) thì sẽ tả đúng, tả cụ thể và sinh động.

Tuy vậy, tùy đồ vật mà sử dụng các giác quan có liên quan để quan sát, không nhất thiết khi nào cũng sử dụng nhiều giác quan một lúc.

TIẾT 2

TẢ ĐỒ VẬT

(Lập dàn bài)

I - Đề bài

Bước vào năm học mới, em (hoặc bạn em) được bố mẹ mua cho một cái cặp đựng sách vở đi học. Em hãy tả cái cặp đó.

II - Hướng dẫn

1. Dựa vào phần tìm ý ở tiết trước, em quan sát kĩ lại một lần nữa cái cặp em định tả, xem nó có những bộ phận nào ? (bên ngoài, bên trong). Các bộ phận ấy nên trình bày theo thứ tự nào cho thích hợp.

Em ghi tên các bộ phận theo thứ tự đó vào vở nháp để làm thành dàn bài :

a) **Mở bài** : Giới thiệu cái cặp sách.

Cái cặp có từ bao giờ ? (dịp khai giảng năm học mới...). Ai mua hay được cho ? (bố mẹ mua ...).

b) **Thân bài** : Tả cái cặp (phần chính của bài văn).

- Tả bao quát : Hình dáng, làm bằng gì, to hay nhỏ, có màu sắc gì ? Có quai đeo hay xách ?

- Tả từng bộ phận :

+ Các bộ phận bên ngoài : mặt cặp, nắp cặp, khóa cặp...

+ Các bộ phận bên trong : vải lót, ngăn thứ nhất, ngăn thứ hai....

c) **Kết luận** : Nêu tình cảm và ý nghĩ.

Em có thích cái cặp của em không ? Tại sao ? Em dùng cặp và giữ gìn cặp như thế nào ?

2. Xem lại phần dàn bài đã ghi, thấy bộ phận nào của cặp chưa nói đến thì ghi thêm nhận xét ; ở mỗi bộ phận, nét nào em mới thấy thêm thì ghi bổ sung cho đầy đủ hơn.

II - Hướng dẫn

1. Trình bày bài làm (ngày ... tháng ... năm ...; bài số ...; họ tên ...; kẻ ô ghi điểm; ô ghi lời phê của thầy giáo - cô giáo).
2. Đọc kĩ đề bài. Dựa vào dàn bài đã chuẩn bị, viết thành bài văn.
3. Khi viết bài văn, chú ý thể hiện bố cục, viết đúng chính tả, dùng từ, đặt câu đúng, diễn đạt rõ ràng.

TIẾT 5

TẢ ĐỒ VẬT

(Trả bài viết kì trước)

I - Đề bài

Bước vào năm học mới, em (hoặc bạn em) được bố mẹ mua cho một cái cặp đựng sách vở đi học. Em hãy tả cái cặp đó.

II - Hướng dẫn

Theo sự chỉ dẫn của thầy giáo - cô giáo, em chú ý theo dõi lời nhận xét và ghi vào vở Tập làm văn. Rút kinh nghiệm về:

- Cách quan sát, tìm ý, lập dàn bài.
- Cách mở bài, kết luận; cách trình bày ý ở thân bài.
- Những lỗi cần tránh về chính tả, dùng từ, đặt câu và bố cục của bài văn.
- Tìm đọc các bài làm được điểm cao của các bạn để học tập, rút kinh nghiệm.

III - Giới thiệu một số đề bài tả đồ vật

1. Em hãy tả cái bàn mà em thường ngồi học ở nhà.
2. Em hãy tả tấm lịch treo trên tường ở nhà em (hoặc ở một nơi khác).

3. Em hãy tả cái trống trường em và cho biết những cảm xúc của em khi nghe tiếng trống trường.

4. Em hãy tả một thứ đồ chơi mà em thích.

TIẾT 6

TẢ CÂY CỐI

(Quan sát và tìm ý)

I - Đề bài

Trường em (hoặc gần nhà em) có một cây tán lá sum sê. Những ngày đi học, trời nắng to, em thường đứng dưới gốc cây để nghỉ. Em hãy tả cây có bóng mát đó.

II - Hướng dẫn

Sau khi tìm hiểu kĩ đề bài, em cần xác định một cây sẽ tả: có bóng mát ở trường hay gần nhà em. Đó là cây bàng (hoặc cây đa cổ thụ, cây xoài...). Em quan sát kĩ, nhận xét được điều gì ghi ngay vào giấy nháp.

- Tả bao quát cả cây. Những điều đáng chú ý: hình dáng, tầm vóc, cảnh vật xung quanh...

- Tả cụ thể một số đặc điểm của cây:

+ Thân cây, cành, tán lá sum sê (mặt trên mặt dưới, tầng dưới tầng trên), hoa quả...

+ Cảnh vật, con người ở xung quanh cây: nắng gió; hoạt động của chim chóc, ong bướm, con người...

+ Tác dụng của cây: cây đem bóng mát che nắng cho con người, đem lại không khí trong lành...

III - Ghi nhớ

Tả cây nào, cần chú ý nêu bật những nét tiêu biểu của cây đó đang ở thời kì phát triển và trong thời gian, thời tiết nhất

định. Kết hợp tả hoạt động của người, vật (chim chóc, ong bướm...) có quan hệ với cây.

TIẾT 7

TẢ CÂY CỐI

(Lập dàn bài)

I - Đề bài

Trường em (hoặc gần nhà em) có một cây tán lá sum sê. Những ngày đi học, trời nắng to, em thường đứng dưới gốc cây để nghỉ. Em hãy tả cây có bóng mát đó.

II - Hướng dẫn

1. Em suy nghĩ và chọn vị trí quan sát để tả cây bóng mát cho thích hợp. Thường là từ xa đi lại gần, từ gốc cây nhìn lên ngọn, từ lúc đến ngồi chơi dưới bóng cây cho đến khi rời cây ra về.

2. Căn cứ vào vị trí quan sát đã chọn, em hình dung ra bộ phận nào tả trước, bộ phận nào tả sau. Từ đó, lập dàn bài.

III - Ghi nhớ

Dàn bài gồm ba phần :

1. Mở bài

Giới thiệu cây bóng mát (trồng ở đâu, từ bao giờ, có điểm gì đáng chú ý hơn những cây cùng mọc ở đây...).

2. Thân bài

- Tả bao quát cây bóng mát :

+ Nhìn từ xa thấy cây như thế nào ? (dáng đứng, ngọn cây, tầm cao...).

+ Lúc đến gần, cây bóng mát đó có những nét gì đáng chú ý ? (thân, gốc, tán lá...).

- Tả từng bộ phận của cây :

+ Gốc cây : to, nhỏ...

+ Thân cây : chiều cao, vỏ cây, màu sắc...

+ Tán lá có những đặc điểm gì ? (Có mấy tầng ? Vẽ riêng của mỗi tầng ? Lá nhiều hay ít ? Hình dáng, màu sắc của lá...).

+ Các phần khác của cây : hoa, quả... (nếu có)

- Tả cảnh vật liên quan đến cây : nắng gió ; hoạt động của chim chóc, ong bướm, của con người dưới bóng cây...

3. Kết luận

Nêu cảm nghĩ về cây (vẻ đẹp, ích lợi), tình cảm gắn bó với cây, việc chăm sóc và bảo vệ cây...

Chú ý : Ở lớp, khi thấy giáo - cô giáo giảng hoặc các bạn góp ý, các em cần chú ý nghe và bổ sung những ý hay của thầy và của bạn vào dàn bài của mình. Sau đó, về nhà sửa lại và viết thành đoạn văn, bài văn hoàn chỉnh.

TIẾT 8

TẢ CÂY CỐI

(Làm văn miệng ở lớp)

I - Đề bài

Ở vườn (hoặc công viên), các luống hoa (chậu hoa) nở bông rất đẹp. Hãy tả một cây hoa mà em thích nhất.

II - Hướng dẫn

Em chọn cây đang ra hoa để tả (có thể là cây hoa hồng, cây hoa nhài, cây hoa cúc...).

Đứng trước cây hoa định tả, em quan sát lần lượt từng bộ phận : gốc, thân, cành lá, ... để tìm ra những nét cụ thể tiêu biểu.

Tiếp đó, em quan sát tỉ mỉ một cành hoa, một bông (đóa) hoa em cho là đẹp hơn cả. Em dùng các giác quan để nhận biết về hình

dáng, màu sắc, hương thơm (nếu có) của hoa. Em xem từng phần như cuống hoa, đài hoa, cánh hoa... có gì tiêu biểu?

Sau cùng, em nhìn toàn bộ cây hoa trong khung cảnh của nó với các yếu tố thiên nhiên: nắng gió, chim chóc, bướm ong, hoạt động của con người có tác động đến cây hoa.

Từ quan sát, em lập một dàn bài để nói.

III - Ghi nhớ

Dàn bài gồm ba phần:

1. **Mở bài** Giới thiệu cây hoa sẽ tả (Cây hoa gì? Trồng ở đâu? Do ai trồng? Trồng vào dịp nào?)

2. **Thân bài**:

- Tả bao quát: hình dáng chung của cây hoa; đặc điểm nổi bật của cây hoa khi nhìn từ xa, lúc lại gần.

- Tả chi tiết từng bộ phận của cây hoa: rễ, thân, cành, lá có hình dáng, kích thước, màu sắc gì?

Hoa đẹp và thơm như thế nào? Cuống hoa, đài hoa, cánh hoa, nhụy (nhị) hoa có những đặc điểm gì? (từ lúc còn là nụ đến lúc đâm bông, xòe nở).

- Nêu thêm một vài yếu tố tác động đến cây hoa: thời tiết (nắng, gió, sương); chim chóc, ong bướm, con người có ảnh hưởng gì đến cây và hoa?

3. **Kết luận** Nêu cảm nghĩ của em về ích lợi của cây hoa.

TIẾT 9

TẢ CÂY CỐI

(Làm văn viết ở lớp)

I - Đề bài

Ở vườn (hoặc công viên), các luống hoa (chậu hoa) nở bông rất đẹp. Hãy tả một cây hoa mà em thích nhất.

II - Hướng dẫn

1. Đọc kĩ lại đề bài, sửa và bổ sung phần dàn bài đã được thầy giáo, cô giáo hướng dẫn thêm ở các tiết học trước; viết nháp thành bài văn, sau đó mới viết vào giấy hoặc vở Tập làm văn để nộp cho cô giáo, thầy giáo.

2. Bài làm xong, phải đọc lại để chữa lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu...

TIẾT 10

TẢ CÂY CỐI

(Trả bài viết kì trước)

I - Đề bài

Ở vườn (hoặc công viên), các luống hoa (chậu hoa) nở bông rất đẹp. Hãy tả một cây hoa mà em thích nhất.

II - Hướng dẫn

- Nghe và ghi những lời nhận xét của thầy giáo, cô giáo về những ưu điểm, khuyết điểm chung của bài văn đã làm kì trước.

- Chữa những lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi đặt câu mà thầy giáo, cô giáo đã hướng dẫn chữa ở bài làm của em.

- Tìm đọc các bài làm được điểm cao của các bạn trong lớp để học tập, rút kinh nghiệm.

III - Giới thiệu một số đề bài tả cây cối

1. Em hãy tả cây phượng trồng gần nơi em ở.

2. Em hãy tả một cây hoa hồng đang ra hoa.

3. Em hãy tả vẻ đẹp của cây hoa đại (bông sứ), hoa đào hoặc hoa mai vào một buổi nào đó trong ngày (ví dụ: khi nắng sớm, lúc ban chiều gió mát...).

4. Em hãy tả một cây chuối đang có buồng.

5. Em hãy tả một cây ăn quả đang trong mùa quả chín (mít, vải, na.... hoặc sầu riêng, xoài, vú sữa...).

TIẾT 11

TẢ LOÀI VẬT

(Quan sát và tìm ý)

I - Đề bài

Gia đình em (hoặc bạn em) thường hay nuôi gà. Hãy tả một con gà trống mà em (hoặc bạn em) chăm sóc.

II - Hướng dẫn

Sau bước tìm hiểu đề bài là bước quan sát :

1. Đến gần chuồng gà, hoặc nơi gà thường kiếm ăn, chú ý quan sát con gà trống em thường chăm sóc. Em nhìn xem con gà trống thuộc giống gì ? (gà ri, gà cổ, gà Đông Cảo, gà công nghiệp....). Gia đình em đã nuôi con gà này được bao lâu ? Em chăm sóc gà từ bao giờ ? Gà nặng chừng mấy kg ?...

2. Em nhìn kĩ hình dáng bên ngoài xem gà có những đặc điểm gì về thân hình, màu lông ? ... Em thấy các bộ phận đầu (mào, mỏ, mắt...), mình, chân... ra sao ? (Chú ý màu lông của gà).

3. Em theo dõi một vài thói quen sinh hoạt của gà : kiếm ăn, uống nước hoặc khi em cho ăn... Thái độ của gà trống đối với gà mái, gà con và những con gà trống khác ?

Đặc biệt gà trống lớn thường gáy vào sáng sớm hoặc trưa. Tiếng gà gáy ra sao ? Tác dụng của tiếng gà gáy trong không gian và trong sinh hoạt của gia đình em như thế nào ?

III - Ghi nhớ

Mỗi con vật có đặc điểm riêng về hình dáng, thói quen sinh hoạt, sự hoạt động. Tả loài vật là phải tìm ra những đặc điểm

riêng ấy để miêu tả. Cần chú ý tả rõ sự hoạt động của con vật để nêu bật tính nết của nó trong mối quan hệ với người chăm sóc.

TIẾT 12

TẢ LOÀI VẬT

(Lập dàn bài)

I - Đề bài

Gia đình em (hoặc bạn em) thường nuôi gà. Hãy tả một con gà trống mà em (hoặc bạn em) chăm sóc.

II - Hướng dẫn

1. Căn cứ vào kết quả quan sát con gà trống ở tiết học trước, em lập dàn ý từng đoạn (tả hình dáng và tả thói quen sinh hoạt của con gà trong phần Thân bài).

2. Em lập dàn bài đủ ba phần : Mở bài - Thân bài - Kết luận.

III - Ghi nhớ

Dàn bài tả con vật gồm ba phần :

1. *Mở bài* : Giới thiệu con vật sẽ tả (nó ở đâu, vào lúc nào ?)

2. *Thân bài* : Tả con vật

a) Tả hình dáng bên ngoài.

- Tả bao quát : Con vật lớn bằng chừng nào ? Chiều dài, độ cao, thân hình ra sao ? Lông màu gì ?...

- Tả từng bộ phận : đầu, mình, chân...

b) Tả thói quen sinh hoạt và một vài hoạt động chính của con vật qua các chi tiết chọn lọc tiêu biểu...

3. *Kết luận* : Nêu cảm nghĩ của em về con vật.

TIẾT 13

TẢ LOÀI VẬT

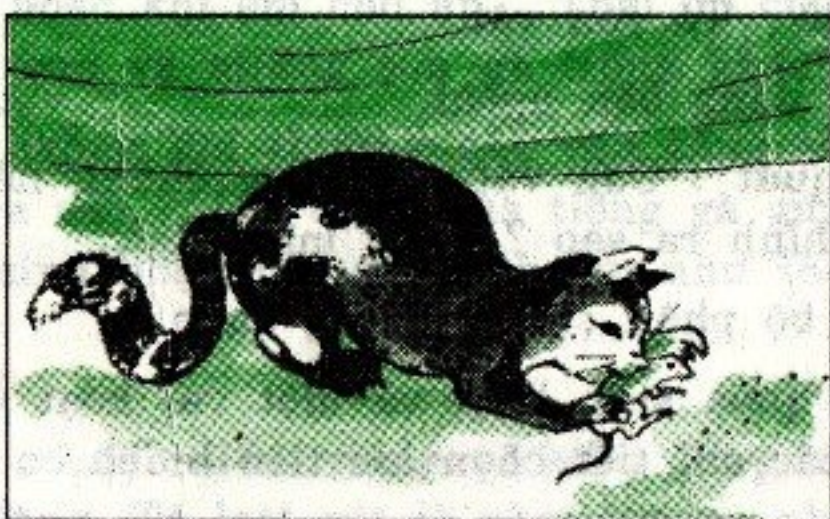
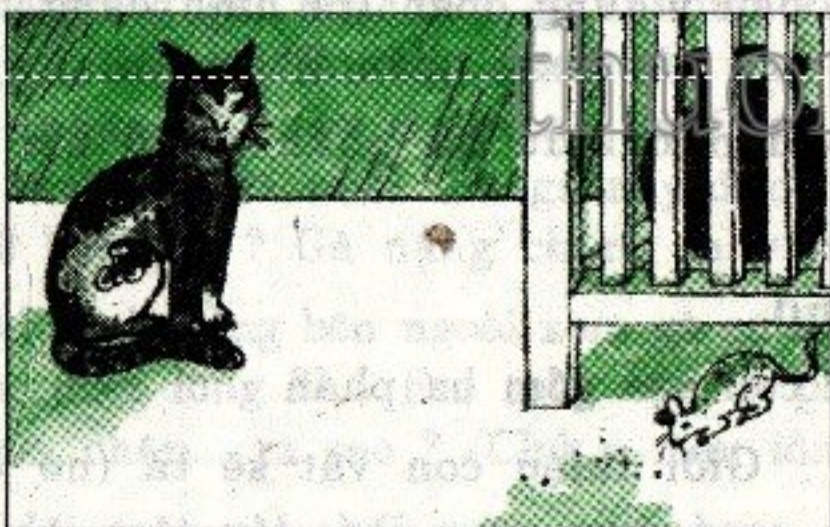
(Làm văn miệng ở lớp)

I - Đề bài

Em hãy tả hình dáng và hoạt động của con mèo nhà em (hoặc con mèo em thường thấy).

II - Hướng dẫn

1. Để chuẩn bị tốt cho bài làm miệng, em quan sát con mèo định tả, xem nó có những đặc điểm gì về hình dáng bên ngoài? Những bộ phận: đầu, thân, đuôi, chân... của mèo có điểm gì đáng chú ý? Quan sát thấy gì, em ghi nhận xét vào vở nháp.



Em theo dõi và quan sát một vài hoạt động của mèo như khi được cho ăn, khi ngủ, khi nằm sưởi nắng, khi săn bắt chuột, khi đùa giỡn với người....

3. Dựa vào dàn bài tả con vật đã học, em lập một dàn bài tả con mèo, có ghi đầy đủ những ý chính của từng phần, từng đoạn để diễn đạt thành bài làm văn miệng ở lớp.

TIẾT 14

TẢ LOÀI VẬT

(Làm văn viết ở lớp)

I - Đề bài

Em hãy tả hình dáng và hoạt động của con mèo nhà em (hoặc con mèo em thường thấy).

II - Hướng dẫn

1. Đọc kĩ lại đề bài, sửa và bổ sung dàn bài làm văn miệng đã được thầy giáo, cô giáo hướng dẫn thêm ở tiết học trước. Viết nháp thành bài văn, sau đó viết vào giấy hoặc vở Tập làm văn để nộp cho thầy giáo, cô giáo chấm.

2. Bài làm xong cần đọc lại để chữa lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

TIẾT 15

TẢ LOÀI VẬT

(Trả bài viết kĩ trước)

I - Đề bài

Em hãy tả hình dáng và hoạt động của con mèo nhà em (hoặc con mèo em thường thấy).

II - Hướng dẫn

- Nghe và ghi những nhận xét của thầy giáo, cô giáo về những ưu điểm, khuyết điểm chung của bài văn đã làm kĩ trước.

- Chữa những lỗi chính tả, dùng từ và lỗi đặt câu mà thầy giáo, cô giáo đã chỉ ra ở bài làm của em.

- Tìm đọc các bài làm được điểm cao của các bạn trong lớp để học tập, rút kinh nghiệm.

- Sưu tầm và ghi lại (vào Sổ tay văn học hoặc vở Tập làm văn) những từ ngữ diễn tả tiếng kêu của một số loài chim (như gà, vịt, ngan, ngỗng, sáo, họa mi...), loài thú (như chó, mèo, dê, trâu, bò, ngựa...).

III - Giới thiệu một số đề bài tả loài vật

1. Địa phương em có nuôi nhiều vịt đẻ. Em hãy tả một con vịt đang kiếm mồi ở trong ao (hồ, hoặc đầm).

2. Trước cửa một chuồng chim bồ câu, chim mẹ vừa đi kiếm mồi về đang mớm cho con. Em hãy tả đôi chim mẹ con ấy.

3. Em hãy tả một con gà mái dẫn đàn con đi kiếm mồi ra dáng một người mẹ chăm làm, luôn luôn bận bịu vì con (có thể "nhân hóa" cho mẹ con nhà gà trò chuyện với nhau trong khi kiếm ăn).

4. Gia đình em có nuôi một con chó rất khôn. Em hãy tả con chó đó.

5. Quê em vừa tổ chức thi trâu bò béo khỏe do thiếu nhi chăm sóc. Em hãy tả một con trâu (hay bò) được giải trong kì thi đó.

TIẾT 16

ÔN TẬP

(Tả đồ vật - Tả cây cối - Tả loài vật)

I - Đề bài (gợi ý)

1. Nhiều năm nay, chiếc đồng hồ báo thức chăm chỉ và đúng giờ đã là bạn thân trong gia đình em. Em hãy tả chiếc đồng hồ ấy.

2. Gần nhà em có vườn trồng nhiều cây. Giữa vườn, cây cam được chăm sóc tốt nên ra rất nhiều quả. Em hãy tả cây cam trĩu quả đó.

3. Trong các con vật nuôi trong nhà, em thích con nào nhất? Hãy tả con vật đó (hình dáng, tính nết và một vài hoạt động của nó).

II - Hướng dẫn

1. Ôn lại mục "Ghi nhớ" ở các bài đã học.

2. Lập dàn bài một trong ba đề gợi ý trên (có sự hướng dẫn của thầy giáo, cô giáo).

III - Ghi nhớ

Văn miêu tả ở lớp 4 có các kiểu bài : tả đồ vật, tả cây cối, tả loài vật (học kì I) và tả cảnh (học kì II).

Khi làm bài văn miêu tả, các em cần nắm chắc các yêu cầu sau :

- Quan sát kĩ (bằng các giác quan) đồ vật, cây cối, loài vật để tìm ra những đặc điểm.

- Miêu tả phải theo trình tự hợp lí. Ví dụ : tả từ xa đến gần, từ trên xuống dưới..., có phân biệt cái chính cái phụ (cái chính cần tả cụ thể tỉ mỉ, cái phụ chỉ tả khái quát).

- Khi tả, thể hiện tình cảm và thái độ của mình đối với đồ vật, cây cối hoặc loài vật được tả.

- Từ dùng để tả phải chính xác, có hình ảnh, gợi cảm... Hành văn rõ ràng, dễ hiểu, hấp dẫn.

TIẾT 17

KIỂM TRA HỌC KÌ I

(Làm văn viết ở lớp)

MỤC LỤC

Phân môn	Tiết	Tên bài	Trang
TẬP ĐỌC		<i>Chủ đề Măng non</i>	
	1	Ngày khai trường	3
	2	Cậu học sinh giỏi nhất lớp	5
	3	Việt Nam thân yêu	7
	4	Trung thu độc lập	8
	5	Nghe thầy đọc thơ	10
	6	Quà tặng cha	11
	7	Mẹ vắng nhà ngày bão	13
	8	Khúc hát ru	14
	9	Về thăm bà	16
	10	Thương ông	18
		<i>Chủ đề Đất nước</i>	
	11	Đất nước	20
	12	Con chuồn chuồn nước	21
	13	Tre	22
	14	Những chú gà xóm tôi	24
	15	Những cánh bướm bên bờ sông	26
	16	Trên hồ Ba Bể	27
	17	Đường đi Sa Pa	29
	18	Bè xuôi sông La	31
	19	Rừng cọ quê tôi	33
	20	Trâu đôi	35
	21	Cỏ non	37
	22	Cảnh rừng Việt Bắc	39
	23	Đi máy bay Hà Nội - Điện Biên	40
	24	Âm thanh thành phố	42
	25	Buổi sáng ở Hòn Gai	44
	26	Trên công trường khai thác than	45
	27	Cửa Tùng	47
	28	Thị trấn Cát Bà	48
	29	Chim rừng Tây Nguyên	50
	30	Rừng phương Nam	51
	31	Hành quân giữa rừng xuân	53
	32	Vườn quả cù lao sông	55

	33	Đất Cà Mau	56
	34	Cá heo ở biển Trường Sa	58
TỪ NGỮ	1	Thấy trò	61
	2	Tổ quốc	62
	3	Bà cháu	64
	4	Mẹ con	65
	5	Ôn tập	67
	6	Quê hương	69
	7	Quê hương (tiếp theo)	70
	8	Thắng cảnh	71
	9	Sông nước	73
	10	Trung du	76
	11	Việt Bắc	77
	12	Ôn tập	79
	13	Vùng mỏ	80
	14	Biển cả	82
	15	Miền Nam	83
	16	Chim chóc	86
	17	Gia súc	89
NGỮ PHÁP		Chương I - TIẾNG VIỆT - CHỮ VIỆT	
	1	Tiếng Việt - Chữ Việt	93
	2	Câu và từ	96
	3	Từ, tiếng và chữ	98
	4	Các bộ phận của tiếng	100
	5	Tiếng và âm - Nguyên âm và phụ âm	102
	6	Âm và chữ cái - Bảng chữ cái	104
	7	Từ đơn và từ ghép	106
	8	Từ láy	109
	9	Ôn tập chương I	110
		Chương II - CÂU CHIA THEO MỤC ĐÍCH NÓI	
	10	Câu kể - Dấu chấm	112
	11	Câu hỏi - Dấu chấm hỏi	114
	12	Câu cầu khiến - Dấu chấm cảm	116
	13	Câu cảm - Dấu chấm cảm	118
	14	Câu hội thoại - Dấu gạch ngang, dấu ngoặc kép	121
	15	Ôn tập chương II	124
		Chương III - BỘ PHẬN CHÍNH CỦA CÂU CÁC TỪ LOẠI CƠ BẢN	
	16	Hai bộ phận chính của câu : chủ ngữ - vị ngữ	126